

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NINH

**TÀI LIỆU
GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
CHO THANH NIÊN QUẢNG NINH**

QUẢNG NINH - 3/2022

LỜI NÓI ĐẦU

Thời gian qua, Công tác giáo dục lý luận chính trị và học tập lý luận chính trị trong đoàn viên thanh niên tỉnh Quảng Ninh đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới. Đa số đội ngũ đoàn viên, thanh niên thông qua việc học tập lý luận chính trị đã không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế công việc góp phần đưa chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống một cách hiệu quả.

Để góp phần giáo dục, nâng cao hơn nữa nhận thức lý luận chính trị của đoàn viên, thanh niên hiện nay, khi hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức biên soạn, biên tập cuốn: *Tài liệu giáo dục Lý luận chính trị dành cho thanh niên Quảng Ninh*. Nội dung cuốn sách sử dụng làm tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, tuyên truyền cho đoàn viên, thanh niên, đặc biệt thanh niên là đối tượng học sinh trung học phổ thông trong tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào nội dung 4 bài học lý luận chính trị cho đoàn viên và trên cơ sở tình hình thực tế, cuốn Tài liệu được biên soạn gồm 5 chuyên đề: (1)- Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; (2)- Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức, lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; Khái lược lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh; (3)- Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện

nay; (4)- Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; (5)- Nhận diện đánh giá tác động của mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên hiện nay.

Xin trân trọng giới thiệu *Tài liệu giáo dục Lý luận chính trị dành cho thanh niên Quảng Ninh với các đồng chí và quý vị độc giả.*

Tháng 02 năm 2022

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NINH

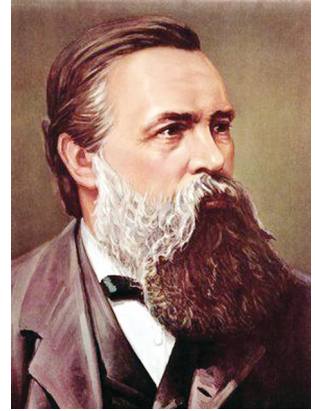
BÀI 1

CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I- CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN LÀ HỌC THUYẾT KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

1. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, khi mà chủ nghĩa tư bản ở châu Âu đang trên đà phát triển mạnh mẽ đã tạo ra những điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội thuận lợi cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Đặc biệt, sự xuất hiện giai cấp



Các Mác (1818 - 1883) Ph. Ăngghen (1820 - 1895)

vô sản trên vũ đài lịch sử và cuộc đấu tranh mạnh mẽ của giai cấp này là một trong những điều kiện chính trị - xã hội quan trọng nhất cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác ra đời còn là kết quả của sự kế thừa có chọn lọc, tiếp thu có phê phán toàn bộ những tinh hoa trong lịch sử tư tưởng của nhân loại từ cổ đại đến thời đại của C.Mác (1818 - 1883) và Ph.Ăngghen (1820 - 1895), nhưng trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác được Lênin bổ sung, phát triển trong điều kiện chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học và cách mạng, bởi nó phản ánh đúng quy luật khách quan vận động của lịch sử và đấu tranh xóa bỏ mọi hình thức nô dịch con

người, xây dựng một xã hội mà ở đó không còn người bóc lột người, người đàn áp người, người nô dịch người và sự tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người.

2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học gồm ba bộ phận thống nhất hữu cơ không thể tách rời nhau:

- Triết học Mác - Lênin là khoa học về những quy luật phổ biến chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; trang bị cho con người thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (tức là nghiên cứu quan hệ sản xuất), nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với quy luật giá trị thặng dư, chỉ rõ bản chất, những quy luật kinh tế chủ yếu của sự hình thành, phát triển và đưa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tới chỗ diệt vong; chỉ ra những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất mới, con đường xây dựng một xã hội không có áp bức bất công, vì tự do, ấm no, hạnh phúc cho mọi người - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng xây dựng xã hội mới; xã hội chủ nghĩa - không còn người áp bức người, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3. Những nội dung chủ yếu thể hiện bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin

3.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học thống nhất của ba bộ phận cấu thành không thể tách rời là Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Triết học Mác - Lênin chỉ ra rằng, lực lượng sản xuất theo quy luật khách quan tự thân luôn

vận động phát triển và đến một giai đoạn nhất định sẽ mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất hiện có, mâu thuẫn này được giải quyết sẽ làm cho phương thức sản xuất mới ra đời, kéo theo nó là một xã hội mới, một hình thái kinh tế - xã hội mới được ra đời từ trong lòng xã hội cũ, hình thái kinh tế - xã hội cũ. Quá trình này diễn ra một cách lịch sử - tự nhiên. Từ trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ hình thành những điều kiện, tiền đề vật chất cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Học thuyết giá trị thặng dư của Kinh tế chính trị học Mác - Lênin chỉ rõ sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là mục đích và quy luật vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn với tính chất tư bản tư nhân chủ nghĩa của sự chiếm hữu tư liệu sản xuất là nguyên nhân của mọi mâu thuẫn trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học là còn bởi lẽ, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã kế thừa toàn bộ tinh hoa trong lịch sử tư duy của nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin còn có căn cứ cơ sở, tiền đề khoa học; có giai cấp vô sản và thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp này và các phương pháp khoa học, khách quan trong nhận thức tự nhiên, xã hội và tư duy của con người.

3.2. Chủ nghĩa Mác- Lênin là sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan khoa học và phương pháp luận mácxít

Trước khi chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời, thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng khoa học luôn tách rời nhau. Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật thống nhất hữu cơ với phép biện chứng. Đồng thời, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng đều được C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển lên một trình độ mới về chất hơn hẳn so với trước đó. Do đó, sự thống nhất thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng khoa học mácxít là một đặc trưng không thể thiếu của chủ nghĩa Mác - Lênin.

3.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người với việc xác định rõ con đường, lực lượng, phương thức để đạt mục tiêu đó

Chủ nghĩa Mác - Lênin xuất phát từ con người hiện thực và cũng nhằm mục đích giải phóng con người. Chủ nghĩa Mác - Lênin không có mục tiêu nào khác là giải phóng con người khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột. Nhưng để giải phóng con người, trước hết phải giải phóng giai cấp công nhân rồi tiến tới giải phóng nhân loại, giải phóng xã hội. Con đường giải phóng này là con đường đấu tranh cách mạng đập tan nhà nước tư sản bóc lột, xây dựng một nhà nước mới - nhà nước xã hội chủ nghĩa và sau này là cộng sản chủ nghĩa. Thực tiễn lịch sử phát triển của nhân loại đã chứng tỏ ý nghĩa nhân văn to lớn của mục tiêu giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cả về phương diện lý luận, cả về phương diện thực tiễn đều chứng tỏ, chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa nhân đạo nhất.

3.4. Chủ nghĩa Mác- Lênin là một học thuyết mở, không ngừng được đổi mới, được phát triển trong dòng trí tuệ của nhân loại

Về bản chất, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết phát triển, là hệ thống mở, luôn được bổ sung, phát triển. Ngay từ năm 1887, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Lý luận của chúng tôi không phải là một giáo điều, mà là sự giải thích quá trình phát triển, quá trình này bao hàm trong bản thân nó một loạt những giai đoạn kế tiếp nhau”. V.I.Lênin sau này cũng đã không ít lần nhắc lại lời Ph.Ăngghen và khẳng định lại luận điểm kinh điển ấy của chủ nghĩa Mác.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh - hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam

4.1. Khái niệm và nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

4.1.1. Khái niệm

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại” (*Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, được khẳng định trong các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, lần thứ XI của Đảng*).



Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969)

4.1.2. Nguồn gốc hình thành

Thứ nhất, tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin ở nhiều vấn đề lý luận quan trọng, nhất là lý luận về giai cấp - dân tộc và lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hồ Chí Minh là một trong những người con ưu tú của dân tộc. Người đã kế thừa và phát triển các giá

trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong đó giá trị tiêu biểu là chủ nghĩa yêu nước; ý chí tự lực, tự cường; tinh thần nhân nghĩa; truyền thống đoàn kết tương thân tương ái, truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo...

Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Đông, nhất là những tư tưởng tiến bộ trong Nho giáo, Phật giáo và tư tưởng tiến bộ của Tôn Trung Sơn. Hồ Chí Minh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái và cách mạng phương Tây. Từ đó, Người hướng cách mạng Việt Nam theo những giá trị của nền văn hóa ấy.

Thứ tư, tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là người có tâm hồn của một người yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu thương Nhân dân vô hạn, một nhân cách lớn. Hồ Chí Minh cũng là người có tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, không ngừng học tập để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, kinh nghiệm đấu tranh của các phong trào giải phóng dân tộc.

4.2. Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

4.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người gắn bó chặt chẽ với nhau. Bởi lẽ, giải phóng dân tộc tạo tiền đề, điều kiện để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người. Tuy nhiên, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội và con người sẽ củng cố, khẳng định, bảo vệ giải phóng dân tộc. Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, các nước thuộc địa và phụ thuộc phải tiến hành chủ động, sáng tạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Trong các cuộc cách mạng giải phóng ấy thì giải phóng con người là mục tiêu cao nhất của cách mạng, thúc đẩy cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

4.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội thì độc lập dân tộc mới vững bền. Nói khác đi, chỉ có lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa mới là con đường bảo vệ và phát triển vững chắc nhất thành quả của độc lập dân tộc, mới bảo đảm cho Nhân dân thực sự được hạnh phúc, đồng bào ta thực sự được ấm no. Tất nhiên, độc lập dân tộc cũng là điều kiện, tiền đề, cơ sở để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh chỉ rõ phát triển lên chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển đúng đắn và hợp quy luật khách quan của Việt Nam. Điều này có các luận cứ:

Thứ nhất, đây là quy luật phát triển khách quan của lịch sử không ai có thể ngăn cản được. Người khẳng định: “Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa... Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được”.

Thứ hai, Hồ Chí Minh không nói nhiều về khái niệm chủ nghĩa xã hội, nhưng chủ nghĩa xã hội mà Người hiểu là mô hình xã hội duy nhất thực hiện được ham muốn của Người là dân tộc được độc lập, Nhân dân được hạnh phúc, đồng bào được tự do, ấm no, hạnh phúc. Chủ nghĩa xã hội, theo Hồ Chí Minh chính là “làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân có học hành”. “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho Nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ”. “Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân và do Nhân dân tự xây dựng lấy”.

Có thể nói, chủ nghĩa xã hội theo Hồ Chí Minh là làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người ai cũng có việc làm, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành; các dân tộc trong nước đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Chủ nghĩa xã hội có quan hệ hòa bình, hữu nghị với tất cả các nước, các dân tộc. Rõ ràng, chủ nghĩa xã hội như vậy sẽ không chỉ bảo vệ vững chắc thành quả của độc lập dân

tộc mà còn làm cho Nhân dân được hạnh phúc, đồng bào được ấm no, tạo điều kiện phát triển mới cho dân tộc, cho mọi người dân. Do vậy, mà Hồ Chí Minh đã gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội và đây là một giá trị bền vững trong tư tưởng của Người.

4.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Sức mạnh dân tộc theo Hồ Chí Minh, đó là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập, tự do, ý thức tự lực, tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết. Sức mạnh của thời đại được Hồ Chí Minh đúc kết từ chính thực tiễn hoạt động cách mạng của Người. Trải qua nhiều nước trên thế giới, Người hiểu rằng, “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”.

Hồ Chí Minh cho rằng sức mạnh thời đại bao gồm sức mạnh của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc; phong trào cách mạng của công nhân và Nhân dân lao động các nước chính quốc và tư bản chủ nghĩa nói chung; phong trào xã hội chủ nghĩa; phong trào vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; phong trào cách mạng của Nhân dân Đông Dương...

Chính vì vậy, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng; là xây dựng được khối liên minh đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp vô sản và Nhân dân thuộc địa với giai cấp vô sản và Nhân dân lao động ở các nước chính quốc; là phát huy sức mạnh của các dòng thác cách mạng trên thế giới phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

4.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh của Nhân dân, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Với Hồ Chí Minh, quần chúng Nhân dân còn là người quyết định lịch sử. Người thường hay trích dẫn câu ca của người dân vùng Quảng Bình, Vĩnh Linh “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong” để nói lên vai trò to lớn của quần chúng Nhân dân. Vai trò của Nhân dân còn được Người khẳng định rõ: “Ở đâu có

dân là có núi, có sông, có biển. Dân có sức mạnh hơn cả sông núi. Nếu ta biết dựa vào dân thì sẽ thành công”.

Hồ Chí Minh khẳng định, đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược cơ bản, nhất quán, lâu dài, là vấn đề sống còn, quyết định thành công của cách mạng. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng nhằm hình thành và phát triển sức mạnh to lớn của toàn dân trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù của dân tộc, của nhân dân. Theo Người, đoàn kết làm nên sức mạnh và là cội nguồn của mọi thành công.

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân. Vì, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, không phải là việc một hai người có thể làm được. Đại đoàn kết toàn dân có nghĩa là phải tập hợp được tất cả mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Nguyên tắc cơ bản để xây dựng khối đại đoàn kết là bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

4.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ có nghĩa “dân là chủ”. Người nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do Nhân dân làm chủ”, “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là Nhân dân là người chủ”, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Theo Người: “Nước ta là nước dân chủ Bao nhiêu lợi ích đều vì dân Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”... Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”.

Nội dung quan trọng của Nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh là khẳng định cội nguồn quyền lực nhà nước ta là ở Nhân dân. “Nhà nước của ta là nhà nước dân chủ của Nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta và bản chất này được thể hiện ở chỗ: trước hết, nhà nước ấy do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Hai là, nhà nước này bảo vệ, chăm lo lợi ích cho Nhân dân lao động. Ba là, nhà nước này có

nhiệm vụ điều hành, “phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”. Bốn là, nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của nhà nước này là nguyên tắc tập trung dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “dân như nước mình như cá”; phải “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân... Chính phủ chỉ giúp kế hoạch cổ động”. Vì vậy, Đảng ta luôn chủ trương dựa vào dân, tạo điều kiện để Nhân dân phát huy cao nhất quyền làm chủ, tham gia tích cực vào việc quản lý nhà nước. Nhà nước vì dân nghĩa là mọi hoạt động của Nhà nước đều phải xuất phát và vì lợi ích của Nhân dân; việc gì có lợi cho dân thì phải làm cho kỳ được; việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh.

4.2.6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang Nhân dân

Hồ Chí Minh sớm nhận ra rằng, muốn giải phóng dân tộc thì phải có lực lượng quân sự và lực lượng này phải có tổ chức, phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng lực lượng vũ trang phải nắm vững quan điểm: sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Dân như nước, quân như cá. Phải làm cho dân hết sức giúp đỡ mình thì mình mới đánh thắng giặc”.

Để xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng cần kết hợp giáo dục quân sự với chính trị. Bởi lẽ, “Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại”. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng phải toàn diện về các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và quân sự. Hồ Chí Minh có quan điểm rất đúng về quan hệ giữa con người và vũ khí, theo Người “con người là quyết định, vũ khí là quan trọng”, “người trước, súng sau”.

Đồng thời, Người đề ra tư tưởng tổ chức lực lượng vũ trang ba thứ quân - bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, du kích. Đó là cách tổ chức độc đáo, hiệu quả trong tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh. Phương châm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Hồ Chí Minh là tự lực cánh sinh.

4.2.7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Hồ Chí Minh luôn luôn đặt những vấn đề kinh tế trong mối quan hệ chặt chẽ với những vấn đề chính trị - xã hội: “Chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”. Do vậy, ngay sau khi giành chính quyền về tay Nhân dân, Người đã kêu gọi Nhân dân cả nước tích cực tăng gia sản xuất, quyết tâm diệt giặc đói và chỉ rõ trách nhiệm “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi”. Với một nước nông nghiệp, Người đưa ra cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp; xem nông nghiệp là mặt trận hàng đầu đảm bảo an ninh lương thực để công nghiệp hóa và là hậu phương vững chắc cho sự nghiệp cách mạng. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất. Hồ Chí Minh là người sớm đưa ra chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Hồ Chí Minh đã đưa ra một định nghĩa về văn hóa với nghĩa rộng: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát triển ra những ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương tiện sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”. Theo Hồ Chí Minh, văn hóa có nhiệm vụ chủ yếu là bồi dưỡng con người có tư tưởng đúng và tình cảm cao đẹp; nâng cao dân trí, nghĩa là đề cập tới chức năng giáo dục của văn hóa; bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách lành mạnh, luôn hướng con người tới chân, thiện, mỹ để không ngừng hoàn thiện bản thân. Hồ Chí Minh xác định rõ văn hóa là động lực, là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng. Văn hóa là một mặt trận, nghệ sĩ là người chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng. Văn hóa phải phục vụ quần chúng Nhân dân, đó là quan điểm xuyên

suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa. Hồ Chí Minh rất chú ý đến xây dựng đời sống văn hóa và nếp sống văn hóa.

Hồ Chí Minh yêu cầu “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân”. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nghĩa là phải nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng, độc lập dân tộc, kiên trì phấn đấu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc, ý thức tự lực tự cường, không có gì quý hơn độc lập tự do của Nhân dân. Phải thực hiện công bằng xã hội. Phải phát triển dân trí, coi giáo dục là quốc sách.

4.2.8. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

Đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên theo Hồ Chí Minh có tầm quan trọng đặc biệt - là gốc, là nền tảng cách mạng: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”.

Về bản chất, đạo đức cách mạng “không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”. Đạo đức cách mạng là đạo đức mới, trong đạo đức này có sự thống nhất lợi ích của Đảng với lợi ích của dân tộc và lợi ích của nhân loại tiến bộ. Đạo đức cách mạng không đối lập với đạo đức chân chính của dân tộc và đạo đức của nhân loại tiến bộ. Nó chỉ đối lập, xa lạ với đạo đức cũ, đạo đức thủ cựu của giai cấp bóc lột, thống trị. “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”.

4.2.9. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của thế hệ trẻ - những người mang trong mình bầu nhiệt huyết, sức sống tràn trề, năng lực sáng

tạo... đối với sự trường tồn của đất nước. Theo Người, “Một năm khởi đầu từ mùa Xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”, vận mệnh của quốc gia, dân tộc thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên. “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh, một phần lớn là do thanh niên”. Vì vậy, xuyên suốt, nhất quán trong tư tưởng và hành động, Hồ Chí Minh luôn kêu gọi, đánh thức, giác ngộ và cổ vũ họ tham gia cách mạng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, sẵn sàng giao nhiệm vụ và tạo điều kiện để họ được học tập, lao động, cống hiến...

Hồ Chí Minh cho rằng cần phải tin tưởng ở thế hệ trẻ, phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong xây dựng và kiến thiết đất nước. Muốn phát huy được thế hệ trẻ phải thực sự hiểu thế hệ trẻ; phải quan tâm tới những nguyện vọng, những lợi ích chính đáng của thế hệ trẻ; xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh; nâng cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ.

4.2.10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Đảng Cộng sản Việt Nam, theo Hồ Chí Minh là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Nhưng Đảng không phải là “quan Nhân dân”, mà là “công bộc”, “đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”. Hồ Chí Minh viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch. Phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”.

Đảng chân chính cách mạng phải là Đảng tiên phong về lý luận, khoa học, lại còn phải tiêu biểu cho đạo đức cách mạng trong sáng, chí công vô tư, toàn tâm toàn ý vì Nhân dân và dân tộc.

- Nội dung công tác xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh:

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức nhằm xây dựng đường lối chính trị, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố

cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng tổ chức đoàn kết, thống nhất chặt chẽ.

Xây dựng Đảng về đạo đức để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Đảng hoạt động trên nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tự phê bình và phê bình; kỷ luật nghiêm minh, tự giác; đoàn kết thống nhất trong Đảng.

5. Giá trị, ý nghĩa thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở vạch ra được các quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người giúp chúng ta lựa chọn đúng đắn con đường phát triển của dân tộc - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, chủ nghĩa Mác- Lênin đã giải thích được quy luật phát triển của xã hội loài người một cách khoa học, khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể. Cùng với chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho Đảng ta, dân tộc ta: “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” - là sự lựa chọn đúng đắn con đường phát triển của Việt Nam. Bởi lẽ, độc lập dân tộc là cơ sở, điều kiện, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho độc lập dân tộc thực sự trọn vẹn, bền vững.

Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với việc giải quyết quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho chúng ta phương pháp nhận thức khoa học, đúng đắn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là mang tính phổ biến. Nhưng, mỗi dân tộc, quốc gia căn cứ vào tình hình thực tiễn của dân tộc, quốc gia mình mà lựa chọn hình thức quá độ trực tiếp hay gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội. Đó là tính đặc thù và quan trọng là, không được vận dụng giáo điều những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời phải chống việc tuyệt đối hóa những điều kiện cụ thể của dân tộc, quốc gia và hạ thấp những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác- Lênin, của chủ nghĩa xã hội. Bởi lẽ, khi ấy sẽ rơi vào dân tộc cực đoan, xét lại.

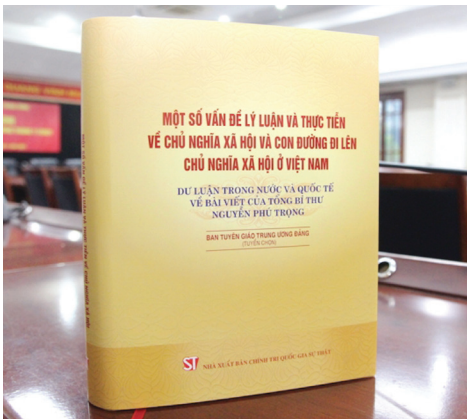
Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho chúng ta phương pháp nhận thức điều kiện cụ thể để thực hiện công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Nói tóm lại, chính chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là thế giới quan, phương pháp luận cho chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới thành công.

Tất cả những điểm trên cho thấy, tại sao Đảng ta lại lấy chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng thế giới quan, kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Chủ nghĩa xã hội là gì?

Nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của Nhân dân với tinh thần “Không có gì quý hơn Độc lập Tự do”.



Tài liệu nghiên cứu: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết

triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc.

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và Nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: “Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa”. Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: “Đảng và Nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), chúng ta một lần nữa khẳng định: “*Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của Nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử*”.

Vậy, *Chủ nghĩa xã hội là gì?* Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành nhận thức tổng quát: *Xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do Nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân*

dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

2. Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa?

Đưa đất nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường phù hợp nhất, đúng đắn nhất. Sự lựa chọn này xuất phát từ nhiều yếu tố. Thứ nhất, đây là con đường duy nhất đã đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc và Nhân dân sau khi cách mạng Việt Nam đã thử qua rất nhiều con đường khác nhau. Yếu tố này đã được minh chứng trong lịch sử đấu tranh giữ nước hào hùng của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Thứ hai, chủ nghĩa tư bản, cho dù hiện nay đang phát triển mạnh mẽ, có thể coi là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất thì vẫn là một xã hội “không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái”. Hay nói cách khác, chủ nghĩa tư bản sẽ không phải là sự lựa chọn phù hợp với Việt Nam, không đáp ứng được yêu cầu và đem lại hạnh phúc thực sự cho Nhân dân.

Ở chủ nghĩa tư bản hiện nay, mặc dù đã có nhiều điều chỉnh, còn tiềm năng phát triển nhưng vẫn không thể khắc phục những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Đó là những cuộc suy thoái, khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ, làm phơi bày ra những bất công trong xã hội tư bản: Thất nghiệp, khoảng cách giàu nghèo, xung đột sắc tộc... Kinh tế ảnh hưởng lớn đến xã hội, những xung đột xã hội xảy ra ở nhiều quốc gia, làm rung chuyển cả những thể chế tưởng chừng vững chắc nhất, vốn là niềm tự hào của chủ nghĩa tư bản. Chính vì vậy, ta có thể thấy, bên cạnh những quốc gia tư bản giàu có thì là hàng dài những quốc gia tư bản khác chìm trong đói nghèo, bất ổn và chiến tranh... Đó cũng là những quốc gia đã và đang bị tổn hại nghiêm trọng bởi chủ nghĩa tư bản.

Do vậy, chúng ta cần một con đường đưa ta đến một xã hội với cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc mà không phải là con đường chủ nghĩa tư bản như nhiều nước đang theo đuổi. Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia

tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân, do Nhân dân và phục vụ lợi ích của Nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và Nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.

Và chính xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi chính là câu trả lời về con đường, về xã hội mà chúng ta mong muốn. Sự đúng đắn của việc lựa chọn và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thể hiện qua thành quả giữ nước, thành quả của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước ta trong những năm qua. Thành quả của công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đã đem lại “cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế” chưa bao giờ có được như đất nước ta hiện nay.

3. Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

Cách thức Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội: Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, **bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa**, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới. Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế



“TỔNG BÍ THƯ: NGUYỄN PHÚ TRỌNG



“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

“Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của Nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”.

độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển.

Vậy, chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Chúng ta phải: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm*

đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống Nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ

phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội.

Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân

dân, lấy hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. *Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ.*

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam.

Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, *xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* thực sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. *Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của Nhân dân*, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội. Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số Nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc.

+ Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

+ Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ.

+ Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham nhũng, quan liêu, thoái hóa v.v..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa v.v... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị.

4. Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?

Công cuộc đổi mới, trong đó có việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thực sự đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua.

Trước đổi mới (năm 1986), Việt Nam vốn là một nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, để lại những hậu quả hết sức to lớn cả về người, về của và môi trường sinh thái. Tôi chỉ nêu thí dụ, cho đến nay vẫn có hàng triệu người chịu các bệnh hiểm nghèo và hàng trăm ngàn trẻ em bị dị tật bẩm sinh bởi tác động của chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Theo các chuyên gia, phải mất đến hơn 100 năm nữa Việt Nam mới có thể dọn sạch hết bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Sau chiến tranh, Mỹ và phương Tây đã áp đặt cấm vận kinh tế với Việt Nam trong suốt gần 20 năm. Tình hình khu vực và quốc tế cũng diễn biến phức tạp, gây nhiều bất lợi cho chúng ta. Lương thực, hàng hóa nhu yếu phẩm hết sức thiếu thốn,



Thành tựu phát triển của Quảng Ninh

đời sống Nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống dưới mức nghèo khổ.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỉ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỉ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỉ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỉ USD vào cuối năm 2020. Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế

nhà nước, 4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80 và cải thiện đáng kể đời sống của Nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước). Đến nay, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại. Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua. Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020. Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hóa cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú, đa dạng. Hiện Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng Internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

Như vậy, có thể nói, việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống Nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã nhận định, sự nghiệp đổi mới đã giành được “những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử”. Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được Nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mới đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn



Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới

quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới”¹.

Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước.

Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập. Trong khi đó, sự cạnh tranh

1. (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 25 - 26).

đang diễn ra ngày càng quyết liệt trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế; văn hóa, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta nhận thức rằng, hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Bên cạnh các mặt thành tựu, tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tỉnh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ,

hiện đại cả về kinh tế và xã hội². Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hóa cho Nhân dân. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của Nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh Nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

2. Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, trang 337 - 338.

Và điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học. Chúng ta cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống.

BÀI 2

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NGƯỜI TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH, TỪ ĐẠI HỘI ĐẾN ĐẠI HỘI

PHẦN I

I- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI, CHẤM DỨT SỰ KHỦNG HOẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, MỞ RA SỰ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh phát triển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, đẩy mạnh xâm chiếm các nước thuộc địa. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ra đời. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt.

Đối với Việt Nam, ngày 01/9/1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Năm 1884, triều đình nhà Nguyễn ký với Chính phủ Pháp bản Hiệp ước Pa-tơ-nốt thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Thực dân Pháp xác lập chế độ cai trị và khai thác thuộc địa ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực:

Về chính trị: thực dân Pháp thực thi chính sách “chia để trị”.

Về kinh tế: thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914), lần thứ hai (1919 - 1929).

Về văn hóa: thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, ngăn chặn mọi ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam.

Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã có những biến chuyển sâu sắc:

Về tính chất xã hội: từ xã hội phong kiến thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.



Công nhân vùng mỏ hưởng ứng phong trào cách mạng

Về mâu thuẫn cơ bản trong xã hội: nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Về cơ cấu giai cấp trong xã hội: giai cấp cũ bị phân hóa (địa chủ phong kiến và nông dân); đồng thời, xuất hiện những giai cấp và tầng lớp mới (công nhân, tư sản và tiểu tư sản).

Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra những yêu cầu cơ bản cần phải giải quyết, đó là: đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, tự do cho Nhân dân và xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho Nhân dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước mắt và nổi lên hàng đầu.

Trước yêu cầu của lịch sử, phong trào đấu tranh chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ:

- Phong trào Cần Vương (1885 - 1896): điển hình là các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)..., với những sĩ phu phong kiến yêu nước như: Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng...

- Khởi nghĩa nông dân Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, là cuộc đấu tranh anh dũng của nông dân Việt Nam kéo dài gần 30 năm (1884 - 1913).

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh.

Phan Bội Châu chủ trương bạo động để giành độc lập dân tộc nhưng dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài (dựa vào Nhật để đánh Pháp), thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến như của Nhật (1905) và sau đó theo chế độ cộng hòa tư sản như ở Trung Quốc (1912).

Phan Chu Trinh chủ trương bất bạo động, tiến hành cải cách văn hóa, mở mang dân trí, làm cho dân giàu, nước mạnh, nhưng lại dựa vào nhà nước “bảo hộ Pháp”.

+ Phong trào Quốc gia cải lương của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên (1919 - 1923).

+ Phong trào yêu nước dân chủ công khai của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới (1925 - 1926).

+ Phong trào Cách mạng quốc gia tư sản của Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học đứng đầu (1927 - 1930) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 02/1930).

Như vậy, vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào chống thực dân Pháp theo ý thức hệ phong kiến, tư sản của Nhân dân ta diễn ra rất sôi nổi và liên tục, nhưng tất cả đều không thành công. Việt Nam lâm vào khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho các thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

2. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong hoàn cảnh Việt Nam đang rơi vào khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, với nhiệt huyết cứu nước, với thiên tài trí tuệ, nhãn quan chính trị sắc bén và được kế thừa các giá trị truyền



Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước

thống của dân tộc Việt Nam, ngày 05/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ ở Pháp lúc đó. Tháng 6/1919, các nước thắng trận họp Hội nghị Hoà bình ở Vécxây (Pháp), Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi tới hội nghị bản yêu sách tám điểm. Những yêu sách của Người không được Hội nghị đáp ứng. Sự kiện này đã giúp Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ: “Chủ nghĩa Uynxon chỉ là một trò bịp bợm lớn”.

Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin đăng trên báo L’Humanite (Nhân đạo), số ra ngày 16 và 17/7/1920. Những luận điểm cách mạng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc mà sau gần mười năm tìm kiếm (1911 - 1920) Nguyễn Ái Quốc mới bắt gặp.

Tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (tháng 12/1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản do Lênin thành lập). Đây cũng là sự kiện Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển



Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam

biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chuyển sang lập trường cộng sản.

Từ đây, Người tiếp tục học tập để bổ sung hoàn thiện tư tưởng cứu nước, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam nhằm chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức, cán bộ cho sự ra đời chính đảng tiên phong ở Việt Nam.

Về tư tưởng: Người tích cực tố cáo, lên án bản chất bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với Nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh Nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng.

Về chính trị: thông qua những tác phẩm lý luận tiêu biểu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức “chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”. Mặt khác, cách mạng giải phóng dân tộc có thể thành công trước cách mạng chính quốc, góp phần thúc đẩy cách mạng chính quốc. Cách mạng muốn giành được thắng lợi thì “trước hết phải có Đảng cách mệnh”.

Về tổ chức: tháng 6/1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập tại Quảng Châu (Trung Quốc), từ đó đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Tháng 3/1929, tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời. Tiếp đó, các tổ chức cộng sản liên tiếp được thành lập: Đông Dương Cộng sản Đảng tại Bắc Kỳ (tháng 6/1929), An Nam Cộng sản Đảng tại Nam Kỳ (tháng 11/1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn tại Trung Kỳ (tháng 01/1930).

Sự ra đời của các tổ chức cộng sản phản ánh sự phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập trong một quốc gia là nguy cơ dẫn đến chia rẽ trong phong trào cách mạng. Yêu cầu bức thiết lúc đó là thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và Nhân dân Việt Nam.

Với sự nhạy bén về chính trị, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày 6/01 đến ngày 07/02/1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản họp tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chỉ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, Hội nghị thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ tóm tắt của các hội quần chúng. Trong đó, nội dung của Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt thể hiện rõ đường lối của cách mạng Việt Nam, với chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã phản ánh sự kết hợp giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX; đồng thời, là sản phẩm của sự kết hợp giữa Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó là một mốc lớn, bước ngoặt trọng

đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

II- QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY

1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc

1.1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Với đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng đã quy tụ đoàn kết xung quanh mình tất cả các giai cấp và tầng lớp yêu nước không phân biệt dân tộc, tôn giáo xây dựng nên lực lượng cách mạng to lớn và rộng khắp trong cả nước, đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai.

Qua 15 năm (1930 - 1945) lãnh đạo cách mạng, trải qua đấu tranh gian khổ, mặc dù gặp phải những tổn thất hy sinh to lớn nhưng Đảng vẫn giữ vững ý chí chiến đấu, kiên định cách mạng, trung thành với mục tiêu tư tưởng của mình. Đảng đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành ba cao trào cách mạng, đó là: Cao trào cách mạng (1930 - 1931) với đỉnh cao Xô Viết - Nghệ Tĩnh; Cao trào cách mạng dân sinh, dân chủ (1936 - 1939); Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945) với đỉnh cao Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trên cơ sở nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế, Đảng đã dự báo đúng thời cơ lịch sử và chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để lãnh đạo Nhân dân tiến hành khởi nghĩa. Với nghệ thuật lãnh đạo và tổ chức khởi nghĩa tài tình, Đảng đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công trọn vẹn. Chỉ trong một thời gian ngắn (từ ngày 14 đến ngày 28/8/1945), Nhân dân Việt Nam đã vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực



Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3/2/1930.

dân, lật nhào chế độ phong kiến tay sai, giành chính quyền về tay Nhân dân.

Ngày 02/9/1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, đưa dân tộc ta bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

1.2. Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt những khó khăn, thách thức nghiêm trọng:

nền kinh tế kiệt quệ, ngân sách quốc gia trống rỗng, nạn đói tiếp tục đe dọa; hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại nặng nề; trong khi đó, ngoại xâm và nội phản câu kết với nhau để cùng chống phá chính quyền cách mạng non trẻ. Vận mệnh của Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trước yêu cầu mới của lịch sử, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... Cụ thể là:

- Lãnh đạo xây dựng chế độ dân chủ Nhân dân: tiến hành bầu cử Quốc hội khóa I (06/01/1946), thành lập Chính phủ chính thức (02/3/1946) và thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (09/11/1946).

- Phát động phong trào chống “giặc đói”, “giặc dốt”, xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ tàn dư văn hóa nô dịch của thực dân.

- Lãnh đạo Nhân dân Nam Bộ tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ thời điểm thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam lần thứ hai (23/9/1945).

- Tiến hành đấu tranh trên mặt trận ngoại giao: trên cơ sở phân tích âm mưu, thủ đoạn của các kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, Đảng đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hóa chúng, tránh tình thế cùng một lúc đương đầu với nhiều kẻ thù. Đó là:

- + Thực hiện sách lược nhân nhượng, hòa hoãn với quân đội Trung Hoa Dân quốc và tay sai của chúng ở miền Bắc để tập trung kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (từ tháng 9/1945 đến tháng 3/1946).

- + Thực hiện sách lược hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp để đẩy nhanh quân đội Trung Hoa Dân quốc về nước, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (từ tháng 3/1946 đến tháng 12/1946).

Với đường lối đúng đắn, sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng đã huy động được sức mạnh đoàn



Bộ chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp và các đồng chí trong Bộ chỉ huy chiến dịch. Ảnh Tư liệu TTXVN

kết toàn dân tộc vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, củng cố giữ vững chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

1.3. Đảng lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)

Bất chấp nguyện vọng yêu chuộng hòa bình của Nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng, chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa. Ngày 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương công bố Chỉ thị Toàn dân kháng chiến và cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Thực hiện chủ trương kháng chiến của Đảng và đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên với quyết tâm: “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng ta đã tổ chức, lãnh đạo Nhân dân vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến 09 năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Chiến thắng Điện Biên Phủ (từ ngày 13/3/1954 đến ngày 07/5/1954) đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa của thế kỷ XX, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của đế quốc, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ. Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Hồ Chủ tịch viết: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của Nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội thế giới”...

Thắng lợi đó đã làm sáng tỏ một chân lý: trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù nhỏ yếu nhưng một khi đoàn kết đứng lên, kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính Đảng Mác-Lênin để giành độc lập và dân chủ thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

1.4. Đảng lãnh đạo Nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975)

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm: đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội đối lập nhau. Miền Bắc đã có hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng đang bắt đầu xây dựng một xã hội mới. Miền Nam vẫn còn dưới ách đô hộ, áp bức của chủ nghĩa đế quốc. Con đường phát triển của cách mạng nước ta lúc này được Đảng ta xác định là phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững chắc của cả nước.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Như vậy, đặc điểm lớn nhất, nét độc đáo của cách mạng Việt Nam thời kỳ này là một Đảng thống nhất lãnh đạo Nhân dân cả nước tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược. Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó cách mạng miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Cách mạng miền Nam giữ vị trí quan trọng, tác động trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã dùng mọi thủ đoạn, thử nghiệm mọi chiến lược chiến tranh: Chiến lược Chiến tranh điển hình của chủ nghĩa thực dân mới (1954 - 1960); Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965); Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968); Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1975).

Với những thắng lợi đó, miền Nam đã xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”, sát cánh cùng đồng bào miền Bắc đánh bại mọi âm mưu, chiến lược của đế quốc Mỹ, góp phần trực tiếp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua 21 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân cả nước đã chiến đấu kiên cường anh dũng với sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế; bằng cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Nhân dân ta đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, mở ra thời kỳ mới - thời kỳ độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay

2.1. Chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975 - 1986)

Ngày 25/4/1976, cử tri cả nước bỏ phiếu (bầu Quốc hội chung của cả nước với 492 đại biểu đủ các thành phần (Quốc hội khóa VI).

Ngay sau đó, các tổ chức đoàn thể cách mạng cũng nhanh chóng được thống nhất.

Từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước trong giai đoạn mới và đường lối xây dựng kinh tế - xã hội. Đại hội đã bổ sung Điều lệ Đảng và đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã chỉ ra chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ bao gồm 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990; đồng thời, chỉ ra những nhiệm vụ bức thiết trước mắt về kinh tế - xã hội của đất nước.

2.2. Đường lối đổi mới và quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay

- Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đã nghiêm khắc kiểm điểm, khẳng định những thành tựu đã đạt được, đồng thời chỉ ra những yếu kém trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, từ đó phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đặc biệt là khuyết điểm chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo phát triển kinh tế. Đại hội chỉ rõ Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991) diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường tác động sâu sắc đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta: các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng toàn diện; các thế lực thù địch ra sức chống phá quyết liệt từ nhiều phía nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực. Đại hội VII của Đảng xác định: “mục tiêu tổng quát của 05 năm tới vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng

cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”.

Đặc biệt, Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991), Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (từ ngày 22/6 đến ngày 01/7/1996) đã nhận định: công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Đại hội quyết định chuyển đất nước sang thời kỳ mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và khẳng định, trong 5 năm 1996 - 2000, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội đã khẳng định: thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng và Nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010), đề ra mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4/2006) đã bổ sung, phát triển nhiều vấn đề về lý luận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặt ra nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Với chủ đề: “Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh

toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, Đại hội X của Đảng đã đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng yêu cầu của đất nước trong xu thế hội nhập thế giới.

Đại hội XI của Đảng (tháng 01/2011) đã tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2011) theo Nghị quyết Đại hội X. Đặc biệt, một trong những đóng góp quan trọng có ý nghĩa lịch sử của Đại hội XI là đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 01/2016) đã tiến hành tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng là quá trình cải biến sâu sắc và toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành và phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống Nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh.

Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày

 **TỔNG BÍ THƯ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
QUA CÁC THỜI KỲ



Các đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ

càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Đại hội XII cũng cho rằng chúng ta còn nhiều hạn chế, khuyết điểm:

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Việc tạo nền tảng để cơ

bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tháng 1 năm 2021), đã tiến hành tổng kết 35 năm đổi mới; 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991; 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020; Đại hội thẳng thắn nhìn nhận những mặt còn hạn chế, những vấn đề cần khắc phục, vượt qua cho giai đoạn 5 năm tiếp theo, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045.

Như vậy, từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập tự do; thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới, đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Với những thắng lợi đã giành được từ khi Đảng ra đời, Việt Nam từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, chủ quyền đất nước được củng cố vững chắc, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, ngày càng ấm no, hạnh phúc, văn minh; đất nước ta đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, có thể khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

PHẦN II

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH, TỪ ĐẠI HỘI LẦN THỨ I ĐẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XV

Quảng Ninh là tỉnh ven biển thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam có 13 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: (04 thành phố, 02 thị xã, 07 huyện), dân số Quảng Ninh tính đến hết năm 2021, là 1.415 người. Là tỉnh có vị trí chiến lược rất quan trọng về quốc phòng - an ninh, có đường biên giới trên đất liền và trên biển với Trung Quốc. Diện tích toàn tỉnh Quảng Ninh là 6.100km², phía Tây giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang, phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ, phía Tây Nam giáp tỉnh Hải Dương và thành phố, Hải Phòng, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Địa hình đồi núi chiếm xấp xỉ 80%, tập trung ở phía Bắc. Biển Quảng Ninh có hơn 2.000 hòn đảo, chiếm 2/3 số đảo cả nước.

Là một tỉnh có nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú, có di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long 2 lần được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) công nhận và nhiều di tích lịch sử văn hóa: Yên Tử, bãi cọc Bạch Đằng, đền Cửa Ông, đình Quan Lạn, đình Trà Cổ, núi Bài Thơ... đây là những điều kiện hết sức thuận lợi cho phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch thể thao, du lịch văn hóa tâm linh.

I- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐẢNG BỘ VÀ CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH

1. Quá trình hình thành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh

Ngày 25/4/1955, Khu mở được hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ khu Hồng Quảng và Đảng bộ tỉnh Hải Ninh lãnh đạo Nhân dân hai tỉnh bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh đã phối hợp chặt chẽ, hoàn thành tốt nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an, tạo điều kiện cho công cuộc khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế ở địa phương.

Ngày 4/10/1963, Ban Bí thư Trung ương Đảng có công văn gửi Ban Tổ chức Trung ương, Đảng đoàn Bộ Nội vụ, Văn phòng nội chính, Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Khu ủy Hồng Quảng và Tỉnh ủy Hải Ninh về việc “Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thống nhất tỉnh Hải Ninh và Khu Hồng Quảng làm một tỉnh” để nghiên cứu kế hoạch thi hành.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, ngày 7 tháng 10 năm 1963, Ban Thường vụ Khu ủy Hồng Quảng và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Ninh họp Hội nghị liên tịch ra nghị quyết về việc hợp nhất Khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh. Nghị quyết nêu rõ: “Việc hợp nhất Khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh là một yêu cầu khách quan phù hợp hoàn toàn với lợi ích trước mắt và lâu dài của Nhân dân 2 tỉnh, không những có lợi to lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa, dân tộc và cán bộ mà còn có lợi ích to lớn về mặt quân sự và quốc phòng”. Hội nghị cũng dự thảo kế hoạch hợp nhất 2 tỉnh Hải Ninh và Khu Hồng Quảng; kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về hợp nhất hai tỉnh... Theo nguyện vọng của Đảng bộ và Nhân dân khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa II ngày 30 tháng 10 năm 1963, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Ung Văn Khiêm thay mặt Hội đồng Chính phủ đọc tờ trình, đề nghị Quốc hội phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và Khu Hồng Quảng thành một đơn vị hành chính mới.

Ngày 18/11/1963, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra nghị quyết số 85-NQ/TW, quyết nghị:

“1. Hợp nhất hai Đảng bộ Hồng Quảng và Hải Ninh thành một Đảng bộ là Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh.

2. Hợp nhất hai Ban Chấp hành Hồng Quảng, Hải Ninh vừa mới được Đại hội Đảng bộ hai cơ sở cử ra, thành Ban Chấp hành tỉnh Quảng Ninh.

3. Sau khi hợp nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh cần tăng cường công tác tư tưởng, ổn định tổ chức, thống nhất lề lối làm việc, bảo đảm chỉ đạo kịp thời, chặt chẽ các mặt công tác trong địa phương...”.

2. Các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh từ khi thành lập đến nay

2.1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ I (1969 - 1971), đại hội được tổ chức từ ngày 02 đến ngày 06 tháng 10 năm 1969 tại Hội trường Giao Tế - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 274 đại biểu chính thức, 13 đại biểu dự khuyết, đến từ 44 Đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh.

Đại hội đề ra nhiệm vụ chung là: “Với tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần tự lực, tự chủ, chúng ta quyết tâm xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có trung tâm công nghiệp quan trọng của cả nước, có công nghiệp Trung ương lớn mạnh và hiện đại, có kinh tế địa phương phát triển phong phú và toàn diện, có nền văn hóa, khoa học kỹ thuật phát triển. Tăng cường lãnh đạo phát triển sản xuất công nghiệp than để đảm bảo yêu cầu về sản xuất ngày càng lớn; phát triển mạnh công nghiệp địa phương và nông nghiệp đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng nhanh về mọi mặt sản xuất, đời sống, du lịch và quốc phòng; đẩy mạnh ba cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học - kỹ thuật và cách mạng về văn hóa tư tưởng. Đó là hành động cách mạng thiết thực để góp phần tích cực xây dựng hậu phương và chi viện cho tiền tuyến nhằm “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

2.2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ II (1971 - 1974), đại hội được tổ chức từ ngày 26 đến ngày 31 tháng 12 năm 1971, tại Hội trường Giao Tế - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai.

Đại hội có 296 đại biểu, trong đó có 271 đại biểu chính thức, 25 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 27.870 đảng viên trong tỉnh. Đại hội khẳng định: Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết phấn đấu, quyết tâm khắc phục khó khăn thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất đạt được nhiều kết quả tốt, phong trào chung trong tỉnh trên một số mặt đã có chuyển biến mới, đời sống Nhân dân được ổn định. Nền kinh tế tỉnh ta trên nhiều mặt đang có đà đi lên... Căn cứ nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại

hội đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong 2 năm 1972 - 1973 và ra lời kêu gọi: Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh ta tăng cường đoàn kết, quyết tâm phấn đấu thực hiện tốt nghị quyết Đại hội góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp đánh thắng đế quốc Mỹ và hoàn thành tốt kế hoạch 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa.

2.3. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ III (1974 - 1976), đại hội được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 15 tháng 01 năm 1974, tại Hội trường Giao Tế - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai.

Dự Đại hội có 286 đại biểu, trong đó có 250 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự khuyết. Đại hội đề ra những nhiệm vụ trong 2 năm 1974 - 1975, động viên toàn Đảng bộ ra sức khắc phục mọi khó khăn, chịu đựng gian khổ, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh đẩy mạnh tốc độ khôi phục, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa... Tăng cường xây dựng chính quyền, phát huy hiệu lực bộ máy quản lý Nhà nước và pháp chế xã hội chủ nghĩa trong việc chỉ đạo, quản lý kinh tế, quản lý và cải tạo xã hội, quản lý nhà nước; phát động phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Xây dựng Đảng bộ vững mạnh, tăng cường rèn luyện giáo dục và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức thực hiện, đặc biệt là năng lực chỉ đạo và quản lý kinh tế.

2.4. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV (1976), đại hội được tổ chức từ ngày 27 đến ngày 30 tháng 4 năm 1976, tại Hội trường Giao Tế - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 316 đồng chí (trong đó có 287 đại biểu chính thức và 29 đại biểu dự khuyết), thay mặt cho 27 nghìn đảng viên và 34 Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 2 năm 1976 - 1977 là: “Phải cố gắng rất lớn để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cơ sở”. “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa. Trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là “then chốt”

nhằm khai thác tốt khả năng, tài nguyên, sức lao động, vật tư thiết bị hiện có để đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp địa phương theo hướng tiến lên sản xuất xã hội chủ nghĩa; đồng thời phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, cải thiện một bước đời sống Nhân dân; không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội”.

2.5. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ V

2.5.1. Đại hội vòng I (1976 - 1977), đại hội được tổ chức từ ngày 14 đến ngày 22 tháng 11 năm 1976 tại thị xã Hồng Gai. Đại hội đã nghe giới thiệu, thảo luận tham gia ý kiến vào bản Đề cương báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và bản Dự thảo Điều lệ (sửa đổi) của Đảng sẽ được trình tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

2.5.2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ V vòng II (1977 - 1980), đại hội được tổ chức từ ngày 20 tháng 4 năm 1977, tại Hội trường Giao Tế - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 500 đại biểu, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế địa phương trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) của tỉnh là: Tập trung cao độ của cả tỉnh, của các cấp, các ngành tạo ra một bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp cả về lương thực và thực phẩm; đồng thời phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp với tốc độ nhanh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương (kể cả tiểu thủ công nghiệp và thủ công nghiệp) theo hướng phát triển thật nhanh vật liệu xây dựng sành, sứ và các mặt hàng tiêu dùng khác nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách về đời sống của Nhân dân, tăng nhanh hàng xuất khẩu.

2.6. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VI (1980 - 1982), đại hội được tổ chức từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 5 năm 1980, tại Hội trường Giao Tế - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 313 đại biểu (trong đó có 301 đại biểu chính thức và 12 đại biểu dự khuyết). Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho 2 năm 1980 - 1981 là: “Phải thấu suốt đường lối, chủ trương của Đảng, ra sức đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm và ổn định đời sống; tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, chuẩn bị chu đáo mọi mặt cho sẵn

sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng; đồng thời tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho những năm sau.

2.7. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VII

2.7.1. Đại hội vòng I (1982 - 1983), đại hội được tổ chức từ ngày 8 đến ngày 15 tháng 01 năm 1982, tại Hội trường Khách sạn Vườn Đào - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Đại hội có 352 đại biểu, của 14 huyện, thị, đảng bộ trực thuộc, thay mặt cho gần 3 vạn đảng viên trong toàn Đảng bộ, Đại hội nhất trí cao với 4 mục tiêu và 10 nhiệm vụ và kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 của chặng đường trước mắt phải tiến hành công nghiệp hóa chủ yếu là đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xây dựng công nghiệp nặng.

2.7.2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VII vòng II (1983 - 1986), đại hội được tổ chức từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 11 năm 1983, tại Hội trường Khách sạn Vườn Đào - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 373 đại biểu (trong đó có 346 đại biểu chính thức và 27 đại biểu dự khuyết). Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ ba năm 1983 - 1985 là: Tập trung phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, nghề rừng, nghề cá, hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng trên cơ sở khai thác tốt nhất tiềm năng về tài nguyên và lao động. Phấn đấu đến năm đạt 120 tấn lương thực, 15 ngàn tấn cá biển, 15 ngàn tấn rau, công nghiệp địa phương, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, đầu tư xây dựng cơ bản, văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật; làm tốt công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tăng cường công tác kiểm tra, công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng củng cố tổ chức cơ sở Đảng.

2.8. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1986 - 1991, đại hội được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 10 năm 1986, tại Nhà văn hóa hữu nghị Việt - Nhật và Khách sạn Vườn Đào - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 489 đại biểu (trong đó có 450 đại biểu chính thức và 39 đại biểu

dự khuyết), thay mặt cho gần 4 vạn đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu 5 năm 1986 - 1990 của tỉnh ta là: Tập trung đẩy mạnh sản xuất than, ngành kinh tế chủ đạo của tỉnh; phát triển nông nghiệp toàn diện, coi nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu của kinh tế địa phương; đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng. Nâng cao chất lượng quan hệ sản xuất mới và cơ chế quản lý mới, ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học. Tiếp tục xây dựng một số cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu và hàng tiêu dùng. Củng cố, mở mang giao thông vận tải, phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội theo hướng nâng cao chất lượng, xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh.

2.9. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX

2.9.1. Đại hội vòng I (1991), đại hội được tổ chức từ ngày 22 đến ngày 25 tháng 4 năm 1991, tại Hội trường Khách sạn Vườn Đào - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 400 đại biểu thay mặt trên 4 vạn đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội khẳng định: Trước bối cảnh tình hình quốc tế đang biến động phức tạp, việc xây dựng Cương lĩnh chính trị để thống nhất tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn dân quyết tâm phấn đấu xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là rất cần thiết, thể hiện ý chí quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, kiên trì đi theo con đường chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn.

2.9.2. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX vòng II (1991 - 1996), đại hội được tổ chức từ ngày 22 đến ngày 26 tháng 10 năm 1991, tại Hội trường Khách sạn Vườn Đào - Bãi Cháy, thị xã Hồng Gai. Dự Đại hội có 399 đại biểu, Đại hội đã đề ra mục tiêu, phương hướng và thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2000 và liên doanh, liên kết; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn viện trợ của các tổ chức quốc tế; đẩy mạnh xuất khẩu để có ngoại tệ nhập vật tư, thiết bị cần thiết cho sản xuất và đời sống.

Đại hội thông qua chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2000: “Ổn định tình hình kinh tế - xã hội, nhanh chóng đưa nền kinh tế của tỉnh thoát ra khỏi tình trạng chậm phát

triển, tạo được thế phát triển một cách vững chắc; xây dựng tỉnh nhà giàu mạnh, tăng nhanh khả năng tích lũy và cải thiện đời sống Nhân dân; củng cố nền quốc phòng toàn dân, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội”.

2.10. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ (1996 - 2001), đại hội được tổ chức từ ngày 7 đến ngày 10 tháng 5 năm 1996, tại Hội trường Nhà khách Ủy ban nhân dân tỉnh. Dự Đại hội có 350 đại biểu thay mặt cho 4,2 vạn đảng viên, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: “Phát huy những thành tích đạt được, tiếp tục khai thác mọi tiềm năng lợi thế của địa phương, đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tranh thủ mọi thời cơ, mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và du lịch...”; trong năm năm tới phát triển toàn diện các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, nhưng lấy ngành công nghiệp và du lịch làm trọng tâm

2.11. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ (2001 - 2005), đại hội được tổ chức từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 01 năm 2001, tại Hội trường Nhà khách Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố Hạ Long). Dự Đại hội có 350 đại biểu, đại diện cho 5 vạn đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội đánh giá khái quát kết quả sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2000). Khẳng định những thành tựu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đạt được trong 5 năm nhiệm kỳ khóa X và 15 năm đổi mới là rất to lớn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác. Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) là: Phát huy nỗ lực của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, vượt qua khó khăn thử thách để tiếp tục công cuộc đổi mới; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giữ vững sự tăng trưởng cao về kinh tế, tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có lợi thế và sức cạnh tranh; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ...

2.12. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XII, nhiệm kỳ (2005 - 2010), đại hội được tổ chức từ ngày 01 đến ngày 04 tháng 11 năm 2005, tại Trung tâm tổ chức Hội nghị tỉnh. Dự Đại hội có 299 đại biểu, đại diện cho trên 6,1 vạn đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh. Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp lớn phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010) và báo cáo xây dựng Đảng. Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát như sau: Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ và đồng bộ, động viên mọi nguồn lực để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phấn đấu phát triển kinh tế với tốc độ cao, ổn định, bền vững, gắn kết với các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; phấn đấu xây dựng Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, phát triển năng động trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015.

2.13. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII, nhiệm kỳ (2010 - 2015), đại hội được tổ chức từ ngày 28 đến ngày 30 tháng 9 năm 2010, tại thành phố Hạ Long. Dự đại hội có 350 đại biểu đại diện cho 71 ngàn đảng viên của toàn Đảng bộ. Đại hội nhất trí đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh và đề ra mục tiêu: Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị. Phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững trên cơ sở nâng cao hơn nữa năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Tạo bước phát triển đột phá về hạ tầng giao thông, đô thị và phát triển nông thôn, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Phát triển văn hóa, xã hội tương xứng với phát triển kinh tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, cải thiện rõ rệt môi trường sinh thái. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Mở rộng, phát huy dân chủ và sức sáng tạo của Nhân dân. Phấn đấu xây dựng Quảng



Đồng chí Nguyễn Xuân Kỳ, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội

Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, năng động của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cửa ngõ quan trọng trong hợp tác kinh tế quốc tế, đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

2.14. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đại hội được tổ chức từ ngày 13 đến ngày 14 tháng 10 năm 2015, tại thành phố Hạ Long. Dự đại hội có 349 đại biểu đại diện cho gần 90 nghìn đảng viên. Đại hội nhất trí đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XIII, và đề ra mục tiêu cho 5 năm (2015 - 2020) và đề ra mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có cơ cấu kinh tế dịch vụ, công nghiệp; là trung tâm du lịch chất lượng cao của khu vực, một trong những cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc với hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, giảm nghèo bền vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; giữ vững chủ quyền biên giới; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo vệ và cải thiện rõ rệt môi trường sinh



Quang cảnh thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh ngày nay

thái; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị của Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và các khu danh thắng, di tích lịch sử.

2.15. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội được tổ chức từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 9 năm 2020, tại thành phố Hạ Long, dự đại hội có 350 đại biểu đến từ 20 đảng bộ trực thuộc, đại diện cho 102.500 đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội đề ra mục tiêu, quan điểm, định hướng phát triển tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020 - 2025 là: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới sáng tạo; huy động sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện phía Bắc.

BÀI 3

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I- KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY



1. Khái quát về hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay

Hệ thống chính trị Việt Nam gồm có:

- Đảng Cộng sản Việt Nam
- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội gồm có:
 - Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một tổ chức thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, là hạt nhân của hệ thống chính trị; Nhà nước là trung tâm của hệ thống chính trị.

Thuật ngữ “hệ thống chính trị” được chính thức sử dụng ở Việt Nam từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (1989). Việc chuyển từ “hệ thống chuyên chính vô sản” sang “hệ thống chính trị” có ý nghĩa nhấn mạnh đến sự tương tác, hợp tác của các chủ thể trong đời sống chính trị - xã hội, nhằm

tạo nên sức mạnh hợp lực của toàn hệ thống và khả năng thích nghi của hệ thống với những thay đổi của môi trường xã hội.

2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các thành tố trong hệ thống chính trị Việt Nam

** Đảng Cộng sản Việt Nam:*

Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là hạt nhân lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chính trị.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Chức năng lãnh đạo của Đảng thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau: Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội; đồng thời Đảng là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Đảng tổ chức, thực hiện tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức và xã hội ủng hộ, thực hiện đường lối, chủ chương của Đảng.

Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua việc thực hiện, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

** Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:*

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị Việt Nam. Nhà nước gồm có các cơ quan trung ương như Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương.

** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội,

tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có tên gọi ban đầu là Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo, được thành lập ngày 18/11/1930.

Từ khi được thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và cùng trải qua các thời kỳ hoạt động cách mạng với những tên gọi khác nhau, Mặt trận là tổ chức tập hợp, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc của Việt Nam - một nhân tố quan trọng góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kế tục và phát huy vai trò lịch sử của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam các thời kỳ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay vẫn tiếp tục đại diện cho lợi ích, tiếng nói rộng rãi của các nhóm xã hội, các giai cấp, tầng lớp Nhân dân, tạo sự đoàn kết, đồng thuận xã hội, huy động nguồn lực, sức mạnh của toàn thể Nhân dân vào xây dựng đảng, chính quyền, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò tập hợp, thu hút các tầng lớp Nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội; tuyên truyền động viên Nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật; phản biện xã hội đối với dự thảo chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tập hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền Nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền với lợi ích chính đáng của Nhân dân; tham gia phát triển tình hữu nghị, hợp tác giữa Nhân dân Việt Nam với Nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là tổ chức lãnh đạo Mặt trận.

** Công đoàn Việt Nam*

Công đoàn Việt Nam được thành lập ngày 28/7/1929. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, tổ chức Công đoàn Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng giai cấp, trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Hiến pháp 2013 quy định: “Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người dân lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội: tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công đoàn Việt Nam là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

** Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam*

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (thành lập ngày 20/10/1930) là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển, tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Hội

là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Liên đoàn các tổ chức phụ nữ ASEAN.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam từ khi thành lập đến nay đã đoàn kết, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ, phát huy truyền thống yêu nước, anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang, góp phần tích cực, quan trọng vào sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có sự phát triển mạnh trong việc tổ chức, thu hút hội viên; có những mô hình liên kết, hỗ trợ thiết thực, sáng tạo cho sự phát triển của các hội viên, tham gia xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế gia đình và đặc biệt đóng góp những ý kiến phản biện, đề xuất chính sách cho Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ, trẻ em và thực hiện những hoạt động cho sự phát triển, bình đẳng giới của phụ nữ Việt Nam.

** Hội Nông dân Việt Nam*

Hội Nông dân Việt Nam (thành lập ngày 14/10/1930) là tổ chức chính trị - xã hội của nông dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ sở chính trị của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, mục đích của Hội là tập hợp đoàn kết nông dân, tạo diễn đàn chia sẻ thông tin và tri thức trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, tạo sự kết nối, hỗ trợ giữa các hội viên, đồng thời đại diện và bảo vệ cho quyền, lợi ích chính đáng của hội viên trong quan hệ với các chủ thể khác của đời sống xã hội. Từ đó, tạo sự đồng thuận, sức mạnh của tổ chức, xứng đáng là lực lượng đồng minh tin cậy trong khối liên minh công, nông, trí, bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển nông dân, nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới.

** Hội Cựu chiến binh Việt Nam*

Hội Cựu chiến binh Việt Nam (thành lập ngày 06/12/1989) là một tổ chức chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hoạt

động theo đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Hội.

Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng và hợp pháp của cựu chiến binh, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu.

** Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh*

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (thành lập ngày 26/3/1931) là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đoàn giữ vai trò nòng cốt chính trị trong việc xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và các thành viên khác của hội. Đối với Đội Thiếu niên tiền phong, Đoàn giữ vai trò là người phụ trách xây dựng tổ chức Đội.

3. Mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị

Toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò, chức năng lãnh đạo đối với toàn xã hội, nhằm phát huy và thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.



Đại đoàn kết toàn dân tộc - Cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Quyền lực của Nhà nước là quyền lực của Nhân dân giao cho để phục vụ Nhân dân. Nhà nước thể chế hóa đường lối, mục tiêu, chủ trương lãnh đạo của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước và tổ chức thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho lợi ích rộng rãi của các giai cấp, tầng lớp xã hội, của toàn thể Nhân dân lao động và yêu nước Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng, Nhà nước, cấp ủy và chính quyền địa phương tôn trọng tính tự chủ, tự nguyện, ủng hộ và tạo mọi điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động tích cực, sáng tạo đóng góp cho Đảng, chính quyền và đất nước, mang lại lợi ích cho Nhân dân. Đảng, chính quyền lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động có hiệu quả, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Trong hệ thống chính trị, các bộ phận cấu thành đều có chung một mục đích là duy trì và đại diện cho quyền lực và lợi ích của giai cấp và dân tộc. Cả hệ thống chính trị Việt Nam đều có chung một mục tiêu là phấn đấu vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nhấn mạnh: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội góp phần quan trọng trong việc thực hiện cương lĩnh, mục tiêu, phương hướng chính trị của Đảng cầm quyền và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội góp phần bảo đảm sức mạnh của hệ thống chính trị. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quyết định việc tập hợp lực lượng Nhân dân, tổ chức các phong trào Nhân dân và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

- Cơ chế và các nguyên tắc vận hành: Hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động theo những nguyên tắc phổ biến của hệ thống chính trị nói chung như: nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; nguyên tắc ủy quyền có điều kiện và có thời hạn; nguyên tắc pháp quyền. Ngoài ra hệ thống chính trị Việt Nam hoạt động theo những nguyên tắc riêng như: tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là tập trung thống nhất, không phân chia, nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

4. Đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam

Hệ thống chính trị Việt Nam cũng được tổ chức theo những mô hình phổ biến của hệ thống chính trị các nước trên thế giới. Mặt khác hệ thống chính trị Việt Nam cũng có những đặc điểm riêng.

Thứ nhất, hệ thống chính trị Việt Nam do duy nhất một Đảng Cộng sản lãnh đạo. Không tồn tại các đảng chính trị đối lập. Đặc điểm này thể hiện tính phổ biến của hệ thống chính trị ở các nước xã

hội chủ nghĩa, vừa thể hiện tính đặc thù xuất phát từ điều kiện thực tế cụ thể ở Việt Nam. Bởi vì, ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã được sự tín nhiệm của Nhân dân, được Nhân dân ủng hộ, tôn vinh ở vị trí lãnh đạo và thực tế Đảng đã xứng đáng với vị trí được tôn vinh này.

Thứ hai, hệ thống chính trị Việt Nam là hệ thống chính trị được xây dựng trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Toàn bộ hệ thống chính trị đều được tổ chức và hoạt động trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta xác định “Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng”.

Thứ ba, do lịch sử hình thành gắn với các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên do Đảng thành lập và lãnh đạo, có mối quan hệ gắn bó, mật thiết với Đảng và Nhà nước. Các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị đều do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập: Nhà nước là hình thức tổ chức quyền lực của Nhân dân - do Đảng lập ra. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội do Đảng sáng lập có nhiệm vụ chính trị là tổ chức tập hợp, đoàn kết quần chúng, đại diện ý chí và nguyện vọng của quần chúng.

Thứ tư, hệ thống chính trị Việt Nam là một hệ thống mang tính thống nhất và tập trung quyền lực. Tính thống nhất của hệ thống chính trị xuất phát từ nguồn gốc quyền lực của Nhân dân ủy quyền cho Đảng, Nhà nước để thực hiện mục đích chung. Mục đích chính trị của toàn bộ hệ thống là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam và mục tiêu cụ thể được xác định là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ năm, trong hệ thống chính trị Việt Nam, các thành viên có địa vị pháp lý vững chắc. Do vị trí, chức năng của mỗi thành viên trong hệ thống chính trị được quy định trong Hiến pháp và các đạo luật, như: Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên...

II- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - THÀNH TỔ HẠT NHÂN VÀ LÃNH ĐẠO CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

1. Vai trò hạt nhân và yêu cầu khách quan Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị Việt Nam

Vai trò hạt nhân lãnh đạo

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn bộ xã hội. Vai trò lãnh đạo đó xuất phát từ chính bản chất của một Đảng Cộng sản theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bản chất đó được hình thành từ 3 yếu tố quan trọng. *Thứ nhất*, Đảng Cộng sản khác về chất với các đảng chính trị hiện có (đảng tư sản) ở chỗ: luôn đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động, đấu tranh và phấn đấu cho mục tiêu giải phóng con người, xóa bỏ bất công và áp bức trong xã hội, xây dựng một xã hội vì con người, vì sự phát triển và hoàn thiện các khả năng của con người. *Thứ hai*, Đảng Cộng sản là tổ chức của những người cộng sản tiêu biểu về mặt trí tuệ, đồng thời luôn thu hút và tập hợp được những người tài giỏi nhất của giai cấp và xã hội. *Thứ ba*, Đảng Cộng sản còn có tính tiên phong, tiêu biểu cho những giá trị, tiến bộ và văn minh của nhân loại.

Đảng có vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội nhưng mọi tổ chức đảng và đảng viên đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đây là nguyên tắc hiến định đảm bảo nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam, hướng tới mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Yêu cầu khách quan Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị:

Thứ nhất, sự lãnh đạo của Đảng xuất phát từ tính chất của một Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản khác với các đảng chính trị khác ở 03 tiền đề quan trọng: (1) là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, Đảng tập hợp những con người tiêu biểu của xã hội; (2) là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của Nhân dân lao

động và của dân tộc. Việc ra đời và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt thời gian qua đã biểu hiện rõ tính chất nêu trên. Đảng là đảng của cả dân tộc, tức của mọi giai tầng trong xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định rằng: “Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân”. Ngoài lợi ích đại diện cho dân, cho nước, Đảng không có lợi ích nào khác; (3) tiêu biểu về trí tuệ, Đảng tập hợp, thu hút được những người tài giỏi nhất của giai cấp và các tầng lớp Nhân dân vào trong tổ chức của mình. Ba tiền đề trên chính là yếu tố tạo nên sức mạnh, năng lực lãnh đạo của Đảng và sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân.

Thứ hai, việc lựa chọn con đường phát triển của đất nước dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Con đường phát triển này luôn cần có sự lãnh đạo của một Đảng cộng sản - Đảng luôn đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân và của dân tộc trong tổ chức và thực thi quyền lực của Nhân dân. Theo đó, Đảng vì mục tiêu, lý tưởng cộng sản của mình sẽ là lực lượng lãnh đạo Nhân dân giành chính quyền, giành lại quyền lực nhà nước về tay Nhân dân và tổ chức thực thi quyền lực của Nhân dân, cho Nhân dân và vì Nhân dân. Trong quá trình này, sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho quyền lực nhà nước được thực thi vì mục đích, lợi ích của Nhân dân và xã hội.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của Việt Nam. Trong hệ thống chính trị một Đảng Cộng sản cầm quyền, không thể có một tổ chức hay lực lượng nào khác trong tương quan so sánh có khả năng dẫn dắt, lãnh đạo Nhân dân thực hiện được những mục đích tốt đẹp như Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện. Trong Điều lệ Đảng chỉ rõ mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Đặc điểm này cho thấy rằng, đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của Nhân dân. Đây là cơ sở quan trọng cho sự lãnh đạo của Đảng ở Việt Nam hiện nay.

Trong sự lãnh đạo của mình, Đảng đề cao nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong đó, tổ chức quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đảng lãnh đạo xã hội được xác định là chủ yếu bằng Nhà nước. Văn kiện Đại hội XI của Đảng đã nêu rõ: “Trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước”.

Tuy nhiên, khi trở thành một Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo hệ thống chính trị và lãnh đạo toàn bộ xã hội trong thời kỳ hòa bình, Đảng phải luôn đề phòng khả năng chủ quan, duy ý chí, độc đoán, chuyên quyền. Việc phân định chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước hiện nay làm cho sự lãnh đạo của Đảng trên thực tế có thể dẫn tới hai khuynh hướng: hoặc bao biện làm thay các công việc của Nhà nước, can thiệp trực tiếp vào các công việc của Nhà nước hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Quá trình đổi mới hệ thống chính trị trong thời gian qua đã có sự phân định ngày càng rõ hơn chức năng, mối quan hệ của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị. Theo đó, ngoài việc xác định rõ nội dung lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, giữa các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn xây dựng quy chế phối hợp hoạt động, tạo sự thống nhất, thông suốt trong hoạt động của hệ thống chính trị.

2. Nội dung lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Để thực hiện chức năng lãnh đạo, cần có các nội dung lãnh đạo. Nội dung lãnh đạo của Đảng là những vấn đề, nhiệm vụ cụ thể mà Đảng đặt ra và chủ yếu được xác định ở mục tiêu trong các đường lối, chủ chương, chính sách nhằm xây dựng và phát triển đất nước. Nội dung lãnh đạo của Đảng bao gồm tất cả các vấn đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với đồng bào các dân tộc tại Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc tại xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn TTXVN

Về nguyên tắc: Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, toàn xã hội; Đảng lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối trên các lĩnh vực như cán bộ, công tác đối ngoại, an ninh, quốc phòng. Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Những nội dung lãnh đạo của Đảng:

Một là, Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, chiến lược, đường lối, chính sách lớn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa chúng thành các luật lệ, quy định, chính sách và tổ chức thực hiện, Mặt trận và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị dựa trên đường lối của Đảng, luật pháp, chương trình, kế hoạch của công tác và tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng của từng tổ chức, Đảng không quyết định những vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm của Nhà nước và các tổ chức khác, Đảng tôn trọng tính độc lập của từng tổ chức.

Hai là, Đảng lãnh đạo xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch vững mạnh, đủ năng lực và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, thực sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng được tiến hành từng bước phù hợp với tình hình thực tiễn. Theo đó, ngoài việc lãnh đạo Quốc hội tập trung vào việc xây dựng hệ thống luật pháp đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, Đảng lãnh đạo Nhà nước thực hiện cải cách quy trình lập pháp, cải cách nền hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiện đại, cải cách tư pháp.

Ba là, Đảng xác định thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ thông qua việc hoạch định chủ trương, chính sách cán bộ. Đảng quyết định những chính sách lớn về cán bộ, thực hiện công tác tổ chức và cán bộ trên tất cả các khâu đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đánh giá và sử dụng cán bộ. Trực tiếp bố trí và quyết định nhân sự chủ chốt của hệ thống chính trị, nhất là ở các cấp cao, giới thiệu các đảng viên ưu tú, có uy tín, năng lực, trung thành với Đảng, dân tộc cho Nhân dân lựa chọn, bầu vào các vị trí lãnh đạo trong các cơ quan dân cử và các cơ quan nhà nước, các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Bốn là, Đảng tiến hành kiểm tra đối với các tổ chức Đảng, Nhà nước và các tổ chức chủ yếu khác trong hệ thống chính trị. Nội dung kiểm tra chủ yếu là việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, việc tuân thủ pháp luật và trách nhiệm trước Nhân dân. Đảng vừa trực tiếp kiểm tra, vừa tổ chức sự phối hợp hoạt động kiểm tra của cả hệ thống kiểm tra Đảng, giám sát của Quốc hội, thanh tra Nhà nước, điều tra của Viện Kiểm sát và kiểm tra của các tổ chức chính trị - xã hội khác. Thông qua kiểm tra, phát hiện những việc làm đúng, những sai sót trong tổ chức thực hiện, qua đó tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Từ đó nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Như vậy, nội dung lãnh đạo của Đảng được thể hiện trong cương lĩnh chính trị, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm

tính định hướng chính trị cho sự phát triển đất nước, tạo cơ sở cho tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và toàn bộ xã hội hướng tới mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

3. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị

Phương thức lãnh đạo của Đảng:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) xác định phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xã hội bằng:

- Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn của Đảng, được thể hiện trong cương lĩnh, văn kiện, các nghị quyết của Đảng. Trên cơ sở những quan điểm đường lối, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước thể chế hóa thành Hiến pháp, các đạo luật, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động: đây là một phương thức lãnh đạo chủ yếu và quan trọng của Đảng. Đường lối, mục tiêu, chủ trương, chính sách của Đảng dù có đúng đắn và khoa học vì dân, nhưng nếu không có sự tuyên truyền, thuyết phục, vận động thì chúng cũng khó đến được với các chủ thể khác trong hệ thống chính trị, khó tạo được sự thống nhất về tư tưởng, và hành động. Phương thức lãnh đạo này mang tính dân chủ, góp phần tạo sự đồng thuận và huy động sức mạnh của hệ thống, xã hội.

- Công tác tổ chức, cán bộ, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

- Công tác kiểm tra, giám sát được coi là một phương thức lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo mà không có kiểm tra, giám sát thì coi như là không lãnh đạo. Việc kiểm tra, giám sát của Đảng giúp cho việc nhận diện việc nắm bắt và thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng đã đúng chưa, có những vướng mắc, bất cập gì trong thực tế và cần phải hoàn thiện chính sách hay khắc phục như thế nào.

- Sự gương mẫu của đảng viên, nhất là những người đứng đầu các tổ chức, cơ quan của Đảng. Sự gương mẫu của mỗi đảng viên, nhất là của những người đứng đầu ở các vị trí cao của hệ thống chính trị luôn có sức lay động và cảm hóa mạnh mẽ đối với Nhân dân.

- Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Thông qua tính kỷ luật và thống nhất trong Đảng, các đảng viên và tổ chức đảng sẽ là người tuân thủ, thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đồng thời họ cũng là người có vai trò phổ biến, vận động, thuyết phục đối với các thành viên khác của xã hội nhận thức và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Ngoài những điểm nêu trên, Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân từ uy tín của Đảng, từ sự đề cao và tôn trọng vai trò của Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội.

BÀI 4

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

I- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

1. Quá trình hình thành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

1.1. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập tổ chức Đoàn

- Nguyễn Ái Quốc đã tham gia hoạt động tích cực trong phong trào thanh niên, sáng lập các tổ chức thanh niên yêu nước để giáo dục, đoàn kết tập hợp thanh niên.

+ Ngày 05/6/1911 người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành từ bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

+ Năm 1917, với nhiệt huyết của tuổi thanh niên, Người sáng lập “Nhóm những người Việt Nam yêu nước” tại Paris (Pháp), thành phần chủ yếu là thanh niên, mục đích chuẩn bị cho cuộc đấu tranh chính trị chống thực dân Pháp ngay tại Pháp mà hoạt động tiêu biểu là gửi bản yêu sách 08 điểm đòi quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc Việt Nam. Dư luận Pháp coi đây là quả bom chính trị nổ ngay giữa Paris.

+ Tháng 7 năm 1920: Nguyễn Ái Quốc đọc “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin. Từ đó Người quyết định đi theo con đường cách mạng tháng Mười Nga.

+ Tháng 12 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III.

+ Năm 1921, tại Paris (Pháp), Nguyễn Ái Quốc thành lập ra “Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa”, thành viên chủ yếu là thanh niên, mục đích đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đến các dân tộc thuộc địa. Đây chính là loại hình Quốc tế thanh niên thuộc địa theo quan điểm của Lênin mà Nguyễn Ái Quốc bước đầu bắt tay thực hiện.



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước năm 1967

+ Tháng 6/1924, Nguyễn Ái Quốc là đại diện ưu tú của các dân tộc bị áp bức, đại biểu chính thức tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V tại Matxcơva (Nga). Người đã đề nghị với Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản về việc thành lập “Nhóm châu Á” tại trường Đại học Phương Đông nhằm tạo điều kiện cho thanh niên, có cơ hội nghiên cứu tình hình, đặc điểm các nước thuộc địa phụ thuộc.

+ Tháng 7/1924, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội Quốc tế thanh niên cộng sản lần thứ IV tại Matxcơva. Người đã chủ trì soạn thảo và trình bày tại Đại hội “Luận cương về thanh niên thuộc địa”. Trong đó nêu lên yêu cầu cấp bách phải tổ chức, tập hợp lực lượng thanh niên cách mạng và hình thành các đoàn thể thanh niên, tiến tới xây dựng các tổ chức Thanh niên cộng sản ở thuộc địa.

+ Tháng 12/1924, tại Quảng Châu, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc khẩn trương tìm hiểu tình hình, tìm cách tiếp cận và làm việc với nhóm thanh niên trong tổ chức Tâm Tâm xã. Người đã thẳng thắn nêu lên những thiếu sót trong nhận thức, hành động của nhóm này và tỏ ra sự khâm phục tinh thần yêu nước đối với các chiến sĩ cách mạng

trẻ tuổi. Dưới hình thức mở các lớp bồi dưỡng về Chủ nghĩa xã hội khoa học và học thuyết Mác - Lênin, Cách mạng tháng Mười Nga, Quốc tế Cộng sản... Nguyễn Ái Quốc đã tạo nên niềm tin mạnh mẽ cho số thanh niên yêu nước và đưa họ dần đến với chân lý cách mạng.

+ Tháng 02 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc tổ chức một nhóm thanh niên bí mật gồm 09 người (Lý Thụy, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Lâm Đức Thọ, Vương Thúc Oánh, Lưu Quốc Long và Lâm Văn Dĩnh), tuy quy mô nhỏ nhưng có đầy đủ Chương trình, Điều lệ. Nhóm bí mật do Nguyễn Ái Quốc xây dựng là cái mầm non của một tổ chức Cộng sản mà Người đã ấp ủ bấy lâu. Đây là sự kiện đặc biệt quan trọng mở đầu cho quá trình hình thành và phát triển các tổ chức thanh niên cách mạng theo xu hướng Cộng sản cũng như sự ra đời của Đoàn Thanh niên cộng sản ở nước ta.

+ Tháng 6 năm 1925, “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” với nòng cốt là Cộng sản Đoàn đã chính thức tuyên bố thành lập và bắt đầu mở rộng các hoạt động, tạo ra bước ngoặt quan trọng trong phong trào yêu nước của Nhân dân ta, đặc biệt là của thanh niên. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo “Thanh niên”. Với mục đích truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã đặt nền tảng đầu tiên để chuẩn bị cho sự ra đời tổ chức thanh niên sau này.

- Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản ở Việt Nam.

Cuối năm 1925 đầu năm 1926, với tầm nhìn xa trông rộng, Nguyễn Ái Quốc cử đồng chí Hồ Tùng Mậu về Thái Lan để củng cố cơ sở cách mạng của bà con Việt kiều, đồng thời lựa chọn một số thiếu niên ưu tú là con em Việt kiều yêu nước đang học tại trường Hoa - Anh học hiệu (của một nhà yêu nước người Trung Quốc) bí mật đưa sang Quảng Châu đào tạo để chuẩn bị cho đội ngũ kế cận cách mạng sau này và chuẩn bị cho việc xây dựng Thanh niên cộng sản Đoàn ở trong nước. Trong đó có Lê Hữu Trọng (tức là Lý Tự Trọng) và một số thiếu niên tại quê hương Nghệ An và Hà Tĩnh là: Lê Hữu Trọng (Bí danh: Lý Tự Trọng), Đinh Chương Long (Bí danh: Lý Văn

Minh), Vương Thúc Thoại (Bí danh: Lý Thúc Chất), Hoàng Tự (Bí danh: Lý Anh Tự), Ngô Trí Thông (Bí danh: Lý Trí Thông), Ngô Hậu Đức (Bí danh: Lý Phương Đức), Nguyễn Sinh Thản (Bí danh: Lý Nam Thanh), Nguyễn Thị Tích (Bí danh: Lý Phương Thuận).

Như vậy, bên cạnh việc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (tháng 6/1925) và năm sau (tháng 6/1926), nhóm thiếu nhi cộng sản An Nam gồm 08 em đầu tiên được bí mật tuyển chọn đưa sang Quảng Châu đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng trở thành 08 đoàn viên thanh niên cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đã thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng và nhãn quan chính trị của Nguyễn Ái Quốc luôn nhìn nhận thế hệ trẻ là tương lai, là chủ nhân của đất nước, coi thanh niên là “rường cột” của nước nhà, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng Việt Nam.

1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thành lập tổ chức Đoàn

* Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất (tháng 10/1930) đặt nền móng cho sự ra đời của Đoàn Thanh niên cộng sản

- Hội nghị đã thông qua: “Án nghị quyết về tình hình Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng”. Đặc biệt là thông qua “Án nghị quyết về Cộng sản thanh niên vận động”. Trong Án nghị quyết có ghi: “Đảng phải thi hành ngay Án nghị quyết của Quốc tế cộng sản Đoàn và giúp cho Đoàn có tính độc lập...”. “Đảng Cộng sản phải cần kíp công tác trong quần chúng thanh niên, phải lãnh đạo quần chúng thanh niên... Muốn vậy, chỉ có thể tổ chức ra một đoàn thể của thanh niên mới được”. “Trung ương, các xứ ủy, các tỉnh, thành, đặc ủy phải phái ra một số đồng chí trẻ tuổi phụ trách tổ chức ra Thanh niên cộng sản Đoàn và giúp cho Đoàn có tính chất độc lập”.

“Án nghị quyết về Cộng sản thanh niên vận động” ra đời tháng 10/1930 là văn kiện nền tảng về lý luận vận động thanh niên đầu tiên của Đảng. Án nghị quyết ra đời đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của phong trào yêu nước trong thanh niên đang phát triển và thực sự tạo nên những chuyển biến quan trọng trong sự nghiệp xây dựng Đoàn.

* Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (tháng 3/1931) và sự ra đời của Đoàn Thanh niên cộng sản.

- Thực hiện Án nghị quyết tháng 10/1930 về công tác thanh niên của Trung ương Đảng, các cơ sở Đoàn được xây dựng trên hầu hết các địa phương cả nước, nhưng hệ thống tổ chức của Đoàn vẫn chưa được thống nhất và Đoàn chưa có sinh hoạt riêng.

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 2 diễn ra tại Sài Gòn từ ngày 20 đến ngày 26/3/1931 do Tổng Bí thư Trần Phú chủ trì. Hội nghị đã dành nhiều thời gian bàn về công tác xây dựng Đảng và xây dựng Đoàn. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cần kíp mà Đảng phải làm, trong đó có việc phải nhanh chóng thành lập tổ chức Đoàn: “cần kíp tổ chức ra Cộng sản thanh niên Đoàn, Đảng cần kíp đánh tan cái thái độ hờ hững lãnh đạm với vấn đề đó. Lập tức các Đảng bộ địa phương phải mau mau tổ chức những ủy viên tổ chức ra Đoàn, đốc xuất cho chi bộ tổ chức; tổ chức cơ quan báo chương về việc vận động của Đoàn và phải chỉ đạo cho các chi bộ mới thành lập của Đoàn bắt đầu hoạt động trong quần chúng thanh niên... Trong một thời gian ngắn ngủi tới đây, Đảng bộ các địa phương phải gây ra cơ sở của Đoàn...”.

Ngày 20/4/1931, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đó, dòng đầu tiên của bức thư, Người nhắc nhở, phê bình: “đây là tôi phê bình về cuộc Hội nghị Xứ ủy Trung và Bắc”. Tiếp đó Nguyễn Ái Quốc nhắc nhở: “Ở Trung: tổ chức Đảng có trong 13 huyện và tỉnh. Nhưng chỉ có 03 huyện là có tổ chức thanh niên. Trong một huyện, thanh niên chỉ bằng một phần ba của Đảng, trong một huyện khác thì bằng một phần tư... Tổ chức ở Bắc thì yếu quá, trong một xứ công nghiệp như Bắc, chỉ có hai tỉnh là có công hội, bốn nơi có thanh niên. Tôi đề nghị:... trước tiên phải thống nhất tổ chức thanh niên và công hội và những tổ chức đó phải có sinh hoạt độc lập của mình”.

Sau khi có Nghị quyết của Đảng và Chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, các chi bộ đảng ở địa phương đã cử ngay các cấp ủy viên của Đảng phụ trách công tác Đoàn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào thanh niên ngày càng lớn mạnh. Ở nước ta đã xuất hiện nhiều tổ

chức Đoàn cơ sở trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, một số địa phương đã hình thành hệ thống tổ chức đoàn xã, huyện lên đến tỉnh. Đến cuối năm 1931, số lượng đoàn viên trong cả nước lên đến khoảng hơn 2.500 đồng chí. Qua cao trào cách mạng 1930 - 1931, với những đóng góp to lớn của đoàn viên, thanh niên cả nước, Ban Chấp hành Quốc tế thanh niên cộng sản đã công nhận Đoàn Thanh niên cộng sản Đông Dương là một bộ phận của Quốc tế thanh niên cộng sản.

Theo đề nghị của Ban Bí thư Trung ương Đoàn, được sự đồng ý của Bộ Chính trị và Bác Hồ, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đoàn (tháng 3/1961) đã quyết định lấy ngày 26/3/1931 (một trong những ngày cuối của Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ hai đã bàn và quyết định những vấn đề quan trọng đối với công tác vận động thanh niên) làm ngày kỷ niệm thành lập Đoàn hằng năm.

2. Quá trình phát triển của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

2.1. Các tên gọi của Đoàn qua các thời kỳ lịch sử

- Từ 1931 - 1936: Đoàn Thanh niên Cộng sản Đông Dương.
- Từ 1936 - 1939: Đoàn Thanh niên Dân chủ Đông Dương.
- Từ 1939 - 1941: Đoàn Thanh niên Phản đế Đông Dương.
- Từ 1941 - 1956: Đoàn Thanh niên Cứu quốc Việt Nam.
- Từ 1956 - 1970: Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam.
- Từ 1970 - 1976: Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh.
- Từ 1976 đến nay: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2.2. Các kỳ Đại hội của Đoàn

** Đại hội Đại biểu Đoàn toàn quốc lần I.*

- Đại hội được tổ chức tại xã Cao Vân, Đại Từ, Thái Nguyên, thời gian từ ngày 07 đến ngày 14/02/1950. Hơn 400 đại biểu đã về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ Đại hội I.

+ Phong trào Tòng quân giết giặc lập công, tham gia dân quân du kích.

+ Phong trào Chống địch bắt lính.

+ Thi đua sản xuất trong nông nghiệp và công nghiệp.

+ Phong trào Thi đua lập công trong các lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ II.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 25/10 đến ngày 04/11/1956. Có 497 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu của Đoàn trong nhiệm kỳ Đại hội II.

+ Đoàn tham gia công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chi viện cho miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

+ Phong trào Đấu tranh chính trị, vũ trang của thanh niên miền Nam chống Mỹ, ngụy và bè lũ tay sai.

** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 23 đến ngày 25/3/1961. Có 677 đại biểu đã về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ Đại hội III.

+ Phong trào “Thi đua vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất” (1961 - 1965).

+ Phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên miền Bắc.

+ Phong trào “Năm xung phong” của thanh niên miền Nam (1965 - 1975).

+ Phong trào “Quyết thắng” trong lực lượng vũ trang (năm 1965 - 1975; 1975 - 1980).

+ Phong trào Lao động tình nguyện xây dựng Tổ quốc và lao động tình nguyện vượt mức kế hoạch trong khu vực sản xuất (1975 - 1980).

+ Phong trào Học tập trong các tầng lớp thanh niên, “xây dựng tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa” trong các trường học (1975 - 1980).

+ Phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” (1978 - 1980).

+ Cuộc vận động “Ba mũi tấn công chống tiêu cực” và “Toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng” (1978 - 1980).



Đoàn tham mưu, đề xuất với Đảng về những vấn đề liên quan đến thanh niên và công tác thiếu nhi, tham gia xây dựng, bảo vệ và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, đóng góp ý kiến cho đảng viên và sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng.

+ Phong trào “Thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (1979 - 1980).

** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.*

- Đại hội tổ chức tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội từ ngày 20 đến ngày 22/11/1980. Có 623 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ đại hội VI.

+ Ba chương trình hành động cách mạng (1982 - 1983):

Chương trình Tuổi trẻ đẩy mạnh sản xuất lương thực.

Chương trình Tuổi trẻ thực hành tiết kiệm.

Chương trình Tham gia giải quyết việc làm cho thanh niên.

+ Năm chương trình hành động cách mạng của tuổi trẻ (1984 - 1987):

Chương trình Tuổi trẻ học tập, rèn luyện xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Chương trình Tuổi trẻ xung kích đẩy mạnh sản xuất lương thực và phát triển nông nghiệp toàn diện.

Chương trình Tuổi trẻ lao động sáng tạo, tiết kiệm và giải quyết việc làm cho thanh niên.



Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được Đảng trực tiếp lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Chương trình Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận cải tạo xã hội chủ nghĩa và phân phối lưu thông.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ V.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 27 đến ngày 30/11/1987. Có 750 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ Đại hội V.

+ Phong trào “Tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

+ Tuổi trẻ xung kích và sáng tạo trên mặt trận kinh tế, thực hiện thắng lợi ba chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Tuổi trẻ đi đầu thực hiện các chính sách xã hội và đấu tranh cho công bằng xã hội.

+ Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận an ninh, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

+ Tuổi trẻ học tập và tiến quân khoa học kỹ thuật.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ VI.*

- Đại hội tổ chức tại Hội trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18/10/1992. Có 797 đại biểu về dự.

- Những phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ đại hội VI.

+ Thực hiện bốn chương trình hành động:

Chương trình Thanh niên làm kinh tế, tham gia giải quyết việc làm.

Chương trình Thanh niên tham gia bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Chương trình Xây dựng Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng.

+ Phát động hai phong trào lớn “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước” (tháng 2/1993).

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ VII.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 26 đến ngày 29/11/1997. Có 899 đại biểu về dự.

- Đại hội tiếp tục duy trì và phát triển nâng cao hai phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ VIII.*

- Đại hội tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 08 đến ngày 11/12/2002. Có 898 đại biểu về dự.

- Đại hội VIII phát động phong trào “Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” với các nội dung:

+ Thi đua học tập, tiến quân vào khoa học - công nghệ.

+ Thi đua lập nghiệp, lao động sáng tạo.

+ Tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

+ Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ IX*

- Đại hội được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 17 đến ngày 21/12/2007. Có 1.034 đại biểu về dự.

- Các phong trào tiêu biểu trong nhiệm kỳ đại hội Đoàn IX:

+ Phong trào 5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc:

Xung kích lao động sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội.

Xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Xung kích thực hiện cải cách hành chính.

Xung kích trong hội nhập quốc tế.

+ Phong trào 4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp:

Đồng hành với thanh niên trong học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ.

Đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp và việc làm.

Đồng hành với thanh niên trong nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống văn hóa tinh thần.

Đồng hành với thanh niên trong phát triển kỹ năng xã hội.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ X.*

- Đại hội được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 11 đến ngày 14/12/2012. Có 999 đại biểu về dự.

- Đại hội tiếp tục kế thừa và phát triển phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “4 Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp” thành phong trào:

+ Phong trào Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

+ Xung kích lao động sáng tạo, làm chủ khoa học công nghệ.

+ Xung kích bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Phong trào Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp.

Đồng hành với thanh niên trong học tập.

Đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp, việc làm.

Đồng hành với thanh niên nâng cao sức khỏe thể chất và đời sống tinh thần.

Đồng hành với thanh niên phát triển kỹ năng xã hội.

** Đại hội đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ XI.*

- Đại hội được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 10 đến ngày 13/12/2017. Có 999 đại biểu về dự.

- Toàn Đoàn triển khai 3 phong trào hành động cách mạng:

+ Phong trào Thanh niên tình nguyện.

+ Phong trào Tuổi trẻ sáng tạo.

+ Phong trào Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc.

- Toàn Đoàn triển khai 3 chương trình đồng hành với thanh niên:

+ Chương trình Đồng hành với thanh niên trong học tập.

+ Chương trình Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp.

+ Chương trình Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần.

3. Những truyền thống vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII (tháng 12/2002) đã tổng kết những truyền thống vinh quang của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và thế hệ trẻ Việt Nam với các nội dung sau:

Một là, truyền thống yêu nước nồng nàn, gắn bó thiết tha, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa. Truyền thống quý báu này đã tạo nên động lực tinh thần vô giá xuyên

suốt các thời kỳ lịch sử được thể hiện trong hành động cách mạng, nhất là ở những bước ngoặt của lịch sử gần 90 năm qua.

Hai là, truyền thống của đội quân xung kích cách mạng, dám đón lấy những nhiệm vụ nặng nề, dám đi đến những nơi khó khăn, gian khổ, dám suy nghĩ sáng tạo... để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”, thế hệ trẻ nước ta luôn nêu cao tinh thần hăng hái, sẵn sàng xung phong đến những nơi Tổ quốc cần, dù đó là biên cương hay hải đảo, dù công việc đó là mới mẻ hay khó khăn.

Ba là, truyền thống gắn bó đoàn kết trong lớp người cùng lứa tuổi, trong các tổ chức Đoàn, Hội; đoàn kết gắn bó với Nhân dân; thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong hoạn nạn, đặc biệt là những thời điểm phải đối mặt với kẻ thù hay thiên tai. Đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế luôn hòa quyện vào nhau, đồng cảm và đồng tâm hợp lực vì những mục tiêu cao cả của dân tộc và thời đại.

Bốn là, truyền thống hiếu học, ham hiểu biết để tự mình nâng cao trình độ, chính trị văn hóa, khoa học, kỹ thuật, quản lý và quân sự... say mê sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, để cống hiến cho sự nghiệp của dân tộc và của Đảng. Học ở nhà trường, học trong cuộc sống, học để làm người có ích cho xã hội, luôn được các thế hệ thanh niên phấn đấu, thực hiện ngày càng tốt hơn.

II- KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm

Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI nêu rõ: “Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

2. Vị trí, vai trò

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể Nhân dân, các tập thể và gia đình chăm lo giáo dục, đào tạo và bảo vệ thanh thiếu nhi; tổ chức cho đoàn viên thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

Vị trí, vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong được thể hiện ở các mối quan hệ sau đây:

2.1. Mối quan hệ của Đoàn đối với Đảng

Đoàn là đội dự bị tin cậy của Đảng, đội quân xung kích cách mạng phấn đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Tổ chức Đoàn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối của Đảng. Đảng định hướng chính trị cho mọi hoạt động, nguyên tắc tổ chức của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Đảng chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ trẻ có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho Đảng.

Đoàn tham mưu, đề xuất với Đảng về những vấn đề liên quan đến thanh niên và công tác thiếu nhi, tham gia xây dựng, bảo vệ và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, đóng góp ý kiến cho đảng viên và sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Đoàn tham gia giám sát, phản biện các chủ trương, đường lối của Đảng.

Mối quan hệ giữa Đảng với Đoàn là mối liên hệ gắn bó chặt chẽ. “Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước”.

2.2. Mối quan hệ của Đoàn với Nhà nước

Tổ chức Đoàn chịu sự quản lý chung của Nhà nước đối với toàn xã hội; mọi hoạt động của Đoàn nằm trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hằng năm của các cấp, các ngành. Nhà nước bảo đảm nguồn kinh phí, phương tiện làm việc và hoạt động cho Đoàn.

Đoàn Thanh niên là chỗ dựa vững chắc, tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ chính quyền Nhân dân các cấp; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động đoàn viên thanh niên xung phong, tình nguyện đi đầu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trực tiếp tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đoàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, thông qua hệ thống tổ chức đoàn các cấp từ trung ương đến cơ sở để đề cử những đại biểu ưu tú nhất đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của tuổi trẻ vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Đoàn vận động, tuyên truyền, giáo dục đoàn viên trở thành những công dân tốt, gương mẫu, có ích cho xã hội; tích cực, tự giác thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Đoàn tham gia giám sát, phản biện các chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đối với các ban, ngành, tổ chức đoàn phối hợp, liên kết hoạt động trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, dựa trên đường lối, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về công tác thanh niên, tạo sức mạnh đồng bộ trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

2.3. Mối quan hệ của Đoàn với các tổ chức là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Đoàn tích cực, chủ động liên kết, phối hợp hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, hoàn thành tốt nhiệm vụ tập hợp đoàn kết, giáo dục, phát huy và chăm lo cho thanh thiếu nhi.

Đoàn Thanh niên là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - một liên minh chính trị rộng lớn, tập hợp, xây dựng lực lượng đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đoàn là lực lượng phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể khác góp phần thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Tham gia xây dựng các cơ chế hoạt động trong quản lý giáo dục, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh thiếu nhi.

2.4. Mối quan hệ của Đoàn với thanh niên và các tổ chức thanh niên Việt Nam

Đối với thanh niên, Đoàn là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên; tạo ra môi trường hoạt động lành mạnh cho thanh niên; định hướng các hoạt động của thanh niên theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật; chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thanh niên.

Đối với các tổ chức thanh niên Việt Nam, Đoàn là thành viên tập thể của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, giữ vai trò nòng cốt chính trị trong tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...

2.5. Mối quan hệ của Đoàn với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

Đối với thiếu niên nhi đồng, Đoàn là người phụ trách, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ thiếu niên nhi đồng. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh quy định: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, hướng dẫn thiếu nhi làm theo 5 điều Bác Hồ dạy và phấn đấu trở thành đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, người công dân tốt của đất nước.

Đoàn cử đội ngũ cán bộ đoàn phụ trách công tác Đội; thành lập hệ thống tổ chức Hội đồng Đội các cấp có nhiệm vụ tổ chức, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của thiếu nhi ở mỗi cấp; tạo ra các sân chơi cho thiếu nhi, huy động lực lượng xã hội trong việc đầu tư, hỗ trợ cho Đội hoạt động.

3. Tính chất cơ bản

3.1. Tính chính trị

Đoàn là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, là thành viên của hệ thống chính trị. Với tư cách là tổ chức quần chúng, Đoàn gần Đảng nhất, là đội dự bị tin cậy của Đảng, Đoàn đứng vững trên những quan điểm, lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quá trình tổ chức và hoạt động của mình.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lấy mục tiêu lý tưởng của Đảng làm mục tiêu phấn đấu của tổ chức mình là “Độc lập dân tộc gắn liền

với chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được Đảng trực tiếp lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đoàn là lực lượng xung kích đi đầu trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước.

3.2. Tính tiên tiến

Với tư cách là đội dự bị của Đảng, là người chủ tương lai của nước nhà, mỗi đoàn viên của Đoàn là những hạt nhân nòng cốt trong mọi sinh hoạt, công tác, hoạt động của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và phong trào thanh thiếu nhi. Tính tiên tiến thể hiện trước hết ở tinh thần: Đâu Đảng, Tổ quốc cần thanh niên có; việc gì khó thanh niên làm.

Tính tiên tiến thể hiện ở việc tiên phong, xung kích, tình nguyện, tự nguyện, tự giác trong tất cả các hoạt động của Đoàn, Hội, tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đoàn luôn đi đầu trong việc mới, trước mọi khó khăn gian khổ, trong những môi trường thử thách, đòi hỏi tính sáng tạo, đổi mới, trong những lĩnh vực khoa học, công nghệ mới.

Tính tiên tiến còn thể hiện trong việc xây dựng và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, kế tục truyền thống cách mạng của các thế hệ cha ông; đấu tranh với các quan điểm sai trái đi ngược lại lợi ích của Đảng, Nhà nước và dân tộc; bênh vực, bảo vệ chân lý, chống lại những thói hư tật xấu trong xã hội, chống tiêu cực, tham nhũng; lãng phí; đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của thanh thiếu nhi.

3.3. Tính quần chúng

Tính quần chúng của tổ chức Đoàn thể hiện trước hết là: ở đâu có thanh niên, ở đó có định hướng chính trị, giúp đỡ, tư vấn, đồng hành cùng thanh niên của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Tổ chức Đoàn quy tụ, đoàn kết tập hợp thanh niên không phân biệt giai cấp, tôn giáo, vùng miền. Đoàn là người gần gũi với thanh niên, là bạn của thanh

niên, luôn đồng hành cùng với thanh niên trong mọi lĩnh vực cuộc sống.

Tính quần chúng rộng rãi của Đoàn Thanh niên được thể hiện thông qua những hoạt động công tác đoàn, hội và phong trào thanh thiếu niên. Những hoạt động đó không chỉ lan tỏa đến những đoàn viên, hội viên mà còn ảnh hưởng đến cả những thanh niên chưa có điều kiện trở thành đoàn viên, hội viên.

Tính quần chúng còn được thể hiện ở chỗ Đoàn là thành viên tập thể của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, đóng vai trò nòng cốt, định hướng chính trị cho hoạt động của Hội.

4. Chức năng cơ bản

4.1. Là đội dự bị tin cậy, đội quân xung kích cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đoàn Thanh niên là một trong những tổ chức quần chúng gần Đảng nhất. Với tư cách là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên, Đảng trực tiếp giao cho Đoàn giáo dục, giúp đỡ những thanh niên tiên tiến, trở thành đoàn viên, từ những đoàn viên ưu tú trở thành đảng viên, là nơi bổ sung nguồn sinh lực mới cho Đảng.

Đoàn tuyên truyền giáo dục lý tưởng của Đảng, giới thiệu để thanh niên nhận thức và hiểu sâu sắc về Đảng, về tình hình nhiệm vụ chính trị từng thời kỳ; cổ vũ và tập hợp đoàn viên thanh niên tích cực xung kích thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng; đóng góp ý kiến cho Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên; giới thiệu những cán bộ, đoàn viên ưu tú tham gia vào các cơ quan cấp ủy Đảng, bổ sung đội ngũ cán bộ cho Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể Nhân dân; tích cực tham gia cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

Đoàn là đội quân xung kích cách mạng của Đảng, đi đầu trong mọi khó khăn trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trong tất cả các mặt trận lao động, sản xuất, học tập, nghiên cứu khoa học, làm công tác xã hội và bảo vệ Tổ quốc đều có vai trò đóng góp to lớn của thế hệ trẻ. Ở mọi nơi, mọi lĩnh vực, Đoàn Thanh niên đều tỏ rõ tính xung kích, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám đi vào việc mới, việc khó, dám xả thân vì lý tưởng cách mạng.



Đoàn Thanh niên tạo ra một trường học thực tế bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức, hoàn thiện nhân cách, giúp thanh niên trở thành đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Đảng và giới thiệu đội viên ưu tú để kết nạp vào Đoàn.

4.2. Trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên

Là tổ chức chính trị - xã hội, là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, vì thanh niên, Đoàn tạo môi trường giúp thanh niên phát huy vai trò xung kích trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; tổ chức các phong trào, các cuộc vận động và các hoạt động hướng tới mục tiêu đoàn kết, tập hợp, giáo dục thanh niên, tạo môi trường lành mạnh, an toàn cho thanh niên rèn luyện và tự khẳng định, vì sự tiến bộ của thanh niên đối với sự phát triển của đất nước.

Đoàn giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đoàn viên thanh niên, từ đó giác ngộ lý tưởng cách mạng của Đảng, của Đoàn, của dân tộc, rèn luyện nên những cán bộ, đoàn viên trẻ tuổi có tâm huyết, có trình độ, bản lĩnh chính trị và sống có lý tưởng.

Đoàn đưa tuổi trẻ vào rèn luyện trong môi trường tập thể có tổ chức, có kỷ luật. Chính từ môi trường hoạt động theo định hướng, có mục tiêu đã bồi dưỡng, rèn luyện nên nhiều lớp cán bộ trong các thời kỳ cách mạng, nhiều lớp thanh niên đã trưởng thành, trở thành các cán bộ khoa học, nhà quản lý, nhà giáo, văn nghệ sĩ, các doanh nhân ưu tú... đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đoàn Thanh niên tạo ra một trường học thực tế bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức, hoàn thiện nhân cách, giúp thanh

niên trở thành đoàn viên ưu tú giới thiệu cho Đảng và giới thiệu đội viên ưu tú để kết nạp vào Đoàn.

4.3. Đại diện chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tuổi trẻ

Đoàn tạo mọi điều kiện cần thiết, từng bước đáp ứng nhu cầu chính đáng về đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên giúp đoàn viên thực hiện tốt mọi quyền lợi và nghĩa vụ đảm bảo sự công bằng trong học tập, lao động trước pháp luật và công luận.

Đoàn có nhiệm vụ khuyến khích bảo vệ và phát huy những mặt tích cực của đoàn viên thanh niên giúp họ trưởng thành về mọi mặt. Đồng thời chống những hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội góp phần bảo vệ nhân cách, sự phát triển về thể chất và tinh thần của đoàn viên thanh niên.

Tổ chức Đoàn đại diện cho đoàn viên, thanh thiếu niên trước pháp luật về việc bảo vệ những quyền lợi lợi ích hợp pháp chính đáng của thanh thiếu nhi được pháp luật quy định; tham mưu xây dựng những cơ chế, chính sách liên quan đến sự phát triển của thanh niên.

4.4. Phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (tháng 3/1931), Đảng có những quyết định về công tác thanh niên và Đoàn được Đảng giao phụ trách thiếu nhi. Đó là xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và từ bản chất của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh là tổ chức của thiếu nhi Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phụ trách. Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh là trường học giáo dục thiếu nhi Việt Nam trong và ngoài nhà trường; lực lượng nòng cốt trong các phong trào thiếu nhi.

Chức năng phụ trách Đội được thể hiện qua việc quyết định phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp công tác Đội và phong trào thiếu nhi, đẩy mạnh xã hội hóa sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em, huy động sức mạnh của xã hội chăm lo cho các em. Đoàn hướng dẫn, tạo điều kiện



Đoàn là lực lượng xung kích đi đầu trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước.

cho Đội hoạt động, đề cao vị trí xã hội của tổ chức Đội. Đoàn cử những đoàn viên, cán bộ đoàn có năng lực làm phụ trách Đội trong trường học và trên các địa bàn dân cư, ở các đơn vị, cơ quan, xí nghiệp...

5. Hệ thống tổ chức và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

5.1. Hệ thống tổ chức

Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh quy định: hệ thống tổ chức của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm 4 cấp:

- Cấp Trung ương.
- Cấp tỉnh và tương đương.
- Cấp huyện và tương đương.
- Cấp cơ sở (gồm Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở).

5.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này được thể hiện:

Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo của Đoàn ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đoàn viên ở cấp ấy. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành do đại hội Đoàn cùng cấp bầu ra, giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Ban Thường vụ do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ không quá một phần ba số lượng ủy viên Ban Chấp hành. Ở cấp Trung ương, số lượng Bí thư Trung ương Đoàn không quá một phần ba số lượng ủy viên Ban Thường vụ.

Nghị quyết của Đoàn phải được chấp hành nghiêm chỉnh, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức.

Trước khi quyết định các công việc và biểu quyết nghị quyết của Đoàn, các thành viên đều được cung cấp thông tin và phát biểu ý kiến của mình, ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên Đoàn cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết hiện hành.

Đại hội, hội nghị của các cơ quan lãnh đạo của Đoàn chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba số thành viên được triệu tập tham dự.

Trường hợp thành viên được triệu tập theo cơ chế đại biểu thì phải có ít nhất hai phần ba số đại biểu và thay mặt cho ít nhất hai phần ba số tổ chức Đoàn trực thuộc tham dự. Quyết định của đại hội, hội nghị chỉ có giá trị khi được sự đồng ý của trên một phần hai số thành viên có mặt.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Xây dựng Đoàn về chính trị, tư tưởng

- Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi. Toàn Đoàn tiếp tục tập trung triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày

24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030”.

- Kiên trì, sáng tạo và thực chất trong việc tổ chức cho cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi. Triển khai hiệu quả cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị của Đoàn, của cán bộ đoàn, đoàn viên. Chủ động đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, chống phá. Triển khai chương trình “Rèn luyện đoàn viên”.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, mạng xã hội trong triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của Đoàn.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và định hướng dư luận trong thanh niên thông qua mạng lưới thăm dò dư luận, đối thoại trực tiếp, ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội.

2. Xây dựng Đoàn về tổ chức

- Chất lượng cán bộ đoàn là trọng tâm. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn có chất lượng, trưởng thành từ phong trào thanh niên. Thực hiện tốt tất cả các khâu của công tác cán bộ, nhất là công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Thực hiện hiệu quả chủ trương “1+2”, cán bộ đoàn cấp trung ương và cấp tỉnh 01 năm tối thiểu có 02 tháng công tác tại cơ sở.

- Nâng cao chất lượng cơ sở đoàn là đột phá. Xây dựng và triển khai các giải pháp có tính đột phá trong nâng cao chất lượng đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới mô hình và tổ chức hoạt động của Đoàn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, trọng tâm là tổ chức Đoàn trên địa bàn dân cư.

- Thực hiện tốt chủ trương “1+1”, mỗi đoàn viên giới thiệu được ít nhất 01 thanh niên tham gia Đoàn, Hội nhằm phát huy vai trò nêu gương, nòng cốt của đoàn viên trong thu hút, tập hợp, đoàn kết thanh niên.

- Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đoàn. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát để góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đoàn.

- Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, kiên trì thực hiện phương châm “Đoàn mạnh, Hội rộng”.

- Tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và hệ thống chính trị là trách nhiệm và quyền lợi chính trị của đoàn viên, thanh niên và tổ chức đoàn, là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp bộ đoàn.

3. Xây dựng Đoàn về hành động

Nội dung đặc biệt quan trọng trong xây dựng Đoàn là tổ chức các chương trình, các phong trào hành động cách mạng cổ vũ, phát huy thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI phát động triển khai 3 phong trào hành động cách mạng và 3 chương trình đồng hành với thanh niên.

3.1. Phong trào “Thanh niên tình nguyện”

- Tình nguyện chung tay xây dựng nông thôn mới.
- Tình nguyện tham gia xây dựng đô thị văn minh.
- Tình nguyện bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Tình nguyện tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông.
- Tình nguyện đảm bảo an sinh xã hội.

3.2. Phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”

- Sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học.
- Sáng tạo trong lao động, sản xuất, kinh doanh.
- Sáng tạo trong công tác, phục vụ Nhân dân.
- Sáng tạo trong đời sống sinh hoạt.

3.3. Phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”

- Xung kích trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh.

- Xung kích tham gia thực hiện các chương trình, dự án, cuộc vận động hướng về biên giới, biển đảo, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.
- Xung kích tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.
- Xung kích tham gia đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn dân cư.

3.4. Đồng hành với thanh niên trong học tập

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, các cuộc thi, hội nghị, phát triển các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động tập hợp, kết nối, đồng hành với sinh viên, giáo viên trẻ.

- Duy trì và phát huy hiệu quả các quỹ khuyến học, khuyến tài, các học bổng, giải thưởng, hỗ trợ thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học.

- Cổ vũ, động viên, khuyến khích, hỗ trợ thanh niên học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề.

- Tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ thanh niên trong học tập và tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục đào tạo.

3.5. Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp

- Triển khai hiệu quả chương trình Thanh niên khởi nghiệp.

- Tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm.

- Hỗ trợ thanh niên nâng cao kiến thức, kỹ năng tạo việc làm.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm do Đoàn quản lý.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn để hỗ trợ vay vốn cho thanh niên làm kinh tế.

3.6. Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần

- Giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử, giải quyết vấn đề, phản biện, làm việc nhóm, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, công nghệ số, kỹ năng hội nhập.



Các bạn học sinh tham gia đọc sách tại Thư viện tỉnh Quảng Ninh

- Phát triển sâu rộng các hoạt động rèn luyện thể dục thể thao trong thanh niên.
- Tổ chức các chương trình giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên, chống nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, phòng chống HIV/AIDS trong thanh niên.
- Tổ chức đa dạng các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong thanh niên.
- củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa thể thao của Đoàn.

IV- THANH NIÊN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI

1. Bối cảnh tác động, thời cơ, thách thức đối với thanh niên Việt Nam

1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến thanh niên Việt Nam

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đưa nước ta ra khỏi khu vực kém phát triển, tạo tiền đề quan trọng để tiếp

tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kinh tế nước ta từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị đang đặt ra ngày càng cấp thiết. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn tồn tại; bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn; một số địa bàn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến rất phức tạp nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0), khởi nghiệp sáng tạo đang là một xu thế lớn.

1.2. Thời cơ đối với thanh niên Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đánh giá cao vị trí vai trò quan trọng của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đảng xác định: “Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Xuất phát từ quan điểm đó, Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và toàn xã hội luôn dành sự quan tâm, chăm lo đặc biệt, giáo dục, bồi dưỡng; đặt niềm tin sâu sắc, kỳ vọng to lớn, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển, trưởng thành, phát huy mọi tiềm năng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhà nước tăng cường quản lý công tác thanh niên thông qua việc triển khai, thực hiện Luật Thanh niên, Chiến lược phát triển thanh niên và nhiều chính sách thích hợp khác nhằm bồi dưỡng, phát huy thanh niên và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác thanh niên; quá trình xã hội hóa công tác thanh niên ngày càng được triển khai rộng rãi, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để bồi dưỡng và phát huy thanh niên.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh không ngừng lớn mạnh, các hoạt động của Đoàn bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước, phù hợp với từng đối tượng thanh niên, phát huy vai trò xung kích, tình

nguyện, sáng tạo của tuổi trẻ trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đoàn từng bước quan tâm, chăm lo tốt hơn các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của thanh niên, trở thành người bạn gần gũi của thanh niên.

1.3. Thách thức đối với thanh niên Việt Nam

Trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thách thức đặt ra đối với thanh niên là phải nhanh chóng vươn lên ngang tầm thời đại, có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cao, tiếp cận và nắm vững khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, và các ngành công nghệ mũi nhọn khác. Đặc biệt, các yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong cách mạng công nghiệp 4.0 như: trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối - Internet of Things (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data) sẽ đòi hỏi rất cao đối với trình độ, năng lực và khả năng đáp ứng của thanh niên.

Các thế lực thù địch luôn nhằm vào thanh niên, ra sức lôi kéo, làm biến chất thanh niên, kích động thanh niên tham gia các hoạt động gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị đất nước.

Trong điều kiện phát triển bùng nổ về thông tin, du lịch, mở rộng giao lưu quốc tế, thách thức đối với thanh niên là không được đánh mất, phai nhạt các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, truyền thống cách mạng, mà phải kế thừa, phát huy các truyền thống đó, giữ vững và phát huy bản sắc dân tộc trong giao lưu, hội nhập quốc tế và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Trong bối cảnh môi trường xã hội vẫn tồn tại những hiện tượng tiêu cực như: nạn tham nhũng, hối lộ, tệ quan liêu, lãng phí và các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, các hành vi phạm pháp... Là những thách thức không nhỏ đối với thanh niên.

2. Dự báo tình hình thanh niên Việt Nam thời gian tới

Những năm tới, dân số thanh niên tiếp tục có xu hướng giảm dần. Thanh niên ngày càng có điều kiện, cơ hội học tập, tiếp cận với khoa học công nghệ nên tỷ lệ thanh niên được đào tạo

chuyên môn tăng. Số lượng thanh niên Việt Nam học tập, lao động ở nước ngoài tăng nhanh. Lao động trẻ trong khu vực công nghiệp và dịch vụ, làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng, trong nông nghiệp ngày càng giảm.

Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, đặt niềm tin sâu sắc, kỳ vọng to lớn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng và phát huy thế hệ trẻ. Đại bộ phận thanh niên ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với Tổ quốc và Nhân dân, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước, thể hiện rõ lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, lối sống vì cộng đồng. Tuy nhiên, một bộ phận thanh niên còn dao động, giảm sút niềm tin, phai nhạt lý tưởng, xa rời truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; sống thực dụng, lười học tập, lao động.

Bối cảnh đó, đòi hỏi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phải thường xuyên cổ vũ, động viên, khuyến khích và phát huy lớp thanh niên tiên tiến; tập trung chăm lo cho nhóm thanh niên yếu thế vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

3. Thanh niên phấn đấu trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới

3.1. Những phẩm chất cần có của thanh niên trong thời kỳ mới

Cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”, giai đoạn (2018 - 2022) xác định thanh niên Việt Nam thời kỳ mới hướng đến 12 tiêu chí, gồm:

1. Có lý tưởng cách mạng.
2. Bản lĩnh vững vàng.
3. Giàu lòng yêu nước.
4. Đạo đức trong sáng.
5. Lối sống văn hóa.
6. Tuân thủ pháp luật.
7. Tiên phong hành động.

8. Sáng tạo không ngừng.

9. Học tập liên tục.

10. Có sức khoẻ tốt.

11. Kỹ năng phù hợp.

12. Khát vọng vươn lên.

3.2. Những nhiệm vụ của thanh niên trong thời kỳ mới

Một là, thanh niên có nhiệm vụ ra sức học tập, đi đầu trong xã hội học tập.

- Tích cực học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng: học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tích cực học tập kiến thức, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn khoa học kỹ thuật và tay nghề: chủ động và tự giác học nghề. Tiếp cận và làm chủ kiến thức khoa học và công nghệ tiên tiến. Học quản lý, nắm vững khoa học và nghệ thuật quản lý.

- Tự giác tham gia học tập, đổi mới phương pháp học tập theo hướng tích cực, giúp đỡ nhau học tập, học thực chất, khắc phục tâm lý “chạy theo bằng cấp”.



Thanh thiếu nữ Quảng Ninh tri ân anh hùng thiếu niên Kim Đồng

- Chống các hiện tượng tiêu cực trong học đường: chạy điểm, coi cốp, gian lận.

Hai là, thanh niên có nhiệm vụ lao động tạo lập cuộc sống, tham gia phát triển kinh tế xã hội.

- Mỗi thanh niên cần chấp hành tốt Luật lao động. Có nhận thức đúng về lao động và nghĩa vụ tham gia phát triển kinh tế.

- Thực hiện tốt các phong trào, chương trình: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Thanh niên khởi nghiệp” do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát động.

- Đi đầu trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp cận nhanh chóng tri thức và công nghệ mới để đạt hiệu quả, năng suất lao động cao; tham gia đổi mới cơ chế và chính sách, phát triển nguồn nhân lực...

Ba là, thanh niên với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

- Thực hiện tốt phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát động.

- Thực hiện tốt Luật nghĩa vụ quân sự, tham gia dân quân tự vệ, có ý thức bảo vệ độc lập chủ quyền lãnh thổ đất nước.

- Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; đội dân quân, an ninh tự quản, các đội thanh niên tình nguyện giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông...

- Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tham gia làm tốt công tác tuyển quân, nhập ngũ, thực hiện tốt công tác “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”...

Bốn là, thanh niên tham gia xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nhận thức đúng về văn hóa và yêu cầu của việc xây dựng nền văn hóa trong thời kỳ đổi mới cần tôn trọng và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc, thực hiện tốt nguyên tắc “Hội nhập nhưng không hòa tan”.

- Tham gia xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: sống chan hòa, đoàn kết với mọi người trong tập thể, trong gia đình; tôn trọng và có ý thức giúp đỡ người khác, có trách nhiệm xây dựng bầu không khí tốt đẹp trong cộng đồng.

- Tham gia phát triển văn hóa cộng đồng, “Văn minh công sở”: tôn trọng các quy tắc ứng xử trong xã hội, trong thôn bản, trong cơ quan và với đồng nghiệp, với các thành viên trong gia đình.

- Đi đầu chống các tệ nạn xã hội: tham gia tuyên truyền phòng, chống các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, ma túy, mại dâm, bạo lực gia đình...

Năm là, thanh niên tham gia xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị.

- Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng: phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; tuyên truyền đường lối, nghị quyết của Đảng, ngăn ngừa các hiện tượng tuyên truyền xuyên tạc, chống phá Đảng; đóng góp ý kiến phê bình đảng viên và các tổ chức Đảng.

- Tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền: đi đầu thực hiện các chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương; xung kích vào những nơi khó khăn, gian khổ để cống hiến và trưởng thành, tình nguyện với cuộc sống cộng đồng vì sự bình đẳng xã hội.

- Tham gia xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: thực hiện tốt tinh thần đoàn kết toàn dân, tham gia vào các hoạt động vận động xã hội ủng hộ người nghèo, công tác nhân đạo, từ thiện...

Sáu là, thanh niên tham gia xây dựng nếp sống văn minh, đời sống cộng đồng tốt đẹp.

- Nắm vững và nghiêm chỉnh chấp hành Luật Hôn nhân và gia đình: thực hiện tốt các điều khoản trong Luật Hôn nhân và gia đình, không gây bạo lực trong gia đình, tôn trọng quyền bình đẳng giới và quyền bình đẳng của các thành viên trong gia đình, chống gia trưởng, trọng nam khinh nữ, tảo hôn, bắt vợ, ép gả chồng...

- Đi đầu trong cuộc vận động nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang: thực hiện tổ chức việc cưới, việc tang gọn nhẹ, tiết kiệm,



Khắc ghi lời dạy của Bác: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và cần thiết”.

chống các hiện tượng mê tín dị đoan, các hủ tục lạc hậu vi phạm pháp luật...

- Xây dựng cho mình nếp sống lành mạnh, giản dị, tiết kiệm, chung thực, thật thà, chân tình với mọi người, có tinh thần tương thân, tương ái đồng đội, đồng nghiệp.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, nhân đạo: vận động tài trợ xã hội, hiến máu nhân đạo, giúp đỡ người nghèo, người già cô đơn, gia đình chính sách...

Bảy là, thanh niên tham gia hội nhập quốc tế.

- Phải có bản lĩnh chính trị, tự hào dân tộc, tin tưởng vào đường lối của Đảng, lý tưởng xã hội chủ nghĩa...

- Tích cực học tập đi trước đón đầu các ngành khoa học kỹ thuật và công nghệ mũi nhọn, nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có sức khỏe thể chất và tinh thần tốt để hội nhập: rèn luyện sức khỏe, sống lành mạnh, tinh thần thoải mái không vụ lợi, bon chen, ích kỷ, hẹp hòi.

- Ý thức đầy đủ về hội nhập văn hóa: cảnh giác với các loại và các dòng văn hóa có tính chất độc hại; chống các luận điệu tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước ta.

- Có kiến thức, hiểu biết về những vấn đề chung của nhân loại: nắm vững ngoại ngữ, tin học, khoa học công nghệ, nhân văn, văn hóa, văn minh nhân loại để có bản lĩnh hội nhập vững hơn trong một thế giới đa dạng và luôn biến động.

V- ĐOÀN THANH NIÊN QUẢNG NINH QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

1. Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh (nay là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) tỉnh Quảng Ninh lần thứ I (1970 - 1977)

Tháng 9 năm 1970, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh (nay là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành Đại hội lần thứ nhất, kể từ sau khi tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng sáp nhập thành tỉnh Quảng Ninh.

Đại hội đã xác định nhiệm vụ chung "...Tăng cường đoàn kết chặt chẽ mọi lực lượng thanh niên, đào tạo bồi dưỡng thế hệ thanh niên mới, thế hệ thanh niên thời đại Hồ Chí Minh phát triển toàn diện vừa "hồng" vừa "chuyên". củng cố mạnh mẽ vai trò xung kích của thanh niên trong phong trào lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh cao trào "Ba sẵn sàng" với nội dung nâng cao năng suất lao động, sẵn sàng chiến đấu, học tập và xây dựng cuộc sống mới, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Ra sức xây dựng củng cố Đoàn, nâng cao chất lượng đoàn viên và sức chiến đấu của tổ chức Đoàn, làm cho Đoàn thật sự là cánh tay đắc lực và đội hậu bị của Đảng, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng và Bác Hồ vĩ đại. Đáp ứng yêu cầu xây dựng tỉnh ta giàu đẹp có nền kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện, có lực lượng quốc phòng hùng mạnh".

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn khóa I, gồm 36 đồng chí. Đồng chí Vũ Cẩm được bầu làm Bí thư Tỉnh đoàn, các đồng chí Nguyễn Tiến Thụ, Chu Mạnh Hiến, Trần Trọng Bình, Nguyễn Kim



*1.000 đoàn viên thanh niên tiêu biểu tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ XI*

Nhung, được bầu làm Phó Bí thư và các đồng chí Phạm Xoang, Phạm Ngọc Sâm, Từ Khải Hồng, Bùi Hữu Nhân, Nguyễn Ngọc, Phạm Đình Khuyên, Nguyễn Sĩ Hưng được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh đoàn khóa I. Sau Đại hội, đồng chí Lưu Văn Y được bổ sung vào Ban Thường vụ, các đồng chí Nguyễn Ngọc, Phạm Ngọc Sâm được bầu bổ sung là Phó Bí thư. Khi đồng chí Vũ Cẩm chuyển công tác, năm 1975, đồng chí Nguyễn Tiến Thụ được cử giữ chức vụ Bí thư Tỉnh đoàn. Cuối năm 1976, đồng chí Nguyễn Bình Giang thay đồng chí Nguyễn Tiến Thụ làm Bí thư Tỉnh đoàn. Đồng chí Nguyễn Quang Cài được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ.

Tháng 12 năm 1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đã quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh cũng được đổi tên thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ II (1977 - 1979)

Tháng 7 năm 1977, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ hai. Dự Đại hội có 197

đại biểu chính thức. Đại hội đề ra phương hướng hành động nhằm tổ chức, động viên tuổi trẻ trong tỉnh tiến lên hàng đầu thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội và đẩy mạnh xây dựng, phát triển Đoàn vững mạnh, tham gia xây dựng Đảng.

Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ II đã bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn gồm 39 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Bình Giang được bầu làm Bí thư Tỉnh đoàn và các đồng chí Trương Thanh Hoà, Đoàn Duyết được bầu làm Phó Bí thư. Được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh đoàn khóa II có các đồng chí: Vũ Thanh Đạm, Nguyễn Huy Quân, Nghiêm Thị Giao, Lưu Văn Y, Đặng Viết Cường, Phạm Xoang, Lê Văn Dậu, Trần Văn Đĩnh, Lưu Minh Tân, Vũ Thông Minh, Trần Ngọc Kha. Sau Đại hội đồng chí Lê Văn Dậu được bổ sung làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn.

3. Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ III (1979 - 1983)

Trong điều kiện vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh biên giới, tình hình kinh tế - xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, ngay trong tháng 10 năm 1979, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức Đại hội Đoàn toàn tỉnh lần thứ III. 242 đại biểu thay mặt cho 98.543 đoàn viên trong toàn tỉnh tham dự Đại hội.

Ý thức rõ trách nhiệm của thế hệ mình trước những khó khăn thử thách của đất nước, Đại hội đã vạch rõ phương hướng nhiệm vụ của tổ chức Đoàn và phong trào thanh niên Quảng Ninh, nhằm động viên toàn bộ thế hệ trẻ trong tỉnh phát huy tinh thần “Ba xung kích làm chủ tập thể” không ngừng vươn lên cống hiến hết sức mình cho Tổ quốc và cho chủ nghĩa xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn Quảng Ninh khóa III gồm 43 đồng chí; do đồng chí Trương Thanh Hoà làm Bí thư và đồng chí Lê Văn Dậu làm Phó Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Xuân Thành, Vũ Thanh Đạm, Trần Ngọc Kha, Nguyễn Huy Quân, Lê Văn Tịnh, Lưu Minh Tân, Hà Văn Hiền, Nguyễn Xuân Mịch, Đoàn Thế Lâm, Vũ Tất Đạt, Nguyễn Thế Trần.

Sau Đại hội, đồng chí Vũ Mão đã được chỉ định thay đồng chí Trương Thanh Hoà làm Bí thư Tỉnh đoàn, góp phần ổn định mọi mặt hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Quảng Ninh. Khi đồng chí Vũ Mão chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Danh Ký được bầu làm Bí thư Tỉnh đoàn.

4. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV (1983 - 1987)

Tháng 5 năm 1983, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức Đại hội Đoàn toàn tỉnh lần thứ IV. 253 đại biểu thay mặt cho 75.853 đoàn viên toàn tỉnh tham dự Đại hội. Đại hội đã ý thức rõ trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời điểm đầy thử thách đã khẳng định quyết tâm cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn phức tạp, vững tin ở sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, dù trong hoàn cảnh nào cũng phát huy vai trò xung kích cách mạng, giữ vững và phát triển sản xuất, không ngừng sáng tạo trong lao động, làm ra nhiều của cải cho xã hội, chăm lo giáo dục thiếu niên, nhi đồng; không ngừng xây dựng và củng cố tổ chức Đoàn vững mạnh.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn khóa IV gồm 41 đồng chí. 11 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, gồm: Nguyễn Danh Ký - giữ chức vụ Bí thư Tỉnh đoàn; Lê Văn Dậu, Nguyễn My, Phùng Thị Hải - Phó Bí thư và các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ: Bùi Minh Khôi, Lê Xuân Vững, Nguyễn Ngọc Điềm, Bùi Viêt Thìn, Tạ Đức Khương, Hà Văn Hiền, Trần Văn Tý.

Sau Đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Trung được bầu bổ sung làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn. Các đồng chí Nguyễn Đăng Trường, Bạch Quang Triệu, Hà Minh Sơn được bổ sung vào Ban Thường vụ. Khi đồng chí Nguyễn Danh Ký chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Văn Trung được giao trách nhiệm Quyền Bí thư.

5. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ V (1987 - 1992)

Từ ngày 10 - 12/11/1987, Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành Đại hội lần thứ V. 246 đại biểu thay mặt cho 80.853 đoàn viên trong toàn tỉnh dự Đại hội.

Đại hội xác định nhiệm vụ của Đoàn và thanh niên Quảng Ninh trong giai đoạn này đó là: *“Xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh, đủ sức tập hợp rộng rãi các lực lượng thanh niên vào các đội hình hoạt động. Phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích làm chủ tập thể của Đoàn trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, nhất là nhiệm vụ sản xuất than, thực hiện thắng lợi 3 chương trình kinh tế: sản xuất lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Giáo dục và rèn luyện cán bộ, đoàn viên thanh niên trưởng thành về mọi mặt, xứng đáng là đội xung kích cách mạng, đội hậu bị tin cậy của Đảng”*.

Ban Chấp hành Tỉnh đoàn do Đại hội bầu ra gồm 43 đồng chí, 13 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, gồm: Hà Văn Hiền, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Hồng Quân, Nguyễn Đăng Trường, Trần Hữu Đức, Nguyễn Chí Thăng, Đặng Thị Bích Thuận, Đỗ Thị Hoàng, Hà Minh Sơn, Phùng Anh Đài, Nguyễn Đức Thịnh. Đồng chí Hà Văn Hiền được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh đoàn khóa V, các đồng chí Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Hồng Quân, được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh đoàn.

Sau Đại hội, đồng chí Đỗ Thị Hoàng, đồng chí Nguyễn Đăng Trường được bầu bổ sung làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn. Đồng chí Phạm Minh Ký được bổ sung vào Ban Thường vụ. Năm 1990, đồng chí Nguyễn Hồng Quân được bầu thay đồng chí Hà Văn Hiền làm Bí thư Tỉnh đoàn.

6. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VI (1992 - 1997)

Tháng 4 năm 1992, tại thị xã Hòn Gai, Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VI đã diễn ra từ ngày 15 - 17/4/1992. 215 đại biểu thay mặt cho 56.181 đoàn viên trong toàn tỉnh đã dự Đại hội. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Tỉnh đoàn gồm 39 đồng chí, 8 đồng chí đã được bầu vào Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân được bầu làm Bí thư, các đồng chí Hà Minh Sơn, Nguyễn Đình Tuấn được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư và các đồng chí: Nguyễn Mạnh Hà, Đặng Thị Bích Thuận, Phạm Minh Ký, Nhữ Đình Đô, Kiều Quốc Huy là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh đoàn khóa VI.

Đại hội đã khẳng định tiếp tục quá trình tự đổi mới, xung kích - sáng tạo xây dựng và bảo vệ Quảng Ninh giàu đẹp và đề ra 5 chương trình hành động cụ thể: Chương trình xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới; Chương trình tham gia phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho thanh niên; Chương trình bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Chương trình xây dựng đời sống văn hóa trong thanh niên; Chương trình xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Sau Đại hội, năm 1994, đồng chí Hà Minh Sơn được bầu thay đồng chí Nguyễn Hồng Quân làm Bí thư Tỉnh đoàn, các đồng chí Vũ Quang Ninh, Lê Thị Bích Hương, Trần Văn Thọ, Hoàng Văn Lâu, Đặng Huy Hậu được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh đoàn. Năm 1996, đồng chí Đặng Huy Hậu thay đồng chí Hà Minh Sơn làm Bí thư Tỉnh đoàn, các đồng chí Lê Thị Bích Hương, Trần Xuân Cường được bầu bổ sung làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn.

7. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VII (1997 - 2002)

Từ ngày 8 - 10/10/1997, tại thành phố Hạ Long, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VII. Có 289 đại biểu thay mặt cho 56.262 đoàn viên trong cả tỉnh đã dự Đại hội. Đại hội khẳng định quyết tâm tổ chức, động viên toàn thể đoàn viên, thanh niên và thiếu niên, nhi đồng trong tỉnh nỗ lực vươn lên trong học tập, rèn luyện, trong lao động sáng tạo, chuẩn bị hành trang mọi mặt, sẵn sàng bước vào thế kỷ XXI trong tâm thế một bản lĩnh nhập cuộc, với mục tiêu chủ yếu: “Xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vững mạnh, làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết các tầng lớp thanh niên, thể hiện rõ vai trò xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, góp phần cùng với Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh xây dựng Quảng Ninh từng bước trở thành một tỉnh công nghiệp và du lịch hiện đại”.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Tỉnh đoàn khóa VII gồm 39 đồng chí. Có 11 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, gồm: đồng chí Đặng Huy Hậu, giữ trách nhiệm Bí thư

Tỉnh đoàn; các đồng chí Ngô Thị Minh, Trương Công Ngân, Phạm Hùng Sơn giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh đoàn; và các đồng chí Phan Thu Hằng, Vũ Thành Long, Hoàng Đức Hạnh, Nguyễn Xuân Ký, Trần Như Quân, Lê Văn Ninh, Nguyễn Đức Thành là ủy viên Thường vụ.

Sau Đại hội, do yêu cầu nhiệm vụ, Ban Chấp hành Tỉnh đoàn đã quyết định bầu bổ sung 2 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, gồm các đồng chí Đỗ Mạnh Hùng, Bùi Đức Đoàn. Đến tháng 9 năm 2000, đồng chí Đặng Huy Hậu chuyển công tác, đồng chí Ngô Thị Minh được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh đoàn.

8. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VIII (2002 - 2007)

Từ ngày 14 - 16/8/2002, Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VIII được tổ chức tại thành phố Hạ Long. Về dự Đại hội có 248 đại biểu đại diện cho hơn 364.000 đoàn viên, thanh niên toàn tỉnh. Đây là Đại hội Đoàn đầu tiên của thế kỷ XXI, mở ra một giai đoạn phát triển mới của công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Ninh.

Đại hội đã khẳng định quyết tâm phát huy truyền thống vùng mỏ anh hùng, đoàn kết, sáng tạo, xung kích tình nguyện, xây dựng và bảo vệ quê hương giàu mạnh, văn minh, với mục tiêu tổng quát: *“Chăm lo bồi dưỡng lý tưởng đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thể chất cho thanh niên; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh niên, vận động và tổ chức đông đảo thanh niên xung phong, tình nguyện tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vững mạnh, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương Quảng Ninh giàu đẹp văn minh”*.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn khóa VIII gồm 39 đồng chí, 12 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, gồm: Nguyễn Đức Thành, Vũ Thành Long, Bùi Văn Ngợi, Nguyễn Xuân Ký, Nguyễn Văn Hồi, Mạnh Hồng Hải, Nguyễn Trung Hậu, Đỗ Mạnh Hùng, Nguyễn Anh Tú, Vi Ngọc Bích, Phùng Văn Vịnh, Nguyễn Thị



Ra sức xây dựng củng cố Đoàn, nâng cao chất lượng đoàn viên và sức chiến đấu của tổ chức Đoàn, làm cho Đoàn thật sự là cánh tay đắc lực và đội hậu bị của Đảng, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng và Bác Hồ vĩ đại.

Thu Hà. Đồng chí Nguyễn Đức Thành được bầu làm Bí thư Tỉnh đoàn, đồng chí Vũ Thành Long và đồng chí Bùi Văn Ngợi được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn. Đại hội cũng đã bầu ra Ủy ban Kiểm tra gồm 7 đồng chí do đồng chí Vũ Thành Long làm Chủ nhiệm. Năm 2006, đồng chí Vũ Thành Long chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Xuân Ký được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

9. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX (2007 - 2012):

Đại hội đại biểu Đoàn TNCS HỒ CHÍ MINH tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2007 - 2012 được tổ chức tại thành phố Hạ Long từ ngày 27 - 29/8/2007. Về dự Đại hội có 247/250 đại biểu chính thức được triệu tập thay mặt cho hơn 100 nghìn đoàn viên trong toàn tỉnh.

Với khẩu hiệu hành động “Tuổi trẻ Quảng Ninh làm theo lời Bác, đoàn kết, sáng tạo, xung kích, tình nguyện, xây dựng quê hương giàu

đẹp, văn minh”. Đại hội đã đề ra mục tiêu công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ 2007 - 2012 là: “*Xây dựng Đoàn vững mạnh, mở rộng mặt trận tập hợp, đoàn kết thanh niên; tăng cường bồi dưỡng thế hệ thanh niên Quảng Ninh phát triển toàn diện, trở thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao, xung kích, tình nguyện, sáng tạo tham gia phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc, góp phần xây dựng Quảng Ninh cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015*”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn Quảng Ninh khóa IX gồm 39 đồng chí, trong đó 13 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ: Nguyễn Đức Thành, Bùi Văn Ngợi, Nguyễn Xuân Ký, Mạnh Hồng Hải, Nguyễn Quảng Việt, Nguyễn Ngọc Sơn, Hoàng Bá Nam, Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Anh Tuấn, Nguyễn Trung Hậu, Châu Hoài Thu, Bùi Anh Tuấn, Phùng Văn Vịnh. Đồng chí Nguyễn Đức Thành được bầu làm Bí thư Tỉnh đoàn, đồng chí Bùi Văn Ngợi và đồng chí Nguyễn Xuân Ký được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn. Ủy ban kiểm tra Tỉnh đoàn được bầu tại Đại hội gồm 7 đồng chí do đồng chí Nguyễn Xuân Ký làm Chủ nhiệm.

Sau Đại hội, các đồng chí Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Trung Hậu, Mạnh Hồng Hải, Vũ Anh Tuấn, Châu Hoài Thu, Phùng Văn Vịnh chuyển công tác, trong năm 2008, 2009, 2010, Ban Chấp hành Tỉnh đoàn đã bầu các đồng chí Nguyễn Hồng Minh, Nguyễn Vũ Thu Hòa, Lê Văn Độ, Dương Văn Hào, Lê Mạnh Cường, Lê Quang Thành và Hoàng Văn Hải vào Ban Thường vụ. Năm 2009, đồng chí Bùi Văn Ngợi chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Long Hải - Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đoàn được Ban Bí thư Trung ương Đoàn điều động về tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh đoàn; đồng chí Hoàng Bá Nam được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh đoàn. Tháng 12/2009, đồng chí Nguyễn Đức Thành chuyển công tác, ngày 15/01/2010, Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh đoàn lần thứ 10 (khóa IX) nhiệm kỳ 2007 - 2012 đã bầu đồng chí Nguyễn Xuân Ký, Phó Bí thư Thường trực giữ chức vụ Bí thư Tỉnh đoàn Quảng Ninh khóa IX.

10. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX (2012 - 2017)

Từ ngày 14 - 16/8/2012, Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2012 - 2017 được tổ chức tại thành phố Hạ Long với sự tham dự của 300 đại biểu ưu tú đại diện cho hơn 140.000 đoàn viên, thanh niên trong toàn tỉnh. Đại hội là sự kiện chính trị quan trọng của tuổi trẻ toàn tỉnh, đánh dấu bước phát triển mới của tổ chức Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Đại hội diễn ra vào thời điểm có ý nghĩa hết sức quan trọng: Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đang ra sức thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XIII. Với khẩu hiệu hành động: *“Tuổi trẻ Quảng Ninh tự hào, phát huy truyền thống, xung kích, sáng tạo xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh”*, Đại hội đã đề ra mục tiêu công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ 2012 - 2017 là: *“không ngừng xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, tập trung giáo dục lý tưởng cách mạng, truyền thống, đạo đức, lối sống, giáo dục môi trường, giáo dục di sản; đột phá trong tổ chức phong trào thanh niên, xung kích tham gia phát triển kinh tế nhanh, bền vững; tham gia cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường năng lực hội nhập; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác phụ trách Đội, công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng cổ vũ thanh niên học tập, phát huy vai trò xung kích, sáng tạo góp phần xây dựng Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, năng động của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cửa ngõ quan trọng trong hợp tác kinh tế quốc tế, trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại vào năm 2020”*.

Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ X đã bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn Quảng Ninh khóa X gồm 45 đồng chí, trong đó 14 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ. Đồng chí Hoàng Bá Nam được bầu là Bí thư Tỉnh đoàn khóa X, các đồng chí Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Mạnh Cường, Lý Văn Thành được bầu là Phó Bí thư Tỉnh đoàn khóa X. Bầu 07 đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh đoàn,

đồng chí Lê Mạnh Cường được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh đoàn.

Tháng 3 năm 2015, lãnh đạo chủ chốt Tỉnh đoàn có sự thay đổi: đồng chí Hoàng Bá Nam thôi giữ chức vụ Bí thư Tỉnh đoàn, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Cô Tô, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô. Đồng chí Nguyễn Thị Thu Hà được bầu làm Bí thư Tỉnh đoàn khóa X từ tháng 3 năm 2015.

Tháng 7 năm 2014, đồng chí Lê Mạnh Cường chuyển công tác, đồng chí Vũ Thị Diệu Linh, đồng chí Hoàng Văn Hải được bầu bổ sung giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh đoàn khóa X. Tháng 10 năm 2015, đồng chí Lý Văn Thành chuyển công tác, đồng chí Lê Hùng Sơn được bầu bổ sung, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh đoàn. Tháng 5 năm 2017, đồng chí Nguyễn Thị Thu Hà thôi giữ chức vụ Bí thư Tỉnh đoàn, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Đầm Hà, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Đầm Hà. Đồng chí Lê Hùng Sơn được bầu làm Bí thư Tỉnh đoàn khóa X.

11. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ X (2017 - 2022)

Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2017 - 2022 được tổ chức tại thành phố Hạ Long từ ngày 20 - 22/9/2017. Dự Đại hội có 298 đại biểu chính thức được triệu tập thay mặt cho 122.000 đoàn viên, thanh niên trong toàn tỉnh. Đại hội là sự kiện chính trị quan trọng của tuổi trẻ toàn tỉnh, đánh dấu bước phát triển mới của tổ chức Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

Với khẩu hiệu hành động: *“Tuổi trẻ Quảng Ninh đoàn kết - tiên phong - sáng tạo - hành động”*, Đại hội đề ra mục tiêu giai đoạn 2017 - 2022 là: *Nâng cao chất lượng tổ chức và hiệu quả hoạt động của Đoàn. Phát huy trách nhiệm phụ trách Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và tích cực tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Xây dựng lớp thanh niên thời kỳ mới có lý tưởng cách mạng, giàu lòng yêu nước, có đạo đức, lối sống văn hóa, trung*

thực, đoàn kết, xung kích, tình nguyện, sáng tạo trong học tập, khởi nghiệp, lập nghiệp, làm chủ khoa học - công nghệ hiện đại, có đóng góp xứng đáng trong quá trình xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp vào năm 2020.

Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh đoàn khóa XI do Đại hội bầu gồm 45 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ Tỉnh đoàn gồm 14 đồng chí; bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 07 đồng chí. Đồng chí Lê Hùng Sơn được bầu là Bí thư Tỉnh đoàn khóa XI, các đồng chí Hoàng Văn Hải, Vũ Thị Diệu Linh được bầu là Phó Bí thư Tỉnh đoàn khóa XI. Đồng chí Hoàng Văn Hải được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh đoàn.

Sau Đại hội, lãnh đạo chủ chốt Tỉnh đoàn có sự thay đổi: Tháng 3 năm 2019, đồng chí Vũ Thị Diệu Linh chuyển công tác, được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên. Đồng chí Phạm Hồng Thái được bầu bổ sung giữ chức Phó Bí thư Tỉnh đoàn.

Tháng 11 năm 2020, đồng chí Lê Hùng Sơn chuyển công tác, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Cô Tô, giữ chức Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô. Đồng chí Hoàng Văn Hải - Phó Bí thư Thường trực được giao phụ trách Tỉnh đoàn. Tháng 3 năm 2021, đồng chí Hoàng Văn Hải được bầu bổ sung giữ chức Bí thư Tỉnh đoàn.

BÀI 5

NHẬN DIỆN, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN HIỆN NAY

PHẦN 1

MẠNG XÃ HỘI VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN HIỆN NAY

I- VÀI NÉT VỀ MẠNG XÃ HỘI

Mạng xã hội (MXH) hiện đang là phương tiện vô cùng phổ biến, hầu hết mọi người đều sử dụng nó đặc biệt là các bạn trẻ. Mạng xã hội có rất nhiều dạng thức và có nhiều tính năng khác nhau, giúp người dùng kết nối, chia sẻ quan điểm cá nhân, hay những câu chuyện cuộc sống...và hiện nay con người sử dụng mạng xã hội với nhiều mục đích hơn thế. Đến nay chỉ cần sở hữu một điện thoại thông minh là con người có thể đọc báo, xem phim, dùng các



Sự ra đời của Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội sẽ đáp ứng được yêu cầu cấp thiết hiện nay về lành mạnh hóa môi trường MXH. Ảnh minh họa

nền tảng MXH như Facebook, Zalo, Instagram, You Tube, Viber, Tiktok... để kết nối.

1. Số lượng người sử dụng Internet, mạng xã hội, điện thoại di động

* *Tổng quan người dùng Internet:* Dân số Việt Nam đến 01/2021 ước 97,8 triệu người, số lượng người dùng Internet vào tháng 01/2021 là 68,72 triệu; tăng 551 nghìn so với năm 2020; tương đương 70,3% dân số.

* *Tổng quan người dùng mạng xã hội:* Số lượng người dùng mạng xã hội tại Việt Nam vào tháng 01/2021 là 72 triệu, so với năm 2020 tăng lên 7 triệu; tương đương 73.7% tổng dân số.

* *Tổng quan người dùng di động:* Số lượng kết nối di động tại Việt Nam vào tháng 01/2021 là 154,4 triệu; tăng 1,3 triệu (+ 0,9%) so với năm 2020.

- Mạng xã hội Tiktok vượt qua Facebook về số lượt download ở Việt Nam.

2. Hành vi của người dùng Việt Nam

*** Hành vi trên Internet**

Người Việt ở độ tuổi 16-64 dành 6 tiếng 47 phút để sử dụng Internet. So với cùng kỳ năm 2020, con số này cao hơn 17 phút (6 tiếng 30 phút).

Trong 6 tiếng 47 phút này, người Việt dành 2 tiếng 40 phút để xem TV, 2 tiếng 21 phút dùng mạng xã hội (MXH), 1 tiếng 57 phút để đọc báo và truy cập tin tức, 1 tiếng 9 phút để nghe nhạc trực tuyến... Điện thoại di động, máy tính/laptop, tablet... là những thiết bị được người Việt dùng phổ biến nhất để truy cập Internet.

Top những website có lượng truy cập, tương tác cao nhất trong năm 2020 là Google.com, VnExpress.net, 24h.com.vn, YouTube.com, Kenh14.vn... Nên có thể thấy, nhu cầu tìm kiếm, đọc tin tức, xem nội dung video của người Việt ngày càng tăng.

Cũng tính từ tháng 01/2020 - 01/2021, những loại nội dung được người dùng Internet Việt ở độ tuổi 16-64 tiêu thụ nhiều nhất

mỗi tháng gồm video (97,6%), vlog (61,2%), nhạc (73,2%), radio (44,4%), podcast (37,9%).

Bên cạnh đó, người Việt ngày càng có ý thức cao hơn về dữ liệu cá nhân. 31,8% người được khảo sát bày tỏ mối lo ngại về việc các doanh nghiệp sử dụng dữ liệu của họ, 34,7% người tiêu dùng sử dụng công cụ chặn quảng cáo và 49,4% thường xuyên xoá cookies sau mỗi tháng.

** Hành vi trên mạng xã hội (social media)*

Tại Việt Nam, tính đến đầu năm 2021, có tổng cộng 72 triệu tài khoản MXH hoạt động (tăng thêm 7 triệu tài khoản so với năm cùng kỳ năm 2020), tương đương với mức độ thâm nhập là 73,7%. Trong đó, có 71,14 triệu người dùng di động để truy cập MXH. Mỗi ngày, người Việt dành trung bình 2 tiếng 21 phút dùng MXH để nhắn tin, kết nối, tương tác, làm việc...

Báo cáo Digital Vietnam 2020 cho thấy Facebook là MXH được nhiều người Việt sử dụng nhất. Nhưng đến năm nay, theo We Are Social, YouTube đã giành được vị trí đứng đầu với tỷ lệ người dùng chiếm 92%, cao hơn Facebook (91,7%). Theo sau hai ông lớn trên là Zalo, Messenger, Instagram và TikTok.

Riêng với Facebook, đây vẫn là nền tảng có nhiều tiềm năng quảng cáo nhất tại Việt Nam. Tính đến tháng 01/2021, có 68 triệu tài khoản Facebook (với 87,3% người dùng trên 13 tuổi) có thể tiếp cận được, tăng thêm 7 triệu so với cùng kỳ năm 2020. Trong khi đó, YouTube cũng không hề kém cạnh với 55,7 triệu tài khoản có thể tiếp cận được bằng quảng cáo.

** Hành vi trên di động (mobile)*

Kỷ nguyên di động (mobile) tại Việt Nam bùng nổ khi có hơn 154 triệu thuê bao di động, trong đó 64% tài khoản có kết nối mạng 3G, 4G và 5G. Lưu lượng truy cập Internet từ các thiết bị Android vẫn tiếp tục dẫn đầu với 64,6%, cao hơn cùng kỳ năm ngoái 2020 (61%), iOS giảm từ 37% xuống còn 34,5%.

Các nhóm ứng dụng di động được người dùng Việt sử dụng nhiều trong năm 2020 bao gồm: Nhắn tin, trò chuyện (94,7%), giải trí và

xem video (83,4%), nghe nhạc (58%), chơi game (57,2%), mua sắm (68,5%), tài chính và ngân hàng (40,1%)... Nhìn chung, các con số này không quá chênh lệch so với số liệu cùng kỳ của năm 2020. Duy chỉ có ứng dụng mua sắm ghi nhận tỷ lệ sử dụng cao hơn, tăng từ 55% (2020) lên đến 68,5% (2021). Lý do có thể đến từ đại dịch COVID-19 thúc đẩy sự tăng trưởng của việc mua hàng trực tuyến tại nhà.

Cũng theo thống kê thì độ tuổi sử dụng mạng xã hội nhiều nhất ở nước ta là từ 18 đến 34 tuổi - độ tuổi của giới trẻ, của thanh thiếu niên Việt Nam và thời lượng sử dụng mạng xã hội trong một ngày của giới trẻ Việt Nam trung bình là 7 giờ, khá cao so với khu vực và thế giới.

Trong thời đại công nghệ số phát triển mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội thì đối tượng sử dụng MXH chiếm số đông chủ yếu là thanh, thiếu niên - những người ngày càng có nhiều cơ hội tham gia vào thế giới thông tin và kết nối vô cùng rộng lớn, cùng lúc có thể tiếp cận với nhiều hệ tư tưởng và giá trị sống khác nhau. Không thể phủ nhận những tác động tích cực của MXH đối với giới trẻ nếu họ biết cách sử dụng chúng một cách hợp lý như: kết nối và xây dựng các mối quan hệ, thể hiện bản thân (tính cách, sở thích, quan điểm, năng lực...) và trong nhiều trường hợp nó có thể giúp họ tìm kiếm những cơ hội phát triển bản thân; cơ hội kinh doanh khi MXH chính là môi trường kinh doanh khá lý tưởng; MXH cũng là nơi để học tập, tích lũy, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng sống vì vậy nó cũng mang đến lợi ích nhất định...

II- NHẬN DIỆN TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN

1. Thay đổi về thời gian và không gian

Tác động này của MXH sẽ nhận diện từ góc độ: Bản chất của sự kết nối Internet, đặc biệt là các MXH chính là loại hình dịch vụ nối kết không phân biệt không gian và thời gian. Đó trước hết là sự thay đổi rõ rệt trong quan niệm về thời gian và sự mờ nhạt về giới hạn vùng, miền, quốc gia trong không gian của MXH. Mặt khác, với sự xuất hiện của MXH, các thông tin cũng được truyền tải vượt qua mọi khoảng cách địa lý, thời gian và đặc biệt là khoảng cách giữa các thế hệ, nhờ

đó đem lại nguồn tin vô cùng phong phú, đa dạng cho thanh, thiếu niên hiện nay.

Chỉ cần sở hữu các thiết bị điện tử có thể truy cập Internet, đặc biệt là các thiết bị cầm tay như điện thoại di động, ipad, điện thoại thông minh... MXH hoàn toàn có thể trở thành người bạn đồng hành



Cần tạo ra một môi trường mạng an toàn hơn cho mỗi cá nhân, đặc biệt là đối với trẻ em, đối tượng dễ bị tổn thương tâm lý... tránh được những rủi ro kiểu như bị bắt nạt trên mạng xã hội. Ảnh minh họa

của giới trẻ trong bất kể thời gian nào, kể cả khi đang học tập hay làm việc, quán ăn, quán cà phê, điểm vui chơi giải trí, trước khi đi ngủ... và thường xuyên để chế độ online; thời gian dành cho các công việc khác ít đi; sự phổ biến của các trang MXH trong đời sống của thanh, thiếu niên hiện nay đã dẫn đến những thay đổi rõ rệt trong quan niệm về thời gian, ý nghĩa của thời gian, việc phân bổ thời gian cũng như cách sử dụng thời gian.

Sự xuất hiện của Internet nói chung và MXH nói riêng cũng đã đem đến những thay đổi to lớn trong quan niệm của thanh thiếu niên về không gian giao tiếp hiện nay; theo đó, không gian vật chất - không gian thực đang có xu hướng “mờ” hay nói cách khác giảm đi nhiều thay vào đó giới trẻ dành nhiều thời gian cho không gian trực tuyến - không gian ảo. Nếu như trước đây, không gian địa lý với khoảng cách giữa các vùng, miền trong phạm vi một quốc gia và rộng lớn hơn là giữa các châu lục hay toàn cầu thực sự là một trở ngại đối với việc giao tiếp, kết nối mạng lưới xã hội của thanh thiếu niên, thì giờ đây mọi giới hạn về khoảng cách địa lý đều trở lên mờ nhạt do sự xuất hiện của không gian ảo trực tuyến mang tính chất “không biên giới” trên các trang mạng xã hội cho phép giới trẻ thỏa sức giao tiếp, kết nối bạn bè vô cùng nhanh chóng và linh hoạt, bởi

cùng một lúc họ có thể giao tiếp với nhiều người ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới

2. Thay đổi phương thức giao tiếp

Một số phương thức giao tiếp mới được hình thành như: Việc nhấn nút “like” (thích), “share” (chia sẻ), “tag” (gắn thẻ) hay viết comment (bình luận) như những cách thức mà người dùng tiếp cận và tương tác cộng đồng... một mặt tạo nên những hiệu quả trong việc kết nối mạng lưới bạn bè, song mặt trái là những hiện tượng biến chất như những nút “like” vô cảm, mất tự chủ, có thể làm ảnh hưởng đến nhân phẩm, danh sự của người khác.

Mạng xã hội xuất hiện đã làm thay đổi phương thức giao tiếp của thanh, thiếu niên. Thay vì giới trẻ có thể liên lạc, giao tiếp với nhau bằng các phương thức mang tính truyền thống như gặp mặt trực tiếp, viết thư tay, gọi điện thoại thì giờ đây phương thức giao tiếp



Cần loại bỏ những hành vi ứng xử kém văn minh trên internet. Ảnh minh họa

mới đã được hình thành, chẳng hạn việc nhấn nút “like” khi họ bày tỏ thích thú, “share” khi muốn chia sẻ thông tin, “Tag” khi muốn cùng ai đó quan tâm hoặc chú ý, viết comment khi họ muốn đưa ra bình luận ý kiến về một chủ đề nào đó hay đơn giản chỉ là gửi những biểu tượng cảm xúc vui, buồn, tức giận, đồng ý... trước thông tin mà họ muốn bày tỏ sự thích thú, “share” khi muốn chia sẻ thông tin, “tag” khi cần gắn thẻ/đánh dấu ai đó, viết comment khi họ muốn đưa ra bình luận/ý kiến về một chủ đề nào đó hay đơn giản chỉ là gửi những biểu tượng thể hiện cảm xúc; vui, buồn, tức giận... trước thông tin mà họ muốn bày tỏ. Những phương thức giao tiếp mới đã và đang được giới trẻ sử dụng để kết nối, tiếp cận và tương tác với nhau trong cộng đồng mạng ít nhiều đã tạo nên những hiệu quả to lớn trong việc thiết

lập và kết nối mạng lưới bạn bè. Khi MXH đã thực sự trở nên quá phổ biến với các bạn trẻ thì các phương thức giao tiếp mới cũng ngày càng được sử dụng rộng rãi tới mức nhiều người gọi đó là văn hóa; Hiện tượng nút “like” vô cảm, tình trạng chia sẻ tràn lan không chọn lọc gây nhiễu loạn thông tin, những bình luận thiếu kiểm soát, mất tự chủ có thể gây ra những hậu quả đáng tiếc, dẫn đến nhiều tác hại, trong đó dễ nhận thấy nhất là việc làm ảnh hưởng đến nhân phẩm, danh dự của người khác; giảm sự tương tác/ giao tiếp trực tiếp ngoài đời thực có thể dẫn đến sự hạn chế trong việc hình thành và phát triển kỹ năng mềm của thanh, thiếu niên...

3. Thay đổi trong cách thức thu nhận và chia sẻ thông tin

Tìm kiếm các thông tin qua MXH đang ngày càng tỏ ra chiếm ưu thế so với các phương tiện truyền thông truyền thống: phát thanh, truyền hình, báo in... nhờ sự tiện lợi, nhanh chóng và có hiệu quả có tính tương tác cao

3.1. Thay đổi trong cách thức thu nhận thông tin

Với chức năng nguyên thủy là kết nối bạn bè, người thân, chia sẻ những câu chuyện riêng tư và những mốc thời gian đáng nhớ, ngày nay MXH đã vượt rất xa những tính năng mang tính xã hội rộng lớn khi nó trở thành kênh chia sẻ thông tin lớn nhất, làm thay đổi cách tiếp cận thông tin của mọi người, đặc biệt là giới trẻ khi họ bắt đầu quen với việc đọc các bài viết được bạn bè chia sẻ trên dòng trạng thái sử dụng MXH.

- Các tính năng đã được mặc định của MXH mang đến sự tiện lợi cho hoạt động thu nhận và trao đổi thông tin của giới trẻ

- Nhờ tính năng kết nối trên không gian mạng, thông tin được cập nhật nhanh chóng, đa dạng thông qua các trang MXH. Có thể nói MXH là kênh thông tin đa chiều giúp giới trẻ cập nhật một cách khá đầy đủ, kịp thời các tin tức, sự kiện trong nước và thế giới phục vụ cho việc học tập, công việc, cung cấp cho họ những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cuộc sống hằng ngày.

- MXH đáp ứng hoàn hảo nhu cầu giải trí của giới trẻ

- MXH có tính tương tác cao



Tận dụng ưu thế mạng xã hội trong công tác tuyên truyền, giáo dục.

Ảnh minh họa

- MXH là môi trường khuyến khích sự tự do
- Thay đổi trong cách thức chia sẻ thông tin

3.2. Thay đổi trong cách thức chia sẻ thông tin

Với sự xuất hiện của mạng Internet và đặc biệt là các trang MXH, mỗi thành viên sử dụng MXH đều có thể trở thành “nhà báo công dân”. Khái niệm “Nhà báo công dân” được hiểu là những người không được đào tạo chuyên nghiệp về báo chí và không gắn bó thực sự với bất cứ một cơ quan truyền thông nào. Họ đơn giản chỉ là những người phát hiện ra những thông tin đáng giá và đưa tin về nó.

Nhìn chung, MXH đã làm thay đổi cách thức chia sẻ thông tin của giới trẻ. Thay vì họ chỉ có thể chia sẻ thông tin trong phạm vi nhỏ hẹp như trước đây thì nay MXH, giới trẻ chủ động hơn, tự tin hơn trong việc chia sẻ những thông tin mà họ được biết hay chứng kiến. Bên cạnh đó, giới trẻ dường như cũng tỏ ra hăng hái hơn, thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ hơn đến các vấn đề của đất nước, xã hội. Nhìn theo hướng tích cực, những “nhà báo công dân” này ít nhiều đã mang đến sự đa chiều cho báo chí và dư luận. Có không ít trường

hợp các vụ việc, chính từ sức ép của cộng đồng mạng sau khi chia sẻ, lan truyền tin tức trên mạng xã hội đã tạo nên những luồng dư luận xã hội với sức mạnh vô cùng mạnh mẽ. Tuy nhiên, sự thay đổi trong cách thức chia sẻ thông tin của giới trẻ cũng kéo theo không ít phiền toái, tiêu cực khi độ tin cậy, tính xác thực của nguồn tin được chia sẻ và lan truyền từ các “nhà báo công dân”. Trên MXH đang ngày càng rất khó để kiểm soát. Theo đó, nhiều thông tin trái ngược nhau được các thành viên MXH chia sẻ, đánh giá, phán xét các sự việc gây tâm lý hoang mang, mơ hồ cho người đọc. Đáng lo ngại hiện tượng aduwa, tâm lý đám đông gần đây xuất hiện thường xuyên trên MXH của bộ phận thanh, thiếu niên.

4. Thay đổi trong cách thức thể hiện bản thân

Thanh, thiếu niên ngày càng có nhu cầu, mong muốn thể hiện bản thân trong không gian mạng để khẳng định bản sắc cá nhân, gây sự chú ý hay đơn giản chỉ là sự giải trí.

Thực tế MXH là một công cụ mới xuất hiện trong khoảng 10 năm nay song đã và đang thu hút một số lượng lớn người dùng, trở thành một trào lưu trên khắp thế giới và hiện vẫn chưa có dấu hiệu “hạ nhiệt”. Đây là những trang web tồn tại trên Internet và khi các bạn trẻ đăng ký là thành viên, họ sẽ có một khu vực riêng mà ở đó, họ có thể tự do đăng tải tất cả những suy nghĩ, thông điệp, hình ảnh, video hoặc các đoạn ghi âm nhắn... Cũng thông qua các trang web đó, giới trẻ có thể kết nối với những người khác cùng là thành viên. MXH đang trở thành môi trường lý tưởng để giới trẻ tự giới thiệu mình, chia sẻ và tiếp nhận suy nghĩ, cảm xúc... của bản thân với những người khác và ngược lại theo cách tự do, thoải mái nhất trong các môi trường như trường học, cơ quan và trong cả cuộc sống thường ngày.

5. Thay đổi trong ngôn ngữ giao tiếp

Dưới sự tác động của các phương tiện truyền tin mới, đã xuất hiện những hiện tượng mới mẻ trong ngôn ngữ giao tiếp của lứa tuổi thanh, thiếu niên, trong đó đáng chú ý nhất là những chuyển biến ngôn ngữ giao tiếp trên mạng xã hội. Xuất hiện tiếng việt không dấu, hoặc không theo quy tắc, biến tấu ngôn ngữ của giới trẻ gọi là (teen code) tạm dịch

là ngôn ngữ xì tin. Việc giới trẻ sử dụng ngôn ngữ trên MXH khi viết các dòng trạng thái (status), tán ngẫu (chat), bình luận (comment) theo những cách riêng của họ đang được xem như một sự thể hiện cá tính hay sự khác biệt với những người khác trong cộng đồng mạng.

6. Thay đổi về thói quen sinh hoạt hằng ngày, công việc và học tập

6.1. Thay đổi trong thói quen sinh hoạt của thanh, thiếu niên

Thường xuyên sử dụng MXH dẫn đến những thay đổi về nề nếp, phong cách ăn, mặc, ở, đi lại, làm việc, học hành... của thanh, thiếu niên.

Có thể nói MXH đã trở thành một hiện tượng xã hội, một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân loại nói chung và của thanh, thiếu niên nói riêng. MXH bắt đầu len lỏi trong mọi ngõ ngách cuộc sống của mỗi cá nhân để tác động đến các thói quen sinh hoạt hằng ngày, hoạt động học tập cũng như là cách làm việc của họ với nhiều lợi ích song cũng không ít tác hại.

6.2. Thay đổi trong học tập và công việc

Chúng ta chắc chắn phải thừa nhận rằng những hình thức học mới trên MXH đã làm thay đổi căn bản phong cách học truyền thống của thanh, thiếu niên Việt Nam, đặc biệt trong thời điểm xã hội phải giãn cách do ảnh hưởng của dịch bệnh. Học tập trên mạng cũng là một trong những lý do khiến giới trẻ yêu thích mạng xã hội. Với hình thức học tập mới



Đi kèm với những lợi ích là những tác hại đến sức khỏe nói chung và sức khỏe tâm thần nói riêng khi sử dụng mạng xã hội không đúng cách.

Ảnh minh họa

này, ngoài việc đến trường, các bạn học sinh, sinh viên sẽ có thêm nhiều kênh để lựa chọn, tham khảo phục vụ cho việc học tập nâng cao trình độ, bổ sung kiến thức, kỹ năng sống. Tuy nhiên, việc lạm dụng quá nhiều mạng xã hội dẫn đến tác động tiêu cực đối với việc học tập của thanh thiếu niên. Khi sử dụng mạng xã hội quá nhiều khiến bạn trở nên mệt mỏi, xao nhãng học tập, quỹ thời gian học tập giảm sút, thờ ơ với các hoạt động ngoại khóa hữu ích.

7. Thay đổi về lối sống gia đình

Sự thay đổi về thói quen sinh hoạt của từng cá nhân sẽ dẫn đến những thay đổi trong nếp sống, nếp sinh hoạt của cả gia đình; thời gian gặp gỡ, cách thức tương tác, ngôn ngữ giao tiếp, khác biệt về quan điểm sống... giữa các thành viên trong gia đình.

Trong lối sống gia đình, MXH cũng ít nhiều tác động vào các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, có quan điểm cho rằng MXH có khả năng giúp cho các thành viên trong gia đình gắn kết với nhau cho dù họ ở bất cứ nơi đâu. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, sử dụng mạng xã hội quá nhiều làm cho các mối quan hệ truyền thống lỏng lẻo đặc biệt giữa ông bà, cha mẹ, con cháu trong một gia đình. Việc giao tiếp gián tiếp qua MXH không phù hợp với ứng xử văn hóa truyền thống trong gia đình Việt.

8. Thay đổi về cách thức sử dụng và tương tác với các phương tiện truyền thông đại chúng

MXH với sự tương tác thông tin khá tự do của các cá nhân đã tạo nên một không gian công cộng có thể tự do bàn luận, trao đổi, thể hiện quan điểm và ý kiến trước các vấn đề của xã hội bằng nhiều hình thức: chia sẻ link (báo điện tử), chụp ảnh (báo in), chia sẻ file âm thanh (phát thanh), video (truyền hình) vốn là những sản phẩm của báo chí truyền thống lên trang cá nhân. Đây chính là lợi thế của MXH so với các loại hình báo chí truyền thống.

8.1. MXH giống như một “kho” thông tin cho báo chí, ở đó thể hiện sự tương tác giữa MXH và báo chí

Kể từ khi MXH xuất hiện đã diễn ra sự tương tác mạnh mẽ, mang tính tất yếu giữa MXH và báo chí truyền thống trong xu thế phát triển

của cách mạng công nghiệp 4.0 trên toàn cầu. Thông tin về mọi mặt của đời sống xã hội liên tục được cập nhật trên các trang MXH và vô hình chung nó trở thành “kho thông tin” cho người dùng, đặc biệt là giới truyền thông, báo chí theo dõi, cập nhật, thu thập và khai thác để phục vụ các chủ đề khi cần. MXH cũng góp phần lan tỏa thông tin từ báo chí bằng tính năng tương tác và liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng mạng. MXH còn có khả năng tạo ra các cuộc thảo luận, bình luận, cung cấp thông tin hoặc phản hồi xác thực hoặc không xác thực các thông tin báo chí nêu để các cơ quan quản lý báo chí, cơ quan báo chí, nhà báo, tòa soạn nắm và điều chỉnh. Các khái niệm về “Bài báo mở” hay “nhà báo công dân” bắt nguồn từ sự tương tác này.

8.2. MXH cũng là nơi tương tác giữa báo chí và công chúng

Trên thực tế, nhiều vấn đề, sự kiện được đưa lên các MXH và nó trở thành dư luận xã hội được người dân, báo chí quan tâm và tìm hiểu, khai thác. Ngược lại, các thành viên sau khi tham gia bàn luận về các vấn đề nào đó trên MXH thường có xu hướng muốn tìm kiếm thêm thông tin từ kênh báo chí chính thống, do vậy tờ báo nào nhanh nhạy đáp ứng được thị hiếu sẽ lan tỏa và thu hút độc giả nhiều hơn.

Báo chí truyền thống, đặc biệt là truyền hình, phát thanh, báo in do hạn chế trong khả năng tương tác. Họ chỉ có thể lựa chọn cách thức liên lạc theo đường dây nóng, gửi thư hoặc trực tiếp đến cơ quan báo, chí. Vì thế, họ đã sử dụng mạng xã hội để lan tỏa, chia sẻ các thông tin từ các loại hình báo chí trên với mong muốn tiếp nhận các thông tin phản hồi cũng như lan tỏa, định hướng thông tin đến người đọc. Thực trạng này đã dẫn đến tình trạng các cơ quan báo chí hiện nay đều xây dựng các fanpages trên mạng xã hội.

Như vậy, có thể nói, sự ra đời và phát triển của MXH đã làm thay đổi cách thức tương tác giữa các phương tiện truyền thông đại chúng với công chúng. Bên cạnh sự tương tác tích cực giữa MXH và báo chí thì tình trạng lạm dụng MXH để các nhà báo, phóng viên, tòa soạn thoát khỏi sự sàng lọc, quản lý Nhà nước của báo chí cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều thông tin báo chí đăng tải đi lệch hướng hoặc không đảm bảo tính khách quan thậm chí sai sự thật ảnh hưởng đến các đối tượng bị tác động.

8.3. MXH tác động đến mức độ và cách thức sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng để tiếp nhận và chia sẻ thông tin của giới trẻ.

Kể từ khi xuất hiện MXH và bắt đầu được người tham gia mạng xã hội coi là một kênh thông tin giống như phương tiện truyền thông (đặc biệt là giới trẻ) thì sự tham gia tiếp nhận thông tin của giới trẻ đối với các phương tiện truyền thông truyền thống như phát thanh, truyền hình, báo in có xu hướng giảm, đặc biệt là thói quen theo dõi truyền hình, nghe phát thanh, đọc báo in trong thanh thiếu niên giảm.

Thực tế trong vài năm trở lại đây, số lượng phát hành của các tờ báo in ở Việt Nam có dấu hiệu giảm đáng kể khi xu hướng đọc báo của công chúng hiện nay là tìm thông tin trên internet, kéo theo đó, cách thức khai thác thông tin của báo chí cũng chuyển đổi theo và MXH chính là một trong những thách thức đối với báo chí hiện đại. Tuy nhiên, những thông tin trên MXH do không có sự kiểm duyệt, định hướng, kiểm chứng, không đảm bảo tính chính xác đã khiến giới trẻ hoang mang, nhầm lẫn, vi phạm pháp luật. Và lúc này vai trò của Báo chí sẽ giúp giới trẻ tìm câu trả lời, nhận định chính xác về các vấn đề, sự kiện, thông tin họ quan tâm.

Mặc dù tỷ lệ tin tưởng về các thông tin đăng tải trên MXH không cao nhưng bù lại bởi tính tương tác, thuận tiện nên MXH vẫn là một kênh thông tin được rất nhiều người quan tâm, tiếp cận.

III- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN

1. Tác động tích cực

Trên các phương diện tích cực, MXH đã có những tác động theo chiều hướng tốt đến lối sống của giới trẻ hiện đại với nhiều lợi ích mà MXH mang đến cho con người, qua đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, làm phong phú đời sống tinh thần của giới trẻ phù hợp với tính chất của xã hội hiện đại.

- Mở rộng và gia tăng đa chiều thể hiện bản sắc
- Mở rộng và gia tăng tương tác, đa chiều kết nối

+ Kết nối bạn bè và người thân

+ Mạng xã hội là một phương pháp học

+ Cơ hội việc làm cho giới trẻ, mạng xã hội ra đời kéo theo sự xuất hiện của nhiều ngành nghề mới.

- Dân chủ hóa đời sống xã hội

- Một số giá trị mới được thiết lập (đặc biệt thể hiện vai trò cá nhân), giới trẻ có cơ hội thể hiện mình, tranh luận bảo vệ quan điểm, lý tưởng, chính kiến của mình trước người lớn tuổi. Thậm chí trước lãnh đạo.

2. Tác động tiêu cực

Từ góc độ tiêu cực, MXH cũng chứa đựng nhiều nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng xấu tới công việc, mối quan hệ cá nhân và cuộc sống của người sử dụng là thanh, thiếu niên dẫn tới những hệ lụy không mong muốn.

2.1. Hiện tượng “nghiện mạng xã hội”

Đây là hiện tượng đang có chiều hướng gia tăng, nhất là khi quỹ thời gian nhàn rỗi của giới trẻ khá lớn và gây một số hậu quả như:

- Một là, giảm khả năng tương tác giữa người với người - mặt trái của thế giới số và ảo là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng khoảng cách số trong xã hội khoảng cách giữa các cá nhân, làm lỏng lẻo các mối quan hệ giữa cá nhân với gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội; các phương thức giao tiếp mới của giới trẻ trên MXH cũng đang đặt ra nhiều vấn đề quan tâm. MXH xen quá nhiều vào việc riêng (ăn uống, học tập, chơi game, tán gẫu, thư giãn...).

- Hai là, lãng phí thời gian, tiền bạc, sức khỏe và xao nhãng mục đích sống, mục tiêu thực của cá nhân, đặc biệt là nhiều khi bạn trẻ bị sa đà vào việc tán gẫu, xem phim, đọc truyện, trực tuyến... thâu đêm suốt sáng ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, làm sa sút học hành. Sự hấp dẫn của các cuộc trò chuyện trực tuyến và thế giới ảo game online.

- Ba là, nguy cơ mắc bệnh trầm cảm và các chứng rối loạn tinh thần, tâm lý ngày càng cao trong giới trẻ. Nghiện MXH là một thuật

ngữ chỉ sự lệ thuộc của một cá nhân vào MXH và bị ảnh hưởng, suy giảm chất lượng một số chức năng trong đời sống thực.

- Bốn là, nghiện MXH còn gây lên hiện tượng lệch lạc hành vi, hàng loạt biểu hiện tiêu cực, tệ nạn mới trỗi dậy khó kiểm soát ảnh hưởng xấu đến nhận thức, tư tưởng cũng như hành vi của giới trẻ; sự nhiễu loạn thông tin, tiếp cận với những nội dung không lành mạnh (bạo lực, các vấn đề liên quan đến tình dục, văn hóa phẩm đồi trụy, lừa đảo, bạo lực) làm ảnh hưởng đến con người ngoài đời thực.

2.2. Những thay đổi trong tâm lý cá nhân, sự hình thành những phong cách và cá tính của giới trẻ tham gia mạng xã hội dẫn tới những thay đổi không mong muốn về luân lý và đạo đức truyền thống, hình thành một số tư tưởng, quan điểm mới về lối sống có dấu hiệu lệch chuẩn, đi ngược lại thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán của dân tộc.

Về mặt tâm lý, thói quen sống ảo đã khiến các bạn trẻ dễ rơi vào cơ chế phụ thuộc, nghiện internet, không kiểm soát được hành vi trong đời sống thực.

Mặt khác, nếu MXH là diễn đàn của giới trẻ, kết nối, tuyên truyền lý tưởng sống cao đẹp thì ngược lại cũng có thể là phương tiện truyền bá những quan điểm, tư tưởng lệch lạc. Những tư tưởng phản động có thể được truyền bá có chủ đích bởi những đối tượng phản động nhưng cũng có thể được lan truyền một cách vô tình bởi người sử dụng còn thiếu nhạy bén chính trị, kinh nghiệm sống.

Mạng xã hội còn có thể lan truyền tư tưởng tiêu cực từ người này sang người khác theo cơ chế hội chúng a dua, đám đông (tham gia các tổ chức khủng bố, tôn giáo, tín ngưỡng...).

2.3. Ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ trong đời sống ảo, thế giới ảo, mạng xã hội đang đặt ra vấn đề giữ gìn và phát huy sự trong sáng và chuẩn hóa của tiếng Việt.

Có thể thấy, chưa bao giờ ngôn ngữ phi hình thức lại có điều kiện phát triển như hiện nay, nhất là trong môi trường mạng. Hiện tượng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như sử dụng “ngôn ngữ teen” xuất phát từ nhu cầu thể hiện “cái tôi”, sự thể hiện bắt nhịp với những

người xung quanh thanh, thiếu niên mà không có sự định hướng ngay từ đầu; Bên cạnh đó việc thanh thiếu niên dùng MXH để “sáng tạo” ra ngôn ngữ riêng để tiết kiệm thời gian và các thao tác từ màn hình, bàn phím. Cố tình viết sai chính tả, viết chệch âm... để tạo sự vui vẻ, hài hước trong các cuộc trò chuyện; viết tắt để nói tục, chửi bậy mà không bị người lớn can thiệp hoặc phát hiện. Từ chỗ chỉ là những sáng tạo cá nhân, ngôn ngữ mạng ngày càng được giới trẻ lạm dụng ngoài đời thực và tạo thành những quy ước ngầm của giới trẻ dần dần đã trở thành ngôn ngữ của cộng đồng mạng.

Từ ngôn ngữ của thế giới “ảo” - thứ ngôn ngữ phi quy tắc, mang tính khẩu ngữ chỉ nên dùng trong những không gian vui chơi, giải trí, riêng tư, thân mật trong một nhóm người nào đó thì giờ đây do việc tiếp xúc quá nhiều và thường xuyên với phong cách ngôn ngữ này mà giới trẻ đã không phân định được ranh giới giữa thế giới mạng và thế giới đời thường. Hệ quả là theo một cách tự nhiên, giới trẻ đã sử dụng ngôn ngữ mạng trong mọi trường hợp. Việc sử dụng ngôn ngữ phi chính thức được ví giống như “con dao hai lưỡi” ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến phát triển tâm sinh lý, ngôn ngữ, văn hóa thậm chí tương lai của giới trẻ.

2.4. Quyền riêng tư bị xâm phạm, hệ lụy này là khó tránh khỏi khi các trang mạng xã hội bán thông tin cá nhân, người sử dụng bị hacker, virus, mã độc và chính từ sự chủ quan, bất cẩn của người dùng trong quá trình tham gia mạng xã hội đã đăng tải nhiều thông tin, hình ảnh cá nhân riêng tư

Hệ lụy này là khó tránh khỏi khi các “kho thông tin cá nhân” do vô tình hay cố ý, sự chủ quan hay bất cẩn của người dùng, người tham gia mạng xã hội bị lộ lọt bị hacker, virus khai thác và đem rao bán. Đây là một trong những nguy cơ, nguyên nhân các cá nhân bị xâm phạm quyền riêng tư. Khi gặp các vấn đề của bản thân và bạn bè, họ có thể dễ dàng đưa lên mạng mà vô tình không biết có thể những thông tin đó hoàn toàn có thể gây bất lợi cho mình và người thân. Không chỉ nạn nhân, nhiều bạn trẻ đôi khi chính là thủ phạm khi trực tiếp phát tán thông tin, hình ảnh của người khác lên mạng xã hội. Do không hiểu biết việc phát tán những thông tin, hình ảnh riêng tư ấy là

vi phạm pháp luật, nhiều bạn trẻ đã không lường trước được hậu quả việc làm có thể sẽ là tội ác, vi phạm đạo đức, ảnh hưởng đến tâm sinh lý thậm chí tương lai của người khác.

Việc sử dụng MXH thiếu kiến thức và sự kiểm soát, thanh, thiếu niên đã và đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và nguy hiểm ngay trên không gian mạng không kém gì những hiểm họa ngoài đời thực.

IV- XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẠNG XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN HIỆN NAY

Xu hướng phát triển và giải pháp phát huy vai trò của mạng xã hội trong xây dựng lối sống của thanh, thiếu niên hiện nay

1. Dự báo xu hướng phát triển và tác động của mạng xã hội đến lối sống của thanh, thiếu niên trong thời gian tới

Sự phát triển và tiến bộ của khoa học kỹ thuật số mà đặc biệt là của ngành CNTT đã, đang và sẽ làm cho thế giới của chúng ta thay đổi từng ngày. MXH được cho là mới chỉ đang ở bước đầu của quá trình phát triển và xu hướng mở rộng, chia sẻ có lẽ là không tránh khỏi



Thế hệ trẻ cần được trang bị sức đề kháng đủ mạnh trên môi trường Internet. Ảnh minh họa

khi bản chất của MXH là hướng đến sự kết nối và chia sẻ và sự thành công của MXH chính là sự đơn giản và dễ dàng trong quá trình tham gia sử dụng của các MXH.

Bên cạnh tính năng kết nối, chia sẻ giúp thỏa mãn nhu cầu thể hiện cái “tôi” của giới trẻ, còn một lý do quan trọng khác khiến MXH tiếp tục phát triển trong tương lai đó là các tính năng giải trí.

Bản chất của công nghệ luôn thay đổi, thậm chí thay đổi hết sức nhanh chóng. Và như vậy, trong tương lai MXH mặc dù vẫn sẽ là nó song với khả năng từ tương tác sâu sắc hơn, cải tiến hơn trong giao thức “trò chuyện” với người sử dụng nhờ và việc phát triển của trí tuệ nhân tạo.

Để MXH có thể phát huy tốt những tính năng tiện ích, mang lại hiệu quả đối với xã hội, còn một nhân tố nữa đóng vai trò rất quan trọng là cơ chế, chính sách quản lý, trong đó cần chú ý tạo điều kiện thuận lợi cũng như có sự định hướng, kiểm soát ở mức độ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân sử dụng internet và MXH như một công cụ hỗ trợ hữu ích cho công việc và cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của người dùng.

2. Một số văn bản chính sách của Nhà nước đã ban hành trong lĩnh vực quản lý mạng xã hội và các lĩnh vực có liên quan

- Luật An ninh mạng

- Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; hoặc có thể bị xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự.

3. Đề xuất giải pháp quản lý, phát huy vai trò của mạng xã hội trong việc xây dựng văn hóa, lối sống của thanh, thiếu nhi hiện nay

Một là, để hình thành nên môi trường văn hóa, các cấp ủy đảng và chính quyền cần quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và pháp luật của Nhà nước về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

Trong đó, cần tuyên truyền và thực hiện tốt mục tiêu “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Tuyên truyền về vai trò của gia đình, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt

Nam hoàn thiện nhân cách” theo tinh thần Nghị quyết số 33 về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Hai là, để thanh niên hình thành lối ứng xử văn minh, lịch sự, cần nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục về đạo đức cho thanh niên.

Trong đó, thống nhất phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc hình thành nhân cách, trang bị những kỹ năng và lối sống đẹp thanh thiếu niên. Gia đình uốn nắn hành vi của con trẻ từ khi còn nhỏ, thường xuyên quan tâm, điều chỉnh cách ứng xử của con cái độ tuổi hình thành nhân cách. Nhà trường cần có hệ thống giáo dục bài bản, linh hoạt, vừa đáp ứng nhu cầu mở rộng văn hóa, vừa đảm bảo chuẩn mực đạo đức. Với xã hội, cần có những chế tài xử phạt nghiêm minh trước những hành vi sai trái, đồng thời tuyên dương những hành động đẹp nhằm biểu dương và khích lệ các bạn trẻ sống theo đúng đạo đức, truyền thống dân tộc. Trong các cơ sở giáo dục, cần thực hiện nhất quán, đồng bộ việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW khóa XI; trong đó, chú trọng đến việc giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân cho người học.

Ba là, chú trọng tuyên truyền về nền văn hóa truyền thống của dân tộc cho thanh niên.

Truyền thống văn hóa của mỗi gia đình, địa phương là yếu tố đầu tiên, đóng vai trò nền tảng, tạo môi trường tốt để mỗi cá nhân học tập và cố gắng vươn tới những giá trị cao đẹp. Trong bối cảnh phức tạp hiện nay, trước sự tác động mạnh mẽ của Internet, mạng xã hội, sự xâm nhập của lối sống lai căng, thực dụng, các gia đình cần quan tâm hơn đến việc trao truyền những giá trị văn hóa cho con em, dành nhiều thời gian trò chuyện, chia sẻ, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những biến động trong tâm sinh lý con em mình để có những cách giáo dục, uốn nắn phù hợp. Đối với các cơ sở giáo dục, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục những bài học về đạo đức, truyền thống văn hóa, lối sống, kỹ năng ứng xử, hành vi giao tiếp đúng chuẩn mực cho các học trò.

Bốn là, lồng ghép nội dung tuyên truyền văn hóa ứng xử trong chương trình đổi mới giáo dục phổ thông và cao đẳng, đại học.

Trong các bộ môn việc tích hợp và lồng ghép giảng dạy về những chuẩn mực đạo đức thực tế phù hợp ứng xử của thanh niên là vô cùng quan trọng. Tăng cường những giờ học ngoại khóa, những buổi dã ngoại học tập kinh nghiệm và xử lý những tình huống phát sinh từ cuộc sống, hình thành lên những thói quen tốt với cách hành xử văn minh, lịch thiệp. Đồng thời, các cơ sở giáo dục cần đem vấn đề giáo dục văn hóa ứng xử cho thanh niên vào một trong những nội dung giáo dục chính trị - tư tưởng và đạo đức lối sống ở những buổi sinh hoạt (tuần sinh hoạt công dân).

Năm là, các cơ quan, đơn vị, tổ chức Đoàn Thanh niên cần thường xuyên tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho thanh niên về văn hóa ứng xử nơi công cộng.

Nội dung cần chú trọng vào việc tuyên truyền, tập huấn kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống trong các vấn đề gây nhức nhối như: Ý thức bảo vệ môi trường; Văn hóa trang phục trang nghiêm; Văn hóa tham gia giao thông; Văn hóa khi sử dụng dịch vụ ATM; Văn hóa khi đi thang máy; Văn hóa khi giới trẻ thể hiện tình cảm nơi công cộng... Song song với những dẫn chứng, lý thuyết về việc nâng cao ý thức nơi công cộng, cần đưa ra những hoạt động xử lý tình huống thực tế nhằm giúp thanh niên nâng cao ý thức của mình trong văn hóa ứng xử nơi công cộng.

Sáu là, các cơ quan, đơn vị, trường học, Đoàn Thanh niên tăng cường tuyên truyền việc thực hiện Quy tắc ứng xử nơi công cộng.

Chú trọng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như: Tăng cường các bài viết, phóng sự tuyên truyền, treo biển in Quy tắc ứng xử, tổ chức phát thanh, phát tờ rơi, lồng ghép trong hoạt động văn hóa, thi tìm hiểu về Quy tắc ứng xử nơi công cộng; triển lãm ảnh; trình diễn, giao lưu văn hóa văn nghệ... nhằm nâng cao hiệu quả đưa hệ thống quy tắc ứng xử lan tỏa sâu rộng trong đời sống cộng đồng; khơi dậy những nét đẹp văn hóa truyền thống, lan tỏa ứng xử thanh lịch, văn minh, xây dựng ý thức, trách nhiệm của thanh niên đối với cộng đồng. Đồng thời, cần phát động phong trào giới thiệu và viết về

những tấm gương, điển hình tiên tiến trong thực hiện Quy tắc ứng xử nhằm đẩy mạnh sức lan tỏa của những hình mẫu người thanh niên về thực hiện văn hóa ứng xử trong đời sống.

Bảy là, các cơ quan báo chí, truyền thông cần thông tin kịp thời, phản ánh những bất cập, thói hư, tật xấu trong văn hóa, xây dựng những chuẩn mực văn hóa ứng xử tốt đẹp hơn. Bên cạnh việc tuyên truyền điều hay, ứng xử đẹp thì cần mạnh dạn lên án, phê bình những hành vi xấu, ứng xử chưa tốt mới có thể cảnh tỉnh những hành vi phản văn hóa, thuyết phục và thay đổi nhận thức, hành vi của người dân nói chung và thanh niên nói riêng. Đặc biệt, cần tuyên truyền rộng rãi cho thanh niên về những keyword (từ khóa), phát ngôn, hoặc những thông tin sai sự thật trên mạng xã hội để thanh niên có thể phòng tránh.

Tám là, cần tuyên truyền và phổ biến hệ thống quy phạm pháp luật với những điều khoản quy định chặt chẽ về cách ứng xử của mỗi người khi giao tiếp ở nơi công cộng.

Trong đó, tập trung tuyên truyền những quy tắc, quy định về văn hóa ứng xử, việc sử dụng từ xưng hô và có hành vi ứng xử đúng chuẩn mực. Đồng thời, cần tuyên truyền về bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho người sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam, hướng tới xây dựng môi trường mạng lành mạnh, an toàn tại Việt Nam.

Dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề cập đến nội dung về xây dựng văn hóa Việt Nam: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Trong đó, việc xây dựng văn hóa ứng xử nơi công cộng là nhiệm vụ quan trọng, nhất là công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức tự giác của mỗi thanh niên. Để kiến tạo không gian, môi trường văn hóa công cộng lành mạnh với cung cách ứng xử văn minh, lịch sự của thanh niên, cần đẩy mạnh tuyên truyền nền tảng văn hóa với những giá trị, chuẩn mực đạo đức và hệ thống pháp luật nghiêm minh, góp phần xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện - động lực quan trọng nhất để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

PHẦN II

THỰC HÀNH VỀ VĂN HÓA ỨNG XỬ TRÊN MẠNG XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ MẠNG XÃ HỘI CHO HỌC SINH CẤP 2, CẤP 3

(Sử dụng các hình ảnh minh họa, câu đố, video clip, ví dụ để làm sáng tỏ các vấn đề)

* Khởi động bằng 01 trò chơi ô chữ liên quan đến học sinh: đưa ra 05 câu hỏi để tạo không khí sôi nổi trong thanh thiếu niên.

Câu 1: (Viên phấn)

Da trắng muốt

Ruột trắng tinh

Bạn với học sinh

Thích cọ đầu vào bảng

Câu 2: (Mặt trăng)

Cái gì bằng cái vung, vùng xuống ao

đào chẳng thấy, lầy chẳng được

Câu 3: (Tương lai)

Thứ gì luôn ở phía trước bạn mà bạn không bao giờ nhìn thấy

Câu 4: (Xã hội)

Xã đông nhất là xã nào

Câu 5: (Con người)

Sở thú bị cháy con gì chạy ra đầu tiên

Câu 6: (Cái bóng)

Nắng 3 năm tôi chưa hề bỏ bạn

Mưa một ngày sao bạn lại bỏ tôi

I- GIẢI THÍCH

1. Văn hóa

1.1 Khái niệm: Có hàng trăm khái niệm về văn hóa: Theo UNESCO, văn hóa là tổng thể những nét riêng biệt về tinh thần và

vật chất, trí tuệ và cảm xúc quyết định tính cách của 1 xã hội hay 1 nhóm người trong xã hội.

Nhưng tựu chung lại: Văn hóa ứng xử là tổng hòa các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tất cả những gì xung quanh.

1.2. Vai trò: Nền tảng tinh thần xã hội, là động lực, mục tiêu phát triển xã hội

- Phát huy tiềm năng sáng tạo, phát triển hài hòa giữa đời sống vật chất & tinh thần con người.

2. Mạng xã hội

Làm rõ khái niệm về mạng xã hội, nghiện mạng xã hội, đặc điểm của mạng xã hội, ví dụ về mạng xã hội

Mạng xã hội là gì?

Mạng xã hội là một nền tảng trực tuyến, là nơi mà mọi người có thể xây dựng các mối quan hệ ảo với những người có chung tính cách, sở thích, nghề nghiệp,... hoặc với cả những người có mối quan hệ ngoài đời thực.

Mạng xã hội hiện nay có nhiều dạng hình thức và tính năng khác nhau, và có thể truy cập dễ dàng từ nhiều phương tiện, thiết bị như máy tính bảng, laptop, điện thoại di động...

Nghiện mạng xã hội là gì?

Nghiện mạng xã hội là thuật ngữ được sử dụng để chỉ một người nào đó dành quá nhiều thời gian vào việc sử dụng các mạng xã hội, để các mạng xã hội này can thiệp quá sâu vào các khía cạnh khác của cuộc sống hằng ngày.

Nghiện mạng xã hội chưa được công nhận là một căn bệnh chính thức nhưng rất nhiều nghiên cứu và điều tra đã được tiến hành với mục đích tìm hiểu thêm về điều này.

Theo một nghiên cứu của Anh, nghiện mạng xã hội còn nguy hiểm hơn cả nghiện rượu bia và thuốc lá. Chúng làm giảm những giao tiếp

trực tiếp trong cuộc sống hằng ngày của con người, khiến nhiều người trở nên cô đơn và dễ trầm cảm hơn.

Rất khó để xác định xem việc bạn dành quá nhiều thời gian cho mạng xã hội là một thói quen xấu hay là nghiện mạng xã hội, nhất là khi nó chưa được xem là một loại bệnh lý, dù chúng ảnh hưởng rất xấu đến các hoạt động khác, như học tập và làm việc

Đặc điểm của mạng xã hội?

Ngoài nắm rõ khái niệm *mạng xã hội là gì*, xin cung cấp thêm thông tin về đặc điểm mạng xã hội cụ thể như sau:

- Mạng xã hội là nền tảng trên Internet.
- Người dùng trên mạng xã hội phải có tài khoản và hồ sơ riêng.
- Mạng xã hội tạo ra các liên kết thông qua các tài khoản ảo do người dùng tạo ra.
- Mọi nội dung trên mạng xã hội đều do chính người dùng sáng tạo ra.

Để có thể cung cấp được dịch vụ mạng xã hội tại Việt Nam, các doanh nghiệp cung cấp cần tiến hành thủ tục xin giấy phép mạng xã hội để đủ điều kiện hoạt động kinh doanh.

Ví dụ về mạng xã hội

Mạng xã hội sẽ có rất nhiều chủ đề hấp dẫn và được tập chung vào một chủ đề nhất định như tìm kiếm việc làm, tìm kiếm bạn để hẹn hò, chia sẻ các hình ảnh, video...

Một số ví dụ về mạng xã hội đang sử dụng ở Việt Nam hiện nay:

- Facebook là mạng xã hội được rất nhiều người sử dụng, có thể nói là phổ biến nhất hiện nay. Người dùng có thể tạo tài khoản bằng số điện thoại hoặc email.

Sau khi đã có một tài khoản cá nhân riêng, có thể sử dụng để chia sẻ hình ảnh, video, tâm trạng, kết nối bạn bè...

+ Youtube là trang mạng xã hội chia sẻ video, người có tài khoản trên youtube có thể lên bằng điện thoại hoặc máy tính. Hiện nay, có rất nhiều người có thể tạo kênh riêng và kiếm tiền qua youtube.

+ Instagram là một ứng dụng chia sẻ ảnh và video miễn phí trên điện thoại, máy tính. Ứng dụng này có thể đăng tải hình ảnh hoặc video lên dịch vụ và chia sẻ chúng với người theo dõi của mình hoặc với một nhóm bạn bè chọn lọc. Họ có thể xem, bình luận và thích bài viết mà bạn bè chia sẻ trên Instagram.

3. Văn hóa ứng xử

3.1. Khái niệm

Ứng xử - tiêu chuẩn khẳng định kiến thức.

- Là 1 biểu hiện của giao tiếp, cách con người phản ứng lại trước sự tác động của người khác với mình trong 1 tình huống nhất định.

- Được thể hiện cụ thể qua thái độ, hành vi, cử chỉ, cách nói năng của con người với cá nhân, tập thể xung quanh.

- Ứng xử còn biểu hiện bản thân là 1 con người phải phép, được giáo dục, có văn hóa.

- Thể hiện trí tuệ và nhân cách của 1 con người.

- Là chiếc chìa khóa để chúng ta tiếp xúc với xã hội, hòa đồng với những con người hiểu biết, văn minh, lịch sự.

* Câu hỏi trắc nghiệm 1 (68,71 triệu Theo báo cáo về DIGITAL Việt Nam)

Tính đến hết tháng 01/2021, Việt Nam có bao nhiêu người dùng Internet?

II- LỢI ÍCH CỦA MẠNG XÃ HỘI

- Dễ dàng kết nối

- Nắm bắt thông tin nhanh chóng

- Có quyền biểu đạt suy nghĩ, tiếng nói của mình

- Tính lan tỏa nhanh, mang tính “Hiệu ứng đám đông”

- Công cụ hữu hiệu trong việc truyền tải những thông điệp, thông tin đến hàng triệu người trên khắp hành tinh.

- 1 cuốn nhật kí sinh động ghi lại những cảm xúc, ấn tượng, tình cảm, sẽ chia trong cuộc đời thường nhật.

- 1 tiện ích, 1 mạng xã hội năng động liên tục mang đến cho người trẻ những trải nghiệm

- Giúp ta thỏa mãn nhu cầu lớn của con người như: chia sẻ bản thân, xây dựng hình ảnh cá nhân 1 cách dễ dàng

* Câu hỏi trắc nghiệm 2

Lợi ích chính của mạng xã hội là gì?

a/ Tính lan tỏa nhanh

b/ Dễ dàng kết nối mọi người với nhau

c/ Nắm bắt thông tin nhanh chóng

d/ Cả 3 đáp án đều đúng

III- THỰC TRẠNG VÀ TÁC HẠI CỦA MẠNG XÃ HỘI

Hiện nay ta đang phải đối mặt với 01 cuộc khủng hoảng về văn hóa ứng xử trên mạng xã hội.

- Facebook chứa nhiều thông tin không được kiểm chứng, sai sự thật, thậm chí độc hại.

=> Gây ảnh hưởng xấu đến chính trị, kinh tế, đạo đức, hay cả 1 quốc gia, tập thể, cá nhân.

- Có những kẻ đã lợi dụng Facebook để bôi xấu chế độ, lãnh tụ, bôi nhọ, xúc phạm người khác.

* Câu hỏi trắc nghiệm 3

Thứ vũ khí nguy hiểm nhất bây giờ không phải là lao, không phải là kiếm, không phải là những cây súng, không phải là những quả bom nguyên tử mà chính là....?....

a/ Lời chỉ trích

b/ Bạo lực

c/ Bàn phím

d/ Nút “like”

IV- GIẢI PHÁP VÀ LỜI KHUYÊN

1. Phương hướng thực hiện

Người sử dụng mạng xã hội phải tôn trọng pháp luật

Không đưa thông tin bịa đặt, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội

Không đưa thông tin gây kích động bạo lực, phân biệt dân tộc, giới tính, tôn giáo, vùng miền.

Không sử dụng hình ảnh, thông tin cá nhân hay làm mất uy tín, danh dự của người khác. Người vi phạm có thể chịu sự chế tài của pháp luật

Tuổi trẻ cần nhận thức rõ mặt lợi, hại của Facebook để không là tin đồ ngu muội mà là người sử dụng 1 cách thông minh, hiệu quả

Thận trọng với những nội dung mình đưa lên, tuyệt đối không xúc phạm, làm ảnh hưởng xấu đến người khác

Phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, không nói tục, chửi bậy, viết tắt, viết ký hiệu, xuyên tạc, lạm dụng tiếng nước ngoài,...

2. Lời khuyên

Người đăng tải phải có trách nhiệm với tin tức mình đưa lên

+ Người làm báo càng phải ứng xử có trách nhiệm trên mạng xã hội

Người tiếp nhận phải trang bị cho mình kiến thức, biết chọn thông tin, không a dua theo cộng đồng mạng để bình luận hay phán xét vô căn cứ

Ngoài ra, cần dạy cho các em học sinh kỹ năng bảo vệ bản thân trước những thương tổn, sang chấn tâm lý

Để tâm vào những phát biểu của bạn, không nên tùy ý phát biểu lung tung trên Facebook

Đặc biệt lưu ý khi phát ngôn trên mạng xã hội

Lưu ý khi post ảnh và clip trên mạng xã hội, quy luật “mỗi nào câu cá đờ” trên Facebook

***Cần lưu ý:**

Không nói xấu người khác trên mạng xã hội

Đừng nên comment lên mọi hoạt động của bạn bè

Đừng chỉ trích ai đó chỉ vì suy nghĩ của họ không giống mọi người

Không “tag” bạn bè vào những bức ảnh nhạy cảm

*** Về phía Nhà nước (Tuân thủ Luật An ninh mạng; Nghị định 15)**

Tăng cường quản lý thông tin trên Internet nói chung và mạng xã hội nói riêng

Tạo dựng nhân cách tốt cho các chủ thể khi tham gia văn hóa mạng

Xây dựng chế tài xử phạt người ứng xử vô văn hóa trên mạng, tiến tới xây dựng bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên mạng Internet

Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng

Tăng cường các biện pháp kỹ thuật

*** Lời kêu gọi**

Hãy là người có văn hóa khi ứng xử trên mạng xã hội. Hiện nay rất nhiều nhà tuyển dụng lên mạng xã hội để tìm hiểu về ứng viên trước khi quyết định nhận hay không.

Hãy biến mạng xã hội thành công cụ hỗ trợ con người trong việc tìm kiếm, chia sẻ thông tin. Tránh biến mạng xã hội thành những trò đùa, phương tiện bôi nhọ hình ảnh, xúc phạm người khác...

Đoạn clip gây bão mạng xã hội Thái Lan: Đừng vội phán xét người khác khi nghe chuyện từ một phía!

*** Câu hỏi khách quan 4: Cần tích cực tham gia những trào lưu tiêu cực như “Đủ like thì đốt trường”, “Đủ like thì cời”, “trào lưu Việt Nam nói là làm”...**

a/ Đúng

b/ Sai

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (dự luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng), Nhà xuất bản Sự Thật, năm 2021.
2. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, *Các bài học lý luận chính trị dành cho thanh niên*, Nhà xuất bản Thanh niên, năm 2020.
3. Quốc Hội Nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật An Ninh mạng* số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018.
4. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập I* (1928 - 1945), xuất bản năm 1985.
5. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập II* (1945 - 1955), xuất bản năm 1993.
6. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập III* (1955 - 1975), xuất bản năm 2003.
7. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, tập IV* (1975 - 2005), xuất bản năm 2010.
8. Đại hội Đảng bộ Tỉnh Quảng Ninh qua các thời kỳ, từ Đại hội đến Đại hội.
9. TS, Nguyễn Thị Lan Hương, *Mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên Việt Nam hiện nay* (sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2019.
10. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh, *Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Quảng Ninh (1925 - 2000)*, Nhà xuất bản Thanh niên, năm 2001.
11. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh, *Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Quảng Ninh trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước (2001 - 2010)*, Nhà xuất bản Thanh niên, năm 2010.

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ ĐẦU 3

BÀI 1

**CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH -
NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO
HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
VIỆT NAM** 5

**I- CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN LÀ HỌC THUYẾT KHOA
HỌC VÀ CÁCH MẠNG TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY** 5

1. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin 5

2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin 6

3. Những nội dung chủ yếu thể hiện bản chất khoa học và
cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin 6

3.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học 6

*3.2. Chủ nghĩa Mác- Lênin là sự thống nhất hữu cơ giữa thế
giới quan khoa học và phương pháp luận mácxít* 7

*3.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết giải phóng xã hội,
giải phóng giai cấp, giải phóng con người với việc xác định
rõ con đường, lực lượng, phương thức để đạt mục tiêu đó* 7

*3.4. Chủ nghĩa Mác- Lênin là một học thuyết mở, không ngừng
được đổi mới, được phát triển trong dòng trí tuệ của nhân loại* 8

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh - hệ thống các quan điểm toàn diện
và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam 8

4.1. Khái niệm và nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 8

4.2. Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh 10

*4.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải
phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người* 10

*4.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với
chủ nghĩa xã hội* 11

*4.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với
sức mạnh thời đại* 12

4.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh của Nhân dân, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc	12
4.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân	13
4.2.6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	14
4.2.7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân	15
4.2.8. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng	
4.2.9. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau	
4.2.10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh	17
5. Giá trị, ý nghĩa thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	18

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	19
1. Chủ nghĩa xã hội là gì?	19
2. Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa?	21
3. Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?	22
4. Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?	27

BÀI 2

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NGƯỜI TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH, TỪ ĐẠI HỘI ĐẾN ĐẠI HỘI	35
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

PHẦN I

I- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI, CHẤM DỨT SỰ KHỦNG HOẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, MỞ RA SỰ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM	35
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

1. Sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam	35
2. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	37
II- QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY	41
1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc	41
<i>1.1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945</i>	41
<i>1.2. Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)</i>	42
<i>1.3. Đảng lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)</i>	44
<i>1.4. Đảng lãnh đạo Nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975)</i>	45
2. Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay	46
<i>2.1. Chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975 - 1986)</i>	16
<i>2.2. Đường lối đổi mới và quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay</i>	47
PHẦN II	
KHÁI QUÁT LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH, TỪ ĐẠI HỘI LẦN THỨ I ĐẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XV	52
I- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐẢNG BỘ VÀ CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH	52
1. Quá trình hình thành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh	52
2. Các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh từ khi thành lập đến nay	54

BÀI 3**HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY** 63**I- KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY** 63

1. Khái quát về hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay 63
2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các thành tố trong hệ thống chính trị Việt Nam 64
3. Mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị 68
4. Đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam 70

II- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - THÀNH TỐ HẠT NHÂN VÀ LÃNH ĐẠO CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM 72

1. Vai trò hạt nhân và yêu cầu khách quan Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị Việt Nam 72
2. Nội dung lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị 74
3. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị 77

BÀI 4**ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH** 79**I- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH** 79

1. Quá trình hình thành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 79
 - 1.1. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập tổ chức* 79
 - 1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thành lập tổ chức Đoàn* 82
2. Quá trình phát triển của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 84
3. Những truyền thống vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 90

II- KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH 91

1. Khái niệm 91

2. Vị trí, vai trò	91
2.1. <i>Mối quan hệ của Đoàn đối với Đảng</i>	92
2.2. <i>Mối quan hệ của Đoàn với Nhà nước</i>	92
2.3. <i>Mối quan hệ của Đoàn với các tổ chức là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</i>	93
2.4. <i>Mối quan hệ của Đoàn với thanh niên và các tổ chức thanh niên Việt Nam</i>	94
2.5. <i>Mối quan hệ của Đoàn với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh</i>	94
3. Tính chất cơ bản	94
3.1. <i>Tính chính trị</i>	94
3.2. <i>Tính tiên tiến</i>	95
3.3. <i>Tính quần chúng</i>	95
4. Chức năng cơ bản	96
4.1. <i>Là đội dự bị tin cậy, đội quân xung kích cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	96
4.2. <i>Trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên</i>	97
4.3. <i>Đại diện chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tuổi trẻ</i>	98
4.4. <i>Phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh</i>	98
5. Hệ thống tổ chức và nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	99
5.1. <i>Hệ thống tổ chức</i>	99
5.2. <i>Nguyên tắc tổ chức và hoạt động</i>	99
III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	100
1. Xây dựng Đoàn về chính trị, tư tưởng	100

2. Xây dựng Đoàn về tổ chức	101
3. Xây dựng Đoàn về hành động	102
3.1. Phong trào “Thanh niên tình nguyện”	102
3.2. Phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”	102
3.3. Phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”	102
3.4. Đồng hành với thanh niên trong học tập	103
3.5. Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp	103
3.6. Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần	103
IV- THANH NIÊN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI	104
1. Bối cảnh tác động, thời cơ, thách thức đối với thanh niên Việt Nam	104
1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến thanh niên Việt Nam	104
1.2. Thời cơ đối với thanh niên Việt Nam	105
1.3. Thách thức đối với thanh niên Việt Nam	106
2. Dự báo tình hình thanh niên Việt Nam thời gian tới	106
3. Thanh niên phấn đấu trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới	107
3.1. Những phẩm chất cần có của thanh niên trong thời kỳ mới	107
3.2. Những nhiệm vụ của thanh niên trong thời kỳ mới	108
V- ĐOÀN THANH NIÊN QUẢNG NINH QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI	112
1. Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh (nay là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) tỉnh Quảng Ninh lần thứ I (1970 - 1977)	112
2. Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ II (1977 - 1979)	113
3. Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ III (1979 - 1983)	114

4. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ IV (1983 - 1987)	115
5. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ V (1987 - 1992)	115
6. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VI (1992 - 1997)	116
7. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VII (1997 - 2002)	117
8. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ VIII (2002 - 2007)	118
9. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX (2007 - 2012)	119
10. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ IX (2012 - 2017)	121
11. Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ninh lần thứ X (2017 - 2022)	122

BÀI 5

NHẬN DIỆN, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN HIỆN NAY

125

PHẦN 1

MẠNG XÃ HỘI VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN HIỆN NAY

125

I- VÀI NÉT VỀ MẠNG XÃ HỘI

125

1. Số lượng người sử dụng Internet, mạng xã hội, điện thoại di động	126
2. Hành vi của người dùng Việt Nam	126

II- NHẬN DIỆN TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN

128

1. Thay đổi về thời gian và không gian	128
2. Thay đổi phương thức giao tiếp	130

	Trang
3. Thay đổi trong cách thức thu nhận và chia sẻ thông tin	131
3.1. <i>Thay đổi trong cách thức thu nhận thông tin</i>	131
3.2. <i>Thay đổi trong cách thức chia sẻ thông tin</i>	132
4. Thay đổi trong cách thức thể hiện bản thân	133
5. Thay đổi trong ngôn ngữ giao tiếp	133
6. Thay đổi về thói quen sinh hoạt hằng ngày, công việc và học tập	134
6.1. <i>Thay đổi trong thói quen sinh hoạt của thanh, thiếu niên</i>	134
6.2. <i>Thay đổi trong học tập và công việc</i>	134
7. Thay đổi về lối sống gia đình	135
8. Thay đổi về cách thức sử dụng và tương tác với các phương tiện truyền thông đại chúng	135
8.1. <i>MXH giống như một “kho” thông tin cho báo chí, ở đó thể hiện sự tương tác giữa MXH và báo chí</i>	135
8.2. <i>MXH cũng là nơi tương tác giữa báo chí và công chúng</i>	136
8.3. <i>MXH tác động đến mức độ và cách thức sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng để tiếp nhận và chia sẻ thông tin của giới trẻ</i>	137
III- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN	137
1. Tác động tích cực	137
2. Tác động tiêu cực	138
2.1. <i>Hiện tượng “nghiện mạng xã hội”</i>	138
2.2. <i>Những thay đổi trong tâm lý cá nhân, sự hình thành những phong cách và cá tính của giới trẻ tham gia mạng xã hội dẫn tới những thay đổi không mong muốn về luân lý và đạo đức truyền thống, hình thành một số tư tưởng, quan điểm mới về lối sống có dấu hiệu lệch chuẩn, đi ngược lại thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán của dân tộc.</i>	139
2.3. <i>Ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ trong đời sống ảo, thế giới ảo, mạng xã hội đang đặt ra vấn đề giữ gìn và phát huy sự trong sáng và chuẩn hóa của tiếng Việt</i>	139
	161

2.4. *Quyền riêng tư bị xâm phạm, hệ lụy này là khó tránh khỏi khi các trang mạng xã hội bán thông tin cá nhân, người sử dụng bị hacker, virus, mã độc và chính từ sự chủ quan, bất cẩn của người dùng trong quá trình tham gia mạng xã hội đã đăng tải nhiều thông tin, hình ảnh cá nhân riêng tư* 140

IV- XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẠNG XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG LỐI SỐNG CỦA THANH, THIẾU NIÊN HIỆN NAY 141

1. Dự báo xu hướng phát triển và tác động của mạng xã hội đến lối sống của thanh, thiếu niên trong thời gian tới 141

2. Một số văn bản chính sách của Nhà nước đã ban hành trong lĩnh vực quản lý mạng xã hội và các lĩnh vực có liên quan 142

3. Đề xuất giải pháp quản lý, phát huy vai trò của mạng xã hội trong việc xây dựng văn hóa, lối sống của thanh, thiếu nhi hiện nay 142

PHẦN II

THỰC HÀNH VỀ VĂN HÓA ỨNG XỬ TRÊN MẠNG XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ MẠNG XÃ HỘI CHO HỌC SINH CẤP 2, CẤP 3 146

I- GIẢI THÍCH 146

1. Văn hóa 146

2. Mạng xã hội 147

3. Văn hóa ứng xử 149

3.1. Khái niệm 149

II- LỢI ÍCH CỦA MẠNG XÃ HỘI 149

III- THỰC TRẠNG VÀ TÁC HẠI CỦA MẠNG XÃ HỘI 150

IV- GIẢI PHÁP VÀ LỜI KHUYÊN 151

1. Phương hướng thực hiện 151

2. Lời khuyên 151

TÀI LIỆU THAM KHẢO 153

BAN CHỈ CHỈ ĐẠO

- | | | |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1. Đ/c Vi Ngọc Bích | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | Trưởng ban |
| 2. Đ/c Trương Công Ngân | Phó Trưởng ban Thường trực, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | Phó Trưởng ban |
| 3. Đ/c Phạm Thùy Dương | Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | Phó Trưởng ban |
| 4. Đ/c Đoàn Hải Đăng | Trưởng phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng | Thành viên |
| 5. Đ/c Trần Quang Hoàng | Trưởng phòng Tuyên truyền - Báo chí - Xuất bản | Thành viên |

BAN BIÊN SOẠN, BIÊN TẬP

Phạm Thùy Dương
Đoàn Hải Đăng
Trần Quang Hoàng
Vũ Văn Khương
Dương Quốc Phòng
Hoàng Đại Dương
Đoàn Mạnh Thắng
Nguyễn Thị Huệ
Phạm Thị Thu Hà
Phạm Duy Anh

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO THANH NIÊN
QUẢNG NINH

-----*-----

Chỉ đạo thực hiện
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Chịu trách nhiệm nội dung, xuất bản
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

Sửa bản in
PHÒNG LÝ LUẬN CHÍNH VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG

Ảnh tư liệu
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY,
TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG TỈNH,
TỈNH ĐOÀN QUẢNG NINH

In 1.300 cuốn, khổ 16x24 cm. Tại Công ty TNHH MTV In Quảng Ninh.
Giấy phép xuất bản số 14/GPXB-STTTT do Sở TTTT Quảng Ninh
cấp ngày 25 tháng 3 năm 2022. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2022.

